**BÀI 2: MIỀN CỔ TÍCH**

**A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc:**

**\* Đọc hiểu các văn bản:**

- *Sọ Dừa* (Truyên dân gian Việt Nam)

- *Em bé thông minh* (Truyên dân gian Việt Nam)

- *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ).

- *Non-bu và Heng-bu* (Truyện dân gian Hàn Quốc).

**\* Thực hành tiếng Việt.**

**2. Viết:**

Kể lại một truyện cổ tích (hình thức một bài văn hoặc một đoạn văn).

**3. Nói và nghe.**

Kể lại một truyện cổ tích.

**4. Ôn tập.**

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 14 tiết – KHGD:**

1. **Đọc và thực hành tiếng Việt: 7 tiết.**
2. **Viết: 2 tiết.**
3. **Nói và nghe: 2 tiết.**
4. **Ôn tập: 1 tiết**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích: đặc điểm thể loại của truyện cổ tích: các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, các nhân vật trong tính chỉnh thể của văn bản.

- Nhận biết được chủ đề của văn bản.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của trạng ngữ, biết cách sử dụng trang ngữ để liên kết câu.

- Viết được một bài văn kể lại một văn bản cổ tích.

**2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Biết cách tìm và chỉ ra những đặc điểm của nhân vật theo tuyến nhân vật trong truyện cổ tích. | **Đ1** |
| **2** | Chỉ ra được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong văn bản. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết tiêu biểu, quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được ý nghĩa của hai truyện cổ tích (giá trị nội dung của văn bản) và ý nghĩa bài thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ. | **Đ4** |
| **5** | Chỉ ra được tác dụng của một số yếu tố nghệ thuật như chi tiết kì ảo trong truyện cổ tích đã học. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các tuyến nhân vật, biết thể hiện thái độ và quan điểm cá nhân tại sao lại yêu hoặc ghét nhân vật trong văn bản. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản tự sự : kể lại một truyện cổ tích, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một nhân vật trong truyện cổ tích. | **V1** |
| **8** | Có khả năng tạo lập một văn bản biểu cảm: cảm nhận của cá nhân về một nhân vật trong truyện cổ tích. | **V2** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân). | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI** | | |
| **11** | - Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh.  - Biết lên án thói xấu trong xã hội.  - Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện. | **TN**  **TT**  **NA** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- N:** Nghe – nói (1,2: mức độ)

**- V:** Viết (1,2: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.

**- TN:** trách nhiệm.

**- TT:** Trung thực.

**- NA:** Nhân ái

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập:**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**PHIẾU HỌC TẬP 01**



**Câu 1**: Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình của Sọ Dừa. Những chi tiết ấy tạo cho em ấn tượng ban đầu như thế nào về Sọ Dừa?

****

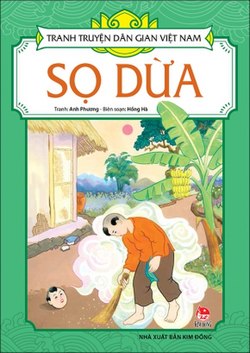
cÂ

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Câu 2**: Phẩm chất của Sọ Dừa được thể hiện như thế nào?

(Chuỗi hành động của Sọ Dừa).





**PHIẾU HỌC TẬP 02**



Em bé trong truyện cổ tích

“*Em bé thông minh”* đã vượt qua

những thử thách nào?

Những thử thách này có ý nghĩa

như nào trong việc thể hiện phẩm

chất của em bé thông minh?

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….**

**PHIẾU HỌC TẬP 03**

Tìm những câu thơ cho thấy lí do nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ yêu chuyện cổ nước mình. Thông điệp mà nhà thơ gửi gắm qua văn bản là gì?



**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

**3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***Sọ Dừa, Em bé thông minh.***  ***Chuyện cổ nước mình.*** | - Nắm được thông tin về văn bản  - Nắm được đề tài, chủ đề của truyện cổ tích *Sọ Dừa* và *Em bé thông minh*.  - Nắm được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong hai truyện cổ tích.  -Tìm được những câu thơ nêu lí do nhà thơ yêu chuyện cổ nước mình. | Phân tích những đặc điểm về ngoại hình, phẩm chất của nhân vật Sọ Dừa và em bé thông minh.  -Thấy được hiệu quả của cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh diễn tả tình cảm, nhận thức của nhà thơ về vẻ đẹp của những câu chuyện cổ nước mình. | - Kể lại một câu chuyện cổ tích (sử dụng ngôi thứ 3)  - Vận dụng hiểu biết về nội dung của hai truyện cổ tích để phân tích, cảm nhận về ý nghĩa câu chuyện, ý nghĩa những chi tiết tiêu biểu...  - Cảm nhận về những chi tiết, hình ảnh nổi bật trong bài thơ.  - Cảm nhận về ý nghĩa của bài thơ. | - So sánh các nhân vật trong hai truyện cổ tích này với nhân vật trong truyện cổ tích mà mình đã được đọc.  - Trình bày những kiến giải riêng, phát hiện sáng tạo về các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Biết tự đọc và khám phá các giá trị của một câu chuyện mới cùng thể loại cổ tích.  - Vận dụng kiến thức đã học để hình thành lối sống tich cực, hướng thiện.  - Trình bày ý kiến, đánh giá về giá trị tư tưởng của bài thơ.  - Vận dụng kiến thức đã học để hình thành lối sống tich cực, biết yêu những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc. |

**D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Câu hỏi:** Hiểu biết về truyện cổ tích: nhân vật, chi tiết kì ảo.

**2. Bài tập:** Sơ đồ tư duy về bài học, bài văn kể lại một truyện cổ tích. (kết hợp trong hoặc sau tiết học).

**3. Rubric:** Có thể sử dung tất cả bảng rubric này hoặc chọn một nội dung

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế sơ đồ tư duy về các truyện cổ tích và bài thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ trong SGK.  **(3 điểm)** | Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung  (1 điểm) | Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn.  (2 điểm) | Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.  (3 điểm) |
| Vẽ tranh về một nhân vật trong truyện cổ tích vừa học **(3 điểm)** | Các nét vẽ không đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  (1 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  (2 điểm) | Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  (3 điểm) |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về một đoạn văn bản trong các truyện cổ tích vừa hoc.  (4 điểm) | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt.   1. 2 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (3 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (4 điểm) |

**E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến truyện cổ tích. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | -Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung về truyện cổ tích**  **II. Đọc hiểu văn bản.**  1. *Sọ Dừa.*  2. *Em bé thông minh.*  3. *Chuyện cổ nước mình.*  **III.Đọc mở rộng theo thể loại:** *Non-bu và Heng-bu*  **IV.Thực hành Tiếng Việt.**  **V.Viết (Kể lại một câu chuyện cổ tích)** | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng** | **N1, V1, V2, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ mở rộng** | **Mở rộng**  **hiểu biết về chủ đề** | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá |

**G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động: Một trong các nội dung sau:**

- Học sinh kể tên những truyện cổ tích mà mình đã được nghe, được đọc.

- Nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện cổ tích mà mình đã biết.

- Qua hình ảnh GV trình chiếu, học sinh quan sát, đoán tên nhân vật hoặc tên tác phẩm.

Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động: (Nội dung 3)**

***- Bước 1*:** GV chiếu 1 số hình ảnh**.**

****

***(Cô bé lọ lem) (Cô bé quàng khăn đỏ)***

** **

**(Truyện cổ tích *Tấm Cám*) (Truyện cổ tích *Nàng tiên cá*)**

***- Bước 2:*** HS nhìn hình đoán tên truyện cổ tích hoặc nhân vật trong truyện cổ tích.

***- Bước 3*:** HS nêu cảm nhận về 1 truyện cổ tích hoặc 1 nhân vật trong truyện cổ tích đó.

***- Bước 4*:** GV nhận xét, khen ngợi và trao quà (phần thưởng, điểm hoặc tràng pháo tay ).

**GV dẫn dắt vào bài học mới:** Từ thuở ấu thơ, ai trong chúng ta cũng từng được bà hoặc mẹ kể cho nghe những câu chuyện cổ tích bắt đầu bằng “ngày xửa ngày xưa”, được đắm mình trong thế giới kì ảo với những nàng tiên, những hoàng tử, những khu vườn, những cánh rừng…Những hình ảnh đó theo ta vào giấc ngủ say nồng. Và khi tỉnh giấc, tâm hồn ta thấm đẫm những điều kì diệu vào cuộc sống, những bài học làm người lương thiện.

Đến với bài học hôm nay, các em sẽ có cơ hội tìm hiểu về truyện cổ tích để thêm yêu mến, trân trọng những sáng tác dân gian vô giá!

**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 1. ĐỌC**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ.**

(Nắm được những kiến thức cơ bản về truyện cổ tích)

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về truyện cổ tích: khái niệm, chi tiết thần kì, đề tài, chủ đề… )

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về truyện cổ tích.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Thao tác 1: Tìm hiểu chung về truyện cổ tích**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- \* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: yêu cầu HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 37,38.  **-** HS đọc **Tri thức đọc hiểu** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó bằng cách đặt câu hỏi:  + Thế nào là truyện cổ tích?  + Truyện cổ tích có những đặc trưng cơ bản nào?  **\* Bước 2: HS trình bày cá nhân.**  **\* Bước 3: Các HS khác nhận xét.**  **\* Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**  **- GV nhấn mạnh thêm:** Truyện cổ tích Việt Nam là những truyện truyền miệng dân gian kể lại những câu chuyện tưởng tượng xoay quanh một số nhân vật quen thuộc như nhân vật tài giỏi, nhân vật dũng sĩ, người mồ côi, người em út, người con riêng, người nghèo khổ, người có hình dạng xấu xí, người thông minh, người ngốc nghếch và cả những câu chuyện kể về con vật nói năng và hoạt động như con người.  **- GV chiếu cho HS xem một số hình ảnh về thế giới truyện cổ tích.** | **1. Khái niệm**  Truyện cổ tích là loại hình tự sự dân gian, chủ yếu sử dụng yếu tố nghệ thuật kì ảo để thể hiện cái nhìn hiện thực của nhân dân với đời sống, bộc lộ quan niệm về đạo đức cũng như công lí xã hội và ước mơ một cuộc sống tốt đẹp hơn của nhân dân lao động.  **2. Đặc trưng**  - Truyện cổ tích xây dựng một thế giới hư cấu, kì ảo  - Truyện cổ tích là những truyện kể đã hoàn tất, có cốt truyện hoàn chỉnh  - Truyện cổ tích có tính giáo huấn cao, mỗi câu chuyện là một bài học về đạo đức, ứng xử, về lẽ công bằng, thưởng phạt công minh.  **3. Phân loại truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích được chia thành ba loại sau:  + Cổ tích về loài vật  + Cổ tích thần kì  + Cổ tích sinh hoạt  *\* Truyện cổ tích thần kì:*  + Là loại truyện cổ tích có nội dung phong phú và số lượng nhiều nhất.  + Đặc trưng quan trọng của cổ tích thần kì là sự tham gia của các yếu tố thần kì vào tiến trình phát triển của câu chuyện.  + Thể hiện ước mơ cháy bỏng của nhân dân lao động về hạnh phúc gia đình, về lẽ công bằng trong xã hội, về phẩm chất và năng lực tuyệt vời của con người. |

**Thao tác 2: Đọc hiểu truyện cổ tích**

**Văn bản 1: *Sọ Dừa***

**a.Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ, GT-HT**

(Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện “Sọ Dừa” và một số đặc điểm tiêu biểu của nhân vật mang lốt xấu xí).

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Chuẩn bị đọc:**

**- Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi:**

+ Em đã bao giờ đánh giá người khác chỉ qua hình thức bên ngoài chưa?

+Theo em cách đánh giá như thế có chính xác không?

+ Em hiểu như nào về nhan đề: *Sọ Dừa*?

**- HS nhớ lại những trải nghiệm của mình về việc đánh giá con người qua hình thức bề ngoài, trả lời theo suy nghĩ cá nhân.**

**Ý 3 (nhan đề):** HS sẽ kết nối tên truyện với trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống của bản thân để trả lời:

+ Sọ Dừa là vỏ quả dừa.

+ là tên nhân vật nào đó trong văn bản.

+ là tên nhân vật người trong lốt sọ dừa

...

**Trải nghiệm cùng văn bản:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1. GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết kì lạ.  - Đọc diễn cảm phù hợp với từng nhân vật, từng diễn biến của câu chuyện.  **\*Bước 2. HS đọc.**  **\* Bước 3. Nhận xét cách đọc của HS.**  **\* Bước 2. GV giao nhiệm vụ:**  + Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì?  + Hãy kể tóm tắt truyện từ 5-7 câu?  + Em hãy giải nghĩa các từ: *phú ông, trạng nguyên, đi sứ, cá kình…*  + Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? nội dung từng phần?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3. Nhận xét.**  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Đọc.**  **2. Kiểu văn bản:** Tự sự  **3. Tìm hiểu chú thích: Từ khó** ( SGK-T40,41)  **4. Bố cục**: 3 phần  - **Đoạn 1** (Từ đầu ... đặt tên cho nó là Sọ Dừa): Sự ra đời của Sọ Dừa.  - **Đoạn 2** (tiếp ... phòng khi dùng đến): Sọ Dừa cưới cô út, trở về hình dáng tuấn tú và thi đỗ trạng nguyên.  - **Đoạn 3** (còn lại): Biến cố bị hãm hại và sự đoàn tụ vợ chồng. |

**Đọc hiểu cùng văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)**

**(Sử dụng phiếu học tập số 1)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Làm việc nhóm: Chia lớp thành 4 nhóm.**  **- Bước 1: GV sử dụng phiếu học tập số 1 đề giao nhiệm vụ.**  **Phiếu học tập 1**:  **Câu 1**: Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình của Sọ Dừa. Những chi tiết ấy tạo cho em ấn tượng ban đầu như thế nào về Sọ Dừa?  **Câu 2**: Tài năng, phẩm chất của Sọ Dừa được thể hiện như thế nào? (Chuỗi hành động của Sọ Dừa).  **+ Nhóm 1,3:** hoàn thiện câu 1 trong phiếu học tập.  **+ Nhóm 2,4:** hoàn thiện câu 2 trong phiếu học tập.  **- Bước 2: Các nhóm tiến hành thảo luận trong thời gian 8-10 phút.**  **- Các nhóm báo cáo sản phẩm.**  **- Bước 3: Nhận xét và nhận xét chéo.**  **- Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  **\*Làm việc cá nhân.**  **- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  + Tại sao cô Út bằng lòng lấy Sọ Dừa? Nhận xét nhân vật này?  + Hai cô chị nhà phú ông là người như thế nào?  **- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- Bước 3. Nhận xét.**  **- Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\*Làm việc cá nhân.**  **- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Truyện kết thúc như thế nào? Kết thúc như thế thể hiện ước mơ gì?  **- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- Bước 3. Nhận xét.**  **-Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\*Thảo luận theo bàn.**  **- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Truyện có ý nghĩa như thế nào?  **- Bước 2**. **HS thực hiện nhiệm vụ, cử đại diện báo cáo sản phẩm** (nếu được GV yêu cầu).  **- Bước 3. Nhận xét, thu các sản phẩm còn lại.**  **- Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Nhân vật Sọ Dừa**  **a. Sự ra đời của Sọ Dừa:**  - Hai vợ chồng nghèo ngoài 50 tuổi vẫn chưa có con.  - Người vợ vào rừng hái củi, thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước đã uống và rồi có mang.  - Sinh ra đứa bé không tay chân, tròn như quả dừa , cất được tiếng nói xin người mẹ nuôi minh  - Suốt ngày “cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì”. → tên nhân vật gắn với sự dị hình, dị dạng ấy.  => Những chi tiết ấy đã nói lên sự ra đời kì lạ của Sọ Dừa.  => Nhân dân muốn thể hiện:  + Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật mang lốt xấu xí.  + Quan tâm đến loại người đau khổ nhất, số phận thấp hèn, gợi ở người nghe sự thương cảm với nhân vật.  + Mở ra tình huống khác thường để cốt truyện tiếp tục phát triển.  **b. Tài năng, phẩm chất của Sọ Dừa:**  - Tài năng của Sọ Dừa:  + Chăn bò giỏi: “Ngày nắng cũng như… no căng”  + Tài thổi sáo  + Tự biết khả năng của mình: “gì chứ chăn bò thì con chăn được”, “giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ”  + Kiếm đủ sính lễ theo yêu cầu của phú ông.  + Thông minh khác thường, đỗ trạng nguyên.  + Tài dự đoán, lo xa chính xác: “khi chia tay quan trạng….phòng khi dùng đến”  - Phẩm chất:  + Còn nhỏ thì ngoan ngoãn, biết thương mẹ: nhận lời đến ở để chăn bò thuê cho phú ông.  + Lớn lên: Tốt bụng, nhân hậu.  + Khi có vợ: Thương yêu vợ, lo lắng, dặn dò vợ phòng thân khi phải xa nhau.  - Nhận xét mối quan hệ giữa ngoại hình và phẩm chất Sọ Dừa:  + Có sự đối lập trái ngược.  + Là sự khẳng định tuyệt đối về con người bên trong, đề cao giá trị chân chính của con người.  + Thể hiện ước mơ về sự đổi đời của nhân dân lao động.  + Mở ra tình huống khác thường để câu chuyện tiếp tục phát triển.  **2. Nhân vật cô Út.**  - Hiền lành, tốt bụng.  - Cô thương người ngay cả khi chưa biết gì về thực chất bên trong Sọ Dừa. Cô đối xử tử tế với chàng, có lòng nhân hậu, thông minh, giàu nghị lực…  - Cô út bằng lòng lấy Sọ Dừa vì nhận ra bản chất thực chất sự đẹp đẽ của Sọ Dừa.  => Cô được phần thưởng đáng quý: bà Trạng.  **3. Ước mơ của người lao động.**  - Kết thúc truyện:  + Sọ Dừa dị hình, dị dạng nhưng được làm quan trạng.  + Cô út được hưởng hạnh phúc.  + Hai cô chị xấu hổ bỏ đi biệt xứ.  - Uớc mơ của nhân dân:  + Mơ ước đổi đời.  + Mơ ước công bằng.  **4. Các chi tiết kì ảo trong truyện.**  - Sự ra đời của Sọ Dừa:  bà mẹ uống nước từ cái sọ dừa bên gốc cây to và có mang, sinh ra Sọ Dừa không có tay chân, tròn như quả dừa.  - Chàng đi chăn bò cho phú ông: không có chân tay nhưng chăn bò rất giỏi.  - Sọ Dừa biến thành chàng trai khôi ngô, thổi sáo chăn bò, có tiếng động chàng trai biến mất, chỉ còn lại Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy.  - Vợ Sọ Dừa bị hai cô chị hại đẩy xuống biển, cô lấy dao đâm chết cá và mổ bụng chui ra.  **\* Vai trò của các yếu tố thần kì:**  - Góp phần thể hiện bản chất tốt đẹp của Sọ Dừa ẩn trong vẻ xấu xí bên ngoài. => Giúp cho cuộc đời của Sọ Dừa bước sang một trang mới: chăn bò rất giỏi, gặp được con gái phú ông và cưới cô làm vợ.  - Thể hiện được ước mơ của nhân dân về những người hiền lành, lương thiện sẽ gặp được những điều tốt đẹp trong cuộc sống => bố mẹ của Sọ Dừa hiếm muộn nhưng hiền lành, chịu khó đã có con; Sọ Dừa dù hình dạng xấu xí nhưng lấy được người vợ hiền lành, nhân hậu; vợ Sọ Dừa đã thoát khỏi hoạn nạn.  - Góp phần làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, hứng thú hơn. |

**Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của Gv và HS** | **Sản phẩm** |
| **\* Làm việc cá nhân.**  **- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** +Trình bày giá trị nội dung (đề tài, chủ đề) và nghệ thuật của văn bản?  **- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- Bước 3. Nhận xét.**  **- Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Nghệ thuật**  Chi tiết tưởng tượng hoang đường (kì ảo), kể về nhân vật người mang lốt vật hấp dẫn.  **2. Nội dung**  Đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.  - Phản ánh hiện thực: Số phận bất hạnh của những con người bị khiếm khuyết, dị dạng trong cuộc sống, họ phải chịu nỗi đau tinh thần, chịu sự khinh thường, dè bỉu của những người xung quanh - Gửi gắm những ước mơ, khát vọng sống, khát khao hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình bình dị của những người lao động nghèo khổ - Ca ngợi tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau cũng như lòng nhân ái giữa người - người trong cuộc sống - Kín đáo bày tỏ thái độ lên án, phê phán xã hội phong kiến, đặc biệt là giai cấp địa chủ - Thể hiện niềm tin của nhân dân về sự công bằng xã hội và quan niệm sống "Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo". |

**LUYỆN TẬP VĂN BẢN *SỌ DỪA***

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ** (HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: Liệt kê những chi tiết kì ảo trong truyện cổ tích *Sọ Dừa*)

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, kể ra những chi tiết kì ảo.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Hãy chỉ ra các yếu tố kì ảo được sử dụng trong truyện Sọ Dừa. Theo em, các yếu tố kì ảo trong truyện này có vai trò gì?  **- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- Bước 3. Nhận xét.**  **- Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Câu hỏi thêm: Bài học rút ra qua truyện *Sọ Dừa*?** | - Các yếu tố kì ảo trong truyện Sọ Dừa:  + Sự thần kì trong việc người mẹ uống nước trong một cái sọ dừa và về có thai  + Sọ Dừa sinh ra hình dáng xấu xí, tròn lăn lóc.  + Biến thành chàng trai khôi ngô tuấn tú thổi sáo  + Trở về hình người sau khi lấy vợ  + Dự đoán trước được tai họa xảy đến và đưa dao, đá, hai quả trứng gà cho vợ.  - Các yếu tố kì ảo có vai trò:  +Khẳng định phẩm chất tốt đẹp trong Sọ Dừa.  +Tạo nên sự liên kết trong mạch truyện  + Tạo nên sự thu thú, hứng thú với bạn đọc.  - Cần đánh giá con người một cách toàn diện, không nên có cái nhìn phiến diện; không nên "nhìn mặt mà bắt hình dong" - Trong cuộc sống, ta cần có tấm lòng nhân ái, biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, đặc biệt đối với những người thiệt thòi, gặp khó khăn hơn mình. |

**VẬN DỤNG SAU TIẾT HỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1 (bắt buộc).**

**+ Nhiệm vụ 2,3 (chọn lựa)**

1. **Bài học rút ra qua truyện *Sọ Dừa***
2. Vẽ tranh.
3. Thiết kế sơ đồ tư duy bài học theo ý hiểu của mình

**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** (Nhiệm vụ 2, 3 có thể báo cáo sản phẩm vào tiết học sau)

**- Bước 3: Nhận xét, đánh giá sản phẩm, khen ngợi....**

**Rubric đánh giá sơ đồ tư duy:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung | Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn. | Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn. |

**- Bước 4: Chuẩn kiến thức.**

**Lưu ý:** GV giới thiệumột số truyện nhân vật mang lốt xấu xí như: *Lấy vợ cóc, chàng Bầu, Nàng út ống tre*… và cung cấp cho HS một vài bức tranh và sơ đồ để các em tham khảo và sáng tạo.

**Tranh về *Sọ Dừa***



**SƠ ĐỒ TƯ DUY**

****

**Văn bản 2: EM BÉ THÔNG MINH** (Truyện cổ tích Việt Nam)

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4 GQVĐ, GT- HT**

- Hiểu và cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của truyện cổ tích *Em bé thông minh.*

- Đặc điểm của truyện cổ tích qua nhân vật, sự kiện, cốt truyện ở tác phẩm *Em bé thông minh*.

- Truyện cổ tích và khát vọng về sự công bằng của nhân dân lao động.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện cổ tích *Em bé thông minh*.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ.**

**Chuẩn bị đọc**

**\* GV đặt câu hỏi**: -Người như thế nào thì được đánh giá là người thông minh?

- Theo em, người thông minh có thể giúp ích gì cho mọi người?

**\* HS tự suy nghĩ theo trải nghiệm và trả lời**

**Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- GV nêu yêu cầu đọc - đọc mẫu**  **- HS đọc phân vai - Lớp nhận xét.**  **- GV sửa**  **LÀM VIỆC CÁ NHÂN:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Kể tóm tắt lại truyện?  - GV hỏi một số chú thích 3,4, 6,13,16?  - Thế nào là “lỗi lạc”? “ Hoàng cung”?  - Truyện thuộc kiểu văn bản nào ?  - Truyện chia làm mấy đoạn? Nội dung từng đoạn?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Đọc và kể**  **\* Đọc** : Đọc chú ý phân biệt giọng các nhân vật, viên quan đọc với giọng hách dịch, vua giọng ngạc nhiên, hóm hỉnh. Chú bé đọc cao giọng, thể hiện vẻ hồn nhiên, vui tươi của trẻ nhỏ.  **\* Kể tóm tắt truyện nêu đủ các sự việc chính :**  - Vua sai cận thần đi tìm người tài giỏi giúp nước.  - Cận thần gặp hai cha con đang cày ruộng, hỏi câu hỏi oái oăm.  - Cậu bé đã trả lời bằng một câu đố lại.  - Quan về tâu vua, vua tiếp tục ra câu đố dưới hình thức lệnh vua ban.  - Em bé đã tìm cách đối diện vua và giải được câu đố.  - Vua quyết định thử tài em bé lần 3 bằng cách đưa một con chim sẻ bắt dọn thành 3 cỗ thức ăn.  - Em bé giải đố bằng cách đố lại.  - Nước láng giềng muốn xâm chiếm bờ cõi, bèn rò la tìm người tài bằng một câu đố.  - Vua quan đều không giải được phải nhờ đến em bé mới giải được.  - Em bé được phong là trạng nguyên.  **2. Chú thích:**  - Lỗi lạc : Tài giỏi khác thường.  - Hoàng cung : Nhà ở của gia đình vua.  **3. Kiểu văn bản và bố cục**  **a. Kiểu văn bản : Tự sự.**  **b. Bố cục : 4 đoạn**  - Đoạn 1 : Từ đầu → tâu vua : Vua tìm người hiền tài và em bé giải câu đố của quan  - Đoạn 2 : → với nhau rồi : Em bé giải câu đố của vua lần 1.  - Đoạn 3 : → rất hậu : Em bé giải câu đố của vua lần 2.  - Đoạn 4 : Còn lại : Em bé giải câu đố của sứ giả nước ngoài. |

**Đọc hiểu văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)**

**(sử dụng phiếu học tập số 2)**

**Phiếu học tập 2**: Em bé trong truyện cổ tích *Em bé thông minh* đã vượt qua những thử thách nào? Những thử thách này có ý nghĩa như nào trong việc thể hiện phẩm chất của em bé thông minh?

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Làm việc cá nhân.**  **- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - HS đọc phần mở truyện  - Vua được giới thiệu qua chi tiết nào?  - Để tìm người tài giỏi, viên quan đã làm cách nào?  - Viên quan và vua là người thế nào?  - Hình thức dùng câu đố để thử tài có phổ biến trong truyện cổ tích không? tácdụng  **- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- Bước 3. Nhận xét.**  **- Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Tổ chức hoạt động nhóm**: Tổ chức lớp thành 4 nhóm.  **Bước 1. GV giao nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu học tập số 2 **(cả 4 nhóm)**  **GV sử dụng kĩ thuật Khăn trải bàn.**  **- Từng thành viên suy nghĩ, ghi ra ý kiến của cá nhân (thời gian: 3 phút)**  **- Các thành viên tập hợp, thảo luận để thống nhất sản phẩm chung (hoàn thiện phiếu HT số 2)**  **C:\Users\TBC\Desktop\tải xuống (2).jpg**  **\* Một số gợi ý (nếu cần):**  - Sự mưu trí thông minh của em bé được thử thách qua mấy lần?  - Viên quan ra câu đố trong hoàn cảnh nào?  - Đọc lại câu đố của viên quan? Câu đố oái oăm ở chỗ nào?  - Em bé giải đố như thế nào? Nhận xét về cách giải đố của em bé?  - Qua đó em hiểu em bé là người như thế nào?  - Thái độ của viên quan?  **Bước 2. Các nhóm thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 8- 10 phút.**  **Bước 3. Báo cáo sản phảm**  **Bước 4. Đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức.**  **\* Một số gợi ý (Nếu cần):**  - Tính chất lần thử thách này như thế nào?  - Em có nhận xét gì về câu đố của vua?  - Thái độ của dân làng ra sao?  - Tác giả dân gian tả như vậy nhằm mục đích gì?  - Em bé đã giải đố như thế nào?  - Chứng tỏ em bé là người ra sao?  - Lần thứ ba vua thử tài như thế nào? Mục đích?  - Sự thông minh của em bé đã được khẳng định bằng cách giải đố như thế nào?  - Thái độ của vua?  - Lần thứ tư ai đố? Đố như thế nào?  - Em có nhận xét gì về tính chất, mức độ của câu đố?  - Thái độ và cách giải đố của các quan đại thần?  - Em bé đã giải đố bằng cách nào? Nhận xét.  - Em thấy mức độ qua bốn lần thử thách như thế nào?  - Điều đó nhằm mục đích gì?  - Những cách giải đố của em bé lí thú ở chỗ nào?  - Chứng tỏ em bé là người ra sao?  **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  - Truyện kết thúc ra sao?  - Em nhận xét gì về cách kết thúc truyện?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: Báo cáo sản phẩm.**  **\* Bước 4: Nhận xét và chuẩn kiến thức.**  **- GV nhấn mạnh:** Như vậy, trong truyện cổ tích luôn có sự tương tác, gắn kết giữa nhân vật, tình tiết, cốt truyện để giải quyết các vấn đề mà truyện đặt ra. | **1. Nhân vật em bé thông minh.**  **a. Tình huống xuất hiện nhân vật**  - Vua tìm người tài giỏi giúp nước.  - Quan:  + Đi khắp nơi để tìm.  + Ra câu đố oái oăm.  → Viên quan tận tuỵ, vua anh minh.  **b. Em bé qua những lần thử thách**  **b1. Lần thử thách thứ nhất:**  - Hoàn cảnh: hai cha con đang cày ruộng  - Viên quan hỏi: Trâu của lão cày một ngày được mấy đường?  → Không thể trả lời ngay một điều vớ vẩn, không ai để ý bằng một kết quả chính xác được.  - Em bé: Hỏi vặn lại viên quan.  → Cách giải bất ngờ, lí thú.  Em bé không lúng túng mà đẩy thế bị động sang phía người ra câu đố.  → Nhanh trí, thông minh (ăn miếng trả miếng, tương kế tựu kế, gậy ông đập lưng ông)  - Viên quan: bất ngờ, sửng sốt, phát hiện ra người tài.  **b2. Lần thử thách thứ hai:**  - Vua ra câu đố dưới hình thức lệnh vua ban.  - Tính chất nghiêm trọng: "…cả làng phải chịu tội"  - Câu đố hết sức phi lí, trái với qui luật tự nhiên.  - Ai nấy đều tưng hửng, lo lắng.  - Không hiểu thế là thế nào  - Bao nhiêu cuộc họp, lời bàn, vẫn không có cách gì giải quyết.  - Coi là tai hoạ.  → Khẳng định : câu đố quá khứ, oái oăm, tất cả đều chịu cả.  - Bảo làng thịt hai con trâu và đồ gạo nếp  - Nhận trách nhiệm lo liệu cả  - Thế nào cũng xong xuôi.  → Tự tin.  - Em bé đã tìm cách đối diện vua, đưa vua và quần thần vào bẫy của mình, để vua tự nói ra sự vô lí.  **b3. Lần thử thách thứ ba.**  - Vua lệnh cho hai cha con pha thịt chim  - Mục đích: để khẳng định chắc chắn sự thông minh của em bé.  - Em bé giải đố bằng cách đố lại vua: đưa cây kim → vua rèn dao.  - Vua phục tài, ban thưởng rất hậu.  **b4. Lần thử thách thứ tư:**  - Sứ thần nước ngoài đố: xâu chỉ qua vỏ ốc vặn.  - Tính chất nghiêm trọng, liên quan đến vận mệnh quốc gia.  - Triều đình nước Nam phải giải đố.  → Vua quan lúng túng, lo lắng, bất lực.  - Em bé đã dùng kinh nghiệm từ đời sống dân gian để giải đố.  - Cách giải đố dễ như một trò chơi trẻ con.  → Tính chất oái oăm của câu đố ngày một tăng tiến. Đối tượng ra câu đố cũng ngày một cao hơn, điều đó càng làm nổi bật sự thông minh hơn người và tài trí của em bé.  - Những cách giải đố của em bé rất lí thú:  + Đẩy thế bị động về người ra câu đố.  + Làm cho người ra câu đố thấy cái phi lí  + Dựa vào kiến thức đời sống.  + Người đọc bất ngờ trước cách giải giản dị, hồn nhiên của người giải.  → Em bé có trí tuệ thông minh hơn người, giải quyết vấn đề nhanh nhạy.  → Tính cách ngây thơ, hồn nhiên., biết giúp đỡ mọi người khi cần thiết.  Em bé đã khiến nhà vua, các quan và người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.  → Ai nấy đều thán phục  **2. Kết thúc truyện**: Phần thưởng xứng đáng.  - Em bé được phong làm trạng nguyên, được ở gần vua.  → Kết thúc hay, phù hợp với diến biến của truyện, đáp ứng mong muốn của người đọc, thể hiện rõ chủ đề của truyện (xứng đáng với sự thông minh, tính cách đáng yêu của em bé).  → Đây là một kết thúc có hậu (thường thấy trong truyện cổ tích). |

**Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện?  - Nếu (đề tài) ý nghĩa của truyện?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Đánh giá sản phẩm.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Nghệ thuật**  - Truyện cổ tích về kiểu nhân vật thông minh, tình huống bất ngờ, gây cười.  - Kết thúc có hậu.  **2. Nội dung**  - Đề cao trí thông minh của em bé, của người lao động, trí thông minh được đúc rút từ hiện thực cuộc sống, kinh nghiệm đời sống lao động vô cùng phong phú.  Đề cao kinh nghiệm dân gian.  - Ý nghĩa hài hước, mua vui. |

**Luyện tập sau tiết học**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ** (HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: kể diễn cảm truyện)

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Văn bản tóm tắt miệng của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy kể diễn cảm truyện *Em bé thông minh*.

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ (**Lưu ý yếu tố diễn cảm**)**

**\* Bước 3. Đánh giá sản phẩm.**

**\* Bước 4: Rút kinh nghiệm.**

**Gợi ý:**

**Kể diễn cảm truyện**

Có ông vua nọ, vì muốn tìm người hiền tài nên đã cho một viên quan đi dò la khắp cả nước. Viên quan ấy đến đâu cũng ra những câu đố oái oăm, hóc búa để thử tài mọi người hy vọng tìm ra người hiền tài giúp nước.



Một hôm, viên quan thấy hai cha con đang làm ruộng bèn hỏi một câu rất khó về số đường cày con trâu cày được trong một ngày. Ông bố không trả lời được, cậu con trai nhanh trí hỏi vặn lại khiến viên quan thua cuộc. Biết đã gặp được người tài, viên quan nọ về bẩm báo với vua. Vua tiếp tục thử tài cậu bé, bắt dân làng đó phải làm sao cho trâu đực đẻ ra trâu con. Bằng cách để cho nhà vua tự nói ra sự vô lí trong yêu cầu của mình, cậu bé đã cứu dân làng thoát tội. Cậu tiếp tục chứng tỏ tài năng bằng cách giải các câu đố tiếp theo và được nhà vua ban thưởng rất hậu.

Vua nước láng giềng muốn kéo quân sang xâm lược nhưng trước hết muốn thử xem nước ta có người tài hay không bèn cho sứ giả mang sang một chiếc vỏ ốc vặn thật dài và đố xâu sợi chỉ qua. Tất cả triều đình không ai giải được lại tìm đến cậu bé. Với trí thông minh khác người, lại sống gần gũi với thực tế, cậu bé vừa chơi vừa giải đố, kết quả là tránh được cho đất nước một cuộc chiến tranh. Nhà vua thấy thế bèn xây dinh thự ngay cạnh hoàng cung để cậu ở cho tiện việc hỏi han, đồng thời phong cho cậu làm Trạng nguyên.

**VẬN DỤNG SAU TIẾT HỌC.**

**(có thể vận dụng chung sau khi học xong 2 văn bản)**

**\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**

1. Lời giải đố của nhân vật thông minh trong truyện cổ tích thường dựa vào kiến thức từ đời sống. Theo em, việc tích lũy kiến thức từ đời sống có tác dụng gì đối với chúng ta?

2. Trò chơi đóng vai;

* Chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu hoạt động cá nhân theo tổ

- Mỗi nhóm chọn một lá thăm trong đó có ghi lại những lần vượt qua thử thách của em bé thông minh.

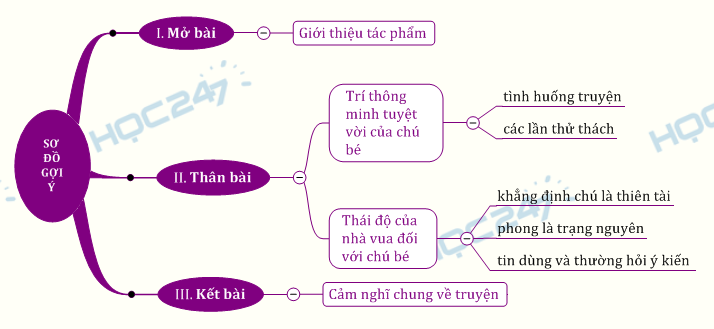
- Hãy đóng vai các nhân vật để tái hiện những lần vượt qua thử thách của em bé thông minh.

- Các nhóm chấm điểm chéo lẫn nhau.

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\*Bước 3. Đánh giá sản phẩm.**

**\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**



**Nội dung 2. Đọc kết nối chủ điểm:**

***Chuyện cổ nước mình.***

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

(Hiểu ý nghĩa nội dung: Ca ngợi kho tàng truyện cổ tích của đất nước. Đó là những câu chuyện vừa nhân hậu lại vừa thông minh, chứa đựng kinh nghiệm sống của ông cha ta).

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Chuẩn bị đọc**

**\* Bước 1. GV đọc câu hỏi:** Nhan đề *Chuyện cổ nước mình* được hiểu như thế nào?

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Đánh giá sản phẩm, khen ngợi người thắng cuộc**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**

**Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Hoạt động cá nhân.**  **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - Em hãy cho biết những nét chính về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**  **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - Em hãy đọc to, rõ ràng và diễn cảm bài thơ.  - Bài thơ có thể chia làm mấy phần? (Nội dung)  **\* Bước 2. GV hướng dẫn cách đọc.**  **\* Bước 3. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4. Nhận xét phần đọc của HS.** | **1. Tác giả.**  - Lâm Thị Mỹ Dạ sinh tại quê: huyện [Lệ Thủy](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%87_Th%E1%BB%A7y,_Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh), tỉnh [Quảng Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh). Hiện bà đang sống tại thành phố [Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF), tỉnh [Thừa Thiên – Huế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn_Hu%E1%BA%BF). Chồng bà – [Hoàng Phủ Ngọc Tường](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Ph%E1%BB%A7_Ng%E1%BB%8Dc_T%C6%B0%E1%BB%9Dng) cũng là một nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam).  **2. Tác phẩm.**  **a. Đọc.**  **b. Bố cục:** 2 phần:  -Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.  - Ý nghĩa chuyện cổ nước mình. | |

**Đọc hiểu văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)**

**(Sử dụng phiếu học tập số 3)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động nhóm bàn**: Mỗi bàn là một nhóm nhỏ (Sử dụng phiếu HT số 3)  **\*Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ**: Hãy hoàn thiện phiếu học tập số 3.  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm** (nếu được GV yêu cầu)  **\*Bước 3. Nhận xét, đánh giá sản phẩm và thu các sản phẩm còn lại.**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**    **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Em hiểu như nào về các câu thơ: “Đời cha ông với đời tôi/Như con sông với chân trời đã xa/Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Qua câu thơ: “Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời cha ông dạy cũng vì đời sau”, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Bài thơ gợi cho em nhớ đến những chuyện cổ nào? (*Tấm Cám* (Thị thơm thị giấu người thơm...), *Đẽo cày giữa đường* (Đẽo cày theo ý người ta).  - Em hiểu ý hai dòng thơ cuối bài như thế nào?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả** | **1. Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.**  - Chuyện cổ nước mình giàu lòng nhân ái: đó là tình thương giữa con người với con người.  - Chuyện cổ nước mình gửi gắm những phẩm chất quý báu của cha ông như lẽ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng….  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương mình rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*  - Chuyện cổ nước mình gửi gắm tình thương người bao la và triết lí về niềm tin "ở hiền gặp lành":  *Ở hiền thì lại gặp hiền*  *Người ngay thì gặp người tiên độ trì*  Chuyện cổ nước mình phản ánh ý nghĩa cuộc sống một cách sâu xa, kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa.  Chuyện cổ nước mình là một kho tang chuyện phong phú, đa dạng.  **2. Ý nghĩa chuyện cổ nước mình.**   1. Hành trang tinh thần.   - Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần: sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, đi tới mọi miền quê xa xôi…  **-** *Mang theo chuyện cổ tôi đi*  *Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa.*  *Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa.*  *Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*  b. Phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại.  *-* Đọc chuyện cổ nước mình như được gặp lại ông cha, khám phá được bao phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên mình.  **-** Giúp thế hệ đời sau tiếp nhận được những phẩm chất quý báu của cha ông như lẽ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng tình nhân ái bao la…  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương mình rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*  - Truyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ: *đời cha ông với đời tôi*  - Vì truyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa (*người thơm*: người có phẩm chất tốt đẹp)  - Chứa đựng bài học ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ. - Hai câu cuối nhấn mạnh lời răn dạy của ông cha ta về lẽ sống, về tình thương, về nhân cách, về đức độ, sự cần cù, lòng nhân ái, …  Đó là bài học quý giá cho con cháu đời sau. |

**Tổng kết.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Nêu ý nghĩa của truyện?  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Đánh giá sản phẩm.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Nội dung**  **-**Vẻ đẹp của chuyện cổ nước ta.  - Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà.  Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau.  **2. Nghệ thuật.**  - Thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ.  - Các biện pháp tu từ: Nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi)… |

**HĐ Luyện tập sau tiết học**

**Tổ chức** **trò chơi**: Vòng quay may mắn (theo đường link)

**-** GV đọc từng câu hỏi. HS nào trả lời đúng và nhanh thì sẽ giành được phần quà.

**Câu 1.**Vì sao tác giả yêu chuyện cổ nước ta?

**Câu 2.**Phương thức biểu đạt chính của bài thơ *Chuyện cổ nước mình* là gì?

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của bài thơ?

**Câu 4.** Hãy liệt kê ít nhất hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong bài thơ.

**Câu 5.** Em hiểu ý hai dòng thơ "Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời ông cha dạy cũng vì đời sau" như thế nào?

Đáp án

**Câu 1.** Tác giả yêu chuyện cổ nước ta vì:

- Vì chuyện cổ nước mình vừa nhân hậu vừa tuyệt vời sâu xa.

- Vì chuyện cổ nước mình có nhiều nội dung tốt đẹp, chứa đựng nhiều bài học làm người quý báu đối với nhiều thế hệ,..

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm

**Câu 3.** Nội dung chính của đoạn thơ: Tình cảm yêu mến của tác giả đối với chuyện cổ dân gian, cảm nhận thấm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những chuyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy.

**Câu 4.**Hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong bài thơ: [*ở hiền gặp lành*](https://doctailieu.com/ban-luan-ve-tuc-ngu-o-hien-gap-lanh)*,*[*thương người như thể thương thân*](https://doctailieu.com/giai-thich-cau-tuc-ngu-thuong-nguoi-nhu-the-thuong-than-2)*, Yêu nhau mấy núi cũng leo- mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.*

**Câu 5.**Ý nghĩa hai dòng thơ *"Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời ông cha dạy cũng vì đời sau."* Là những lời răn dạy của cha ông đối với đời sau. Qua những câu chuyện ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ .

**NỘI DUNG 2. VIẾT NGẮN**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế: viết một đoạn văn ngắn trình bày cảm xúc về tác phẩm văn học dân gian.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- Đề bài.**Viết đoạn văn trình bày cảm xúc về một truyện cổ tích mà em thích nhất, trong đó có sử dụng 3 trạng ngữ (không quá 200 từ)  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ (có thể giao về nhà)**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả.**  **\* Bước 4. Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **Yêu cầu:**  - Đoạn văn phải có câu chủ đề.  - Đoạn văn phải sử dụng ít nhất 3 trạng ngữ.  **Các bước tiến hành**  - Nêu vấn đề.  - Giải thích.  - Bàn luận  - Bài học nhận thức sau khi đọc truyện cổ tích đó).  \* Gạch chân 3 trạng ngữ trong đoạn văn |

**NỘI DUNG 4. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a**. **Mục tiêu**: TV- GQVĐ (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về trạng ngữ, từ láy, thành ngữ).

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhắc lại lí thuyết về trạng ngữ, từ láy, thành ngữ và hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại khái niệm, ý nghĩa, hình thức, dấu hiệu nhận biết trạng ngữ, thành ngữ, từ láy  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trả lời miệng.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Phần thực hành, GV vận dụng kĩ thuật khăn trải bàn:**  - Từng thành viên sẽ suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy.  - Sau đó gặp nhóm, trao đổi và thống nhất ý kiến, tổng hợp vào phiếu học tập (tờ giấy A0)  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **+ Nhóm 1. Bài tập 1 trang 48**  **+ Nhóm 2. Bài tập 2 trang 48.**  **+ Nhóm 3. Bài tập 3 trang 48.**  **+ Nhóm 4. Bài tập 4 trang 48**  **- Nhiệm vụ nhóm 1:** Hãy tìm và nêu tác dụng của trạng ngữ trong câu dưới đây:  **a.** *Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa, cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra, chạy vào thật tấp nập***.**  **b.** *Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả***.**  **c.** *Lập tức, vua cho gọi cả hai cha con vào ban thưởng rất hậu.*  **d.** *Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau***.**  **- Nhiệm vụ nhóm 2:** Hãy nêu tác dụng liên kết câu của trạng ngữ trong hai đoạn văn sau: (đoạn a, b trong sgk bài tập 2)  **- Nhiệm vụ nhóm 3:** Đọc đoạn văn, tìm từ láy và chỉ ra tác dụng?  **- Nhiệm vụ nhóm 4.** Đọc đoạn văn, tìm thành ngữ và chỉ ra ý nghĩa của thành ngữ đó?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả. Nhận xét chéo giữa các nhóm**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức.** | **I.Nhắc lại lí thuyết về trạng ngữ, từ láy, thành ngữ.**  **1. Trạng ngữ**  **a. Khái niệm.**  Trạng ngữ là thành phần nằm trong câu có nhiệm vụ xác định thời gian, nguyên nhân, nơi chốn, mục đích… của sự việc, hành động được nhắc đến trong câu.  **b. Ý nghĩa:** TN thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.  **c. Hình thức**: trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu.  **d**.Trạng ngữ thường **ngăn cách** với nòng cốt câu bằng một **quãng nghỉ** khi nói hay một **dấu phẩy** khi viết.  **2. Từ láy**  **a. Khái niệm.**  Từ láy là dạng đặt biệt của từ phức, được cấu tạo từ 2 tiếng, trong đó phần nguyên âm hoặc phụ âm được láy giống nhau hoặc chỉ 1 phần nguyên âm và phụ âm láy như nhau. Khác với từ ghép đa phần các từ cấu thành đều có nghĩa, từ láy có thể chỉ 1 từ có nghĩa, có thể không từ nào có nghĩa khi đứng riêng một mình. **b. Các loại từ láy.** Về cơ bản từ láy đươc chia thành 2 loại, gồm từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận.  **- Từ láy toàn bộ:** Là loại từ đươc láy giống nhau cả phần âm, vần, dấu câu ví dụ như xanh xanh, ào ào. Đôi khi để nhấn mạnh một âm thanh hay hành động mà dấu câu có thể khác nhau như thăm thẳm, lanh lảnh…  **- Từ láy bộ phận:** Là loại từ được láy giống phần âm hoặc phần vần, dấu câu có thể giống hoặc khác tùy vào cách người dùng muốn. Ví dụ như *ngơ ngẩn, lác đác, dào dạt*… Từ láy bộ phận thường được sử dụng nhiều hơn từ láy toàn bộ vì dễ phối vần và âm.  **3. Thành ngữ.**  - Cấu tạo cố định  - Biểu thị ý nghĩa hoàn chỉnh  **II. Thực hành.**  **1.Bài tập 1 trang 48.**  **Câu a:**  - Trạng ngữ: *Ngày cưới*  - Tác dụng: Nhấn mạnh thời gian, tạo sự chú ý của người đọc về sự linh đình trong ngày cưới của Sọ Dừa.  **Câu b:**  - Trạng ngữ: *Đúng lúc rước dâu.*  - Tác dụng: nhấn mạnh thời gian, tạo sự chú ý của người đọc vào thời điểm diễn ra sự việc: không thấy Sọ Dừa đâu.  **Câu c:**  - Trạng ngữ: *Lập tức*  - Tác dụng: nhấn mạnh tính mau lẹ, khẩn trương, tức thì của sự việc.  **Câu d:**  - Trạng ngữ: *Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ*  **-** Tác dụng: Làm nổi bật thông tin ở nòng cốt câu (mục đích cuộc đi sứ, thái độ của vua quan).  **Bài tập 2 trang 48.**  **- Đoạn văn a.**  Tác dụng: Nối kết các câu với nhau, góp phần làm cho đoạn văn rõ ràng, mạch lạc về ý: Sọ Dừa đỗ trạng nguyên – đi sứ - dặn dò vợ phòng bất trắc xảy ra.  **- Đoạn văn b:**  Tác dụng kết nối hai câu văn, nhấn mạnh nguyên nhân, diễn biến sự việc: hai cô chị ghen ghét nên tìm cách hãm hại cô út.  **Bài tập 3 trang 48**  - Các từ láy trong đoạn văn: *véo von, rón rén, lăn lóc*  **- Tác dụng:**  + Nhấn mạnh âm thanh cao và trong, lên xuống nhịp nhàng trong âm thanh tiếng sáo của Sọ Dừa.  + Nhấn mạnh sự nhẹ nhàng, thong thả trong hành động của cô út.  + Nhấn mạnh tư thế không bình thường của Sọ Dừa.  **Bài tập 4 trang 48**  - Thành ngữ: *Mở cờ trong bụng.*  - Ý nghĩa: Diễn tả (nhấn mạnh) niềm vui, sự sung sướng của vua và các triều thần. |

**NỘI DUNG 5. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI.**

***NON-BU VÀ HENG-BU***

(Truyện cổ tích Hàn Quốc)

**a.Mục tiêu**: HS có cái nhìn toàn diện hơn về truyện cổ tích, có thể so sánh truyện cổ tích Việt Nam với truyện cổ tích của các nước trên thế giới.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân để tìm hiểu văn bản**.**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời hoặc phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Chuẩn bị đọc:**

GV có thể khởi động, tạo hứng thú cho tiết học bằng cách chiếu 1 video giới thiệu về đất nước Hàn Quốc xinh đẹp với những nét văn hóa truyền thống riêng.

**Thực hành đọc:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy đọc truyện cổ tích *Non-bu và Heng-bu.*  **+ GV hướng dẫn cách đọc:** Đọc chậm và đọc diễn cảm từng đoạn theo tâm lí và hành động của nhân vật.  **\* Bước 2. GV đọc mẫu một đoạn.**  **\* Bước 3. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4. Nhận xét việc đọc văn bản của HS.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong truyện có những nhân vật nào? Họ có mối quan hệ với nhau như thế nào? Tính cách từng nhân vật ra sao?  - Liệt kê các chi tiết cho thấy sự khác biệt về tính cách của hai anh em?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy chỉ ra các đặc điểm của truyện cổ tích thể hiện trong văn bản Non-bu và Heng-bu?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua việc tìm hiểu truyện cổ tích này, em rút ra bài học gì cho bản thân?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời.**  **\* Bước 4. Nhận xét.** | **I. Đọc văn bản.**  (Có thể đọc ở nhà)  **II. Đọc hiểu văn bản.**  **1. Nhân vật.**  - Có 2 nhân vật: Non-bu và Heng-bu.  -Họ là hai anh em.  - Tính cách đối lập:  + Non-bu: Ích kỉ, độc ác – tâm địa xấu xa.  Dẫn chứng (SGK)  + Heng-bu: Thật thà, tốt bụng, nhân hậu và vị tha.  Dẫn chứng (SGK)  **2. Đặc điểm của truyện**  - Nhân vật chính trong truyện cổ tích thường là kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật bất hạnh, nhưng đều người hiền lành, tốt bụng, dũng cảm, thật thà (Heng-bu)  - Truyện thể hiện nhân dân ta luôn có ước muốn trong cuộc sống cái thiện luôn chiến thắng cái ác, ác giả ác báo (Heng-bu tốt bụng thì có cuộc sống giàu có, hạnh phúc; còn Non-bu ích kỉ, độc ác sẽ bị quả báo…)  - Để gửi gắm niềm tin, ước mơ của nhân dân, truyện cổ tích lúc nào cũng có kết thúc là cái thiện luôn luôn chiến thắng cái ác.  **3. Bài học rút ra.**  - Luôn sống tốt, giúp đỡ những người khó khăn…  - Không gây thù oán, sống tích cực… |

**Sau thực hành.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV chiếu bài tập giả định lên màn hình.**  **Bài tập: Giả định** em là nhân vật Heng-bu thì em sẽ có suy nghĩ và cảm xúc như thế nào trước những hành động và lối sống của anh trai Non-bu?. Liệu em có cách ứng xử giống như Heng-bu không?  **GV có thể hỏi thêm:** Qua lối sống của nhân vật Non-bu, em rút ra bài học gì trong cuộc sống?  **- GV nhận xét, bổ sung, định hướng HS đến lối sống tích cực và hướng thiện.** | **HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.** |

**NỘI DUNG 6. VIẾT.**

**a. Mục tiêu: Đ5, N1, V1, GT-HT, GQVĐ**

(Viết một bài văn kể lại một câu chuyện cổ tích thuộc loại văn kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình (người kể sử dụng ngôi thứ 3).

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: kể lại một truyện cổ tích.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Trước hoạt động:** Em hãy tìm đọc truyện *Cây khế* và tập kể lại.

**Hoặc:**

- GV dùng máy chiếu chiếu trực tiếp một bài viết của HS kể về truyện cổ tích hoặc chiếu một bài văn của HS (được đánh máy lại).

- HS quan sát, nhận xét cách làm bài, cách trình bày, chữ viết, chính tả, câu…. của bài viết đó.

**- Nhận xét,** **logic vấn đề:** Em đã từng đọc, được nghe kể nhiều truyện cổ tích hay. Có những truyện để lại ấn tượng rất sâu đậm trong kí ức của em. Có khi nào em muốn tự mình kể lại cho mọi người nghe những câu chuyện thú vị đó hay không? Cách thức kể như thế nào?....Bài học này sẽ hướng dẫn những bước cơ bản để em biết cách viết bài văn kể lại một truyện cổ tích.

**Trong hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Em hãy đọc văn bản *Kể lại chuyện cổ tích “Cây khế”* trong SGK trang 52, 53 và trả lời các câu hỏi sau:  + Người kể có nêu được thời gian, địa điểm xảy ra câu chuyện hay không?  + Người kể có đảm bảo kể đủ những sự việc chính đã diễn ra trong truyện *Cây khế* không?  + Những hành động của nhân vật trong truyện có bị người kể bỏ sót không?  + Từ bài văn kể lại truyện Cây khế, em học được điều gì về cách kể lại một truyện cổ tích?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3. GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 4. Chuẩn kiến thức về cách kể lại truyện cổ tích.**  **Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Em hãy viết một bài văn khoảng 400 chữ kể lại một truyện cổ tích mà em đã học hoặc đã đọc.  **- GV hướng dẫn quy trình viết bằng cách yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:**  **- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** Dựa vào dàn ý trên, viết thành một bài văn hoàn chỉnh  **- HS tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng)**  **- HS đọc lại câu chuyện của mình lần thứ 2 và kiểm tra để điều chỉnh bài viết.**  **- Trình bày sản phẩm trước nhóm (bàn).**  **- Nhận xét sản phẩm của bạn và góp ý cho bạn.** | **I. Cách kể lại một truyện cổ tích.**  **1. Kể lại một truyện cổ tích** thuộc loại văn kể chuyện, trong đó , người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài.**  - Người kể dử dụng ngôi thứ 3.  - Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.  - Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.  **3. Bố cục.**  **- Mở bài:** Giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do kể).  **- Thân bài:** Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.  **- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.  **II. Thực hành, luyện tập.**  **2. *Bước 1.* *Chuẩn bị trước khi viết.***   1. **Xác định đề tài.**   + Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì?  + Kiểu bài mà đề yêu cầu là gì?  **b. Thu thập tư liệu.**  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý.**  **a. Tìm ý.**  - Truyện có tên là gì? Vì sao em chọn kể lại truyện này?  - Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện như thế nào?  - Truyện có những nhân vật nào?  - Truyện gồm những sự việc nào? Các sự việc xảy ra theo trình tự nào?  -Truyện kết thúc như thế nào?  - Cảm nghĩ của em về truyện?  **b. Lập dàn ý.**   |  |  | | --- | --- | | **Mở bài** | **Giới thiệu**  - Tên truyện. - Lí do muốn kể lại truyện. | | **Thân bài** | **\* Trình bày.**  - Nhân vật  - Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  **\*Kể chuyện theo trình tự thời gian.**  - Sự việc 1:  - Sự việc 2:  - Sự việc 3:  - Sự việc 4:  - …. | | **Kết bài** | **Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.** |  1. ***Bước 3: Viết bài.*** 2. ***Bước 4*: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.***   **\* Kiểm tra lần thứ 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | **Mở bài** | **Nêu tên truyện.**  - Nêu lí do em muốn kể chuyện.  - Dùng ngôi thứ 3 để kể. |  | | **Thân bài** | - Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  - Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc.  - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian.  - Sự việc này tiếp sự việc kia một cách hợp lí.  - Thể hiện được các yếu tố kì ảo. |  | | **Kết bài** | Nêu cảm nghĩ của về câu chuyện. |  |   **\* Kiểm tra lần thứ 2 - điều chỉnh bài viết.**  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).   1. ***Bước 5: Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm.*** |

**NỘI DUNG 7. NÓI VÀ NGHE**

**(KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH)**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ (**HS có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp).

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Trước hoạt động**

**- GV mở youtube cho HS nghe một đoạn video (có tiếng và hình) kể một câu chuyện cổ tích?**

**- GV giao nhiệm vụ:** Em có nhận xét gì về giọng kể, ngôi kể?

**- HS thực hiện nhiệm vụ.**

**- Vào bài (kĩ năng nói và nghe).**



**Trong hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1.GV giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu của việc kể lại truyện cổ tích bằng lời nói là gì?  - Để bài kể lại truyện bằng lời nói thêm hấp dẫn người nghe, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào ngoài giọng nói?  - Yêu cầu của người nghe như thế nào?  **\* Bước 2. HS trả lời.**    **\*Bước 1.** **GV giao nhiệm vụ**:Trước khi kể lại truyện bằng lời nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài kể lại truyện bằng lời nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **\* Bước 2. HS trả lời.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ**:  Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?  **\* Bước 2.HS lập dàn ý.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1.** **GV giao nhiệm vụ:**  - GV gọi 1 số em lên thực hành trước lớp: Em hãy trình bày lại bài viết của mình bằng ngôn ngữ nói đã hoàn thiện qua kĩ năng Viết. Bài trình bày phải chú ý giọng điệu, ngữ điệu, cảm xúc…  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét của HS.**  **- Nhận xét của GV.**  **\* Bước 4. Đánh giá sản phẩm bằng điểm hoặc quà….:**  **\* GV giao nhiệm vụ:**  **-** Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  - Em tự nhận xét về nội dung và cách nói của bản thân; cách nghe các trình bày của bản thân.  **HS thực hiện nhiệm vụ.**  **-** | **I. Yêu cầu chung**  **\*Với người nói:**  - Không viết văn mà kể lại truyện cổ tích đó bằng lời.  - Bám sát sự kiện chính nhưng có thể sáng tạo thêm những chi tiết hình ảnh, cách kết thúc truyện  - Phân biệt kể miệng (văn nói) với kể bằng viết (văn viết), chú ý cách kể, giọng kể, kết hợp với ngôn ngữ hình thể ( *cử chỉ, ánh mắt, nét mặt,...)* phù hợp với nội dung câu chuyện. Trong trường hợp cần thiết, người kể có thể sử dụng các thiết bị hỗ trợ khác (*tranh, ảnh, video,..*.)  **\*Với người nghe:**  **-** Chú ý lắng nghe bạn trình bày đểnắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; có đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn.  - Cần có thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, đúng mực, động viên khi nghe bạn kể chuyện.  **II.Các bước xây dựng bài nói kể lại một truyện cổ tích**  **1. Bước 1: Chuẩn bị**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).  - Đọc lại truyện.  - Sắp xếp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).  **2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**  Xem lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần Viết đề bổ sung, chỉnh sửa.  - Chú ý kiểm tra các sự kiện chính, các yếu tố sáng tạo trong nội dung và cách kể lại câu chuyện.   1. **Bước 3: Thực hành nói và nghe**   - Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại truyện trước tổ hoặc lớp. (có thể luyện tập kể trước gương khi ở nhà).  - Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.   1. **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra. |  | | - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ ba để kể lại câu chuyện. |  | | - Yếu tố sáng tạo trong nội dung, chi tiết, lời kể và cách kể. |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc, giọng kể, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ phù hợp với nội dung được kể. |  |   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể. |  | | - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện. |  | |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CHO CẢ BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong cả chủ đề bài học để làm bài tập

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra (viết đoạn văn).

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn đã hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ.**  **Đề bài.**Viết đoạn văn (không quá 200 từ) trình bày suy nghĩ về vai trò của văn học dân gian trong việc bồi đắp nhân cách, tâm hồn con người?  **(có thể giao về nhà)**  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả.**  **\* Bước 4. Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | - **Nêu vấn đề cần nghị luận**: vai trò của văn học dân gian trong việc bồi đắp nhân cách, tâm hồn con người  - **Giải thích**: Văn học dân gian là những sáng tác tập thể của nhân dân được lưu truyền bằng hình thức truyền miệng …  - **Bàn luận**:  + Văn học dân gian có nguồn gốc xa xưa, được giữ gìn và phát triển qua bao thế hệ  + Văn học dân gian giúp bồi đắp tâm hồn, nhân cách con người: yêu cái đẹp, đấu tranh chống cái xấu, cái ác; biết ước mơ, hi vọng; đưa ra nhiều kinh nghiệm sống và lời khuyên bổ ích...  - **Bài học nhận thức và hành động**:  + Văn học dân gian là ngọn nguồn nuôi dưỡng, là cơ sở của văn học viết  + Mỗi học sinh cần có biết trân trọng, giữ gìn, góp phần bảo tồn VHDG…  - Khẳng định lại vấn đề: vai trò của văn học dân gian trong việc bồi đắp nhân cách, tâm hồn con người. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CẢ BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: -HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cách chuyển thể đoạn văn bản văn học sang kịch.

- Làm việc nhóm để chọn đoạn văn bản, xây dựng kịch bản, phân vai và đóng kịch.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ.**  **Nhiệm vụ:** Chọn 1 đoạn trong 2 văn bản 1,2 rồi đóng kịch (phân vai).  - GV giao nhiệm vụ cho 4 nhóm để chọn đoạn văn bản, xây dựng kịch bản, phân vai và đóng kịch.  (có thể giao về nhà – dạy học dự án và báo cáo SP vào tiết ôn tập)  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả.**  **\* Bước 4. Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** |

**Rubric (đánh giá cho dự án sân khấu hóa của nhóm (lớp)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về một đoạn văn bản trong các truyện cổ tích vừa hoc.  (10 điểm) | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt.  (5– 6 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7- 8 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (9-10 điểm) |

**NỘI DUNG 7: ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi hoặc hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài 1.**

- **Bước 1**: GV chiếu lên màn hình phiếu học tập hoặc phát phiếu học tập cho HS:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên truyện** | **Tóm tắt cốt truyện** | **Chủ đề của truyện** |
| ***Sọ Dừa*** |  |  |
| ***Em bé thông minh.*** |  |  |
| ***Non-bu và Heng-bu*** |  |  |

**- Bước 2**. HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.

**- Bước 3.** Báo cáo sản phẩm.

**- Bước 4.** Nhận xét và chuẩn kiến thức.

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên truyện** | **Tóm tắt cốt truyện** | **Chủ đề của truyện** |
| ***Sọ Dừa*** | Ngày xưa, có đôi vợ chồng già hiếm muộn, phải đi ở cho nhà phú ông. Một hôm bà vợ vào rừng hái củi, uống nước trong cái sọ dừa, về nhà có mang, ít lâu sau sinh ra một đứa bé kì dị, không chân không tay, tròn như một quả dừa. Thấy đứa bé biết nói, bà giữ lại nuôi và đặt luôn tên là Sọ Dừa. Thương mẹ vất vả, Sọ Dừa nhận chăn đàn bò nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Ba cô con gái nhà phú ông thay nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị kênh kiệu thường hắt hủi, chỉ có cô út đối đãi với cậu tử tế và đem lòng thương yêu. Sọ Dừa nhờ mẹ đến nhà phú ông hỏi vợ. Phú ông thách cưới thật to nhưng thấy Sọ Dừa mang đủ đồ thách cưới đến, đành phải gả cô út cho chàng. Nhờ chăm chỉ đèn sách, Sọ Dừa thi đỗ trạng nguyên và được nhà vua cử đi sứ nước ngoài. Trước khi đi, chàng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà đề phòng tai hoạ. Nhờ thế mà vợ chàng đã thoát nạn và hai vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc. | Thể hiện ước mơ của nhân dân về cuộc sống công bằng, ở hiền gặp lành, kẻ độc ác sẽ bị trừng trị. |
| ***Em bé thông minh.*** | Ngày xưa, có một ông vua sai viên quan đi dò la khắp nơi để tìm người tài giỏi. Một hôm, trên đường đi, viên quan phát hiện ra tài năng của một em bé con nhà thường dân (qua lời đối đáp nhanh nhạy, thông minh) đã báo cho nhà vua. Vua hay tin đã trực tiếp tạo ra những tình huống oái oăm để thử tài em. Lần thử thách cuối cùng, em bé đã đem trí thông minh của mình thắng điều kiện thách đố của sứ thần, giúp đất nước thoát khỏi cuộc chiến tranh. Sau đó, em được phong làm Trạng nguyên và giúp Vua trong việc triều chính. | Truyện đề cao trí thông minh dân gian, phẩm chất trí tuệ của con người, cụ thể là người lao động nghèo. Đó là trí thông minh được đúc rút từ hiện thực cuộc sống vô cùng phong phú |
| ***Non-bu và Heng-bu*** | Ngày xưa, trong một gia đình có hai anh em. Người anh là Non-bu tham lam, xấu tính nên giành hết tài sản. Người em là Heng-bu hiền lành, tốt bụng, chẳng nhận được tài sản gì nhưng vẫn siêng năng làm lụng, thường giúp đỡ những người nghèo khổ. Một năm, có đôi chim nhạn đến làm tổ trên mái nhà, người em đã đã cứu con chim nhạn khỏi hiểm nguy và đến mùa xuân, đôi chim nhạn quay trở về và nhả cho chàng một hạt bầu. Chàng trồng cây bầu và khi quả lớn, chàng bổ ra, nhận được rất nhiều trân châu, hồng ngọc, tiền vàng rồi trở nên giàu có. Người anh thấy vậy, cũng làm theo nhưng đã bẻ gãy chân một con chim nhạn non với hi vọng sẽ được trả ơn nhưng khi hạt bầu mà người anh trồng được ra quả thì khi bổ ra toàn là các tráng sĩ tay cầm gậy rồi yêu tinh xuất hiện…., người anh trở thành kẻ ăn mày. Người em thương xót đã đến đưa gia đình người anh về sống cùng với mình. | Thể hiện ước mơ của nhân dân về cuộc sống công bằng, ở hiền gặp lành, kẻ độc ác sẽ bị trừng trị. |

**Bài 2. Trong các truyện trên, em thích nhất truyện nào? Vì sao?**

**- HS trả lời theo cảm nhận riêng.**

**Bài 3.**

**- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Theo em, để có thể kể lại truyện cổ tích một cách sinh động, hấp dẫn (bằng hình thức viết và nói) thì cần phải chú ý những điều gì?

**- Bước 2**. HS trả lời.

**- Bước 3.** Nhận xét.

**- Bước 4.** Chuẩn kiến thức.

**\*Khi viết, cần lưu ý:**

+ Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết, cần đọc kĩ truyện cổ tích. Trong truyện đó, chi tiết nào gây ấn tượng sâu sắc nhất, nhân vật nào đáng nhớ nhất, cốt truyện thú vị nhất?

+ Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý. Cần tìm ý cho truyện như: hoàn cảnh xảy ra câu chuyện, nhân vật, sự việc xảy ra, cảm nghĩ của em về truyện và từ đó có thể sắp xếp các ý đã tìm theo một dàn ý.

+ Bước 3: Khi viết bài, cần đảm bảo thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài kể lại một truyện cổ tích.

**\* Khi nói, cần lưu ý:**

+ Bước 1: Xác định đề tài, người nghe (là ai), mục đích, không gian và thời gian nói.  Từ đó sẽ định hướng được nội dung bài nói, tăng hiệu quả giao tiếp.

+ Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài nói, có thể sử dụng thêm hình ảnh, tranh vẽ để bài nói được sinh động.

+ Bước 3: Khi kể cần chú ý giọng điệu, phù hợp với nhân vật, sự việc khác nhau. Kết hợp với cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để nội dung được hấp dẫn hơn. Chú ý lựa chọn từ ngữ thích hợp với ngôi kể, tránh dùng ngôn ngữ viết

**Bài 4.**

**- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Truyện cổ tích có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

**- Bước 2. HS trả lời theo ý hiểu của cá nhân.**

**Nhiệm vụ về nhà:**

- Học bài.

- Chuẩn bị bài mới: *Vẻ đẹp quê hương*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- Sách giáo khoa Ngữ văn – *Chân trời sáng tạo*.

- Sách giáo viên – *Chân trời sáng tạo*

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 vừa tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**IV.** **RÚT KINH GHIỆM GIỜ**

**BÀI 3: VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

**A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc**

*- Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*.

- *Việt Nam quê hương ta* (Nguyễn Đình Thi).

- *Về bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…”* (Bùi Mạnh Nhị).

- Thực hành Tiếng Việt.

- *Hoa bìm* (Nguyễn Đức Mậu)

**2. Viết.**

- Làm một bài thơ lục bát.

- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**3. Nói và nghe.**

Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**4. Ôn tập.**

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 14 tiết – KHGD**

**1. Đọc và thực hành tiếng Việt (7 tiết)**

**2. Viết (4 tiết)**

**3. Nói và nghe (2 tiết)**

**4. Ôn tập (1 tiết)**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát: tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản;

- Qua các văn bản, rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân.

- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

**2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nêu được ấn tượng chung về các bài ca dao, bài thơ lục bát: cảm xúc, chủ đề, thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp … | **Đ1** |
| **2** | Nêu được ý nghĩa của bài thơ, hiểu được cảm xúc của tác giả qua các bài ca dao, bài thơ lục bát; thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được giá trị của các bài thơ. Bước đầu biết so sánh nội dung của các bài để tìm ra điểm tương đồng và nét riêng từng bài. | **Đ4** |
| **5** | Có khả năng lựa chọn những từ ngữ cho phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình giá trị nội dung, nghệ thuật của các bài ca dao, bài thơ lục bát vừa tìm hiểu. | **N1** |
| **7** | Có khả năng sáng tác một bài thơ lục bát (có thể là lục bát biến thể). | **V1** |
| **8** | Có khả năng tạo lập một văn bản biểu cảm: cảm nhận của cá nhân về một bài ca dao, một bài thơ thơ lục bát. | **V2** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân). | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI** | | |
| **11** | - Yêu quê hương, đất nước  - Có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thơ lục bát.  - Luôn có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị lớn lao của văn học dân tộc. | **TN**  **NA**  **YN** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- N:** Nghe – nói (1,2: mức độ)

**- V:** Viết (1,2: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.

**- TN:** trách nhiệm.

**- NA:** Nhân ái.

**- YN:** Yêu nước.

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập:**

**Phiếu học tập số 1**

**(Văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |

**Phiếu học tập số 2**

**(Văn bản *Việt Nam quê hương ta)***

**a.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Xác định** | **Tác dụng** |
| **Những hình ảnh tiêu biểu** | **……………………..** | **………………………..** |
| **Biện pháp tu từ** | **……………………..** | **…………………………** |

**b.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Vẻ đẹp của con người Việt Nam** | **Từ ngữ, hình ảnh thể hiện** | **Tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh ấy** |
| **Vẻ đẹp thứ nhất** |  |  |  |
| **Vẻ đẹp thứ hai** |  |  |  |
| **Vẻ đẹp thứ ba** |  |  |  |
| **….** |  |  |  |

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

**3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| *- Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*.  - *Việt Nam quê hương ta* (Nguyễn Đình Thi).  - *Hoa bìm* (Nguyễn Đức Mậu) | - Nắm được thông tin về văn bản  - Nắm được đề tài, chủ đề của các bài ca dao, bài thơ thơ lục bát.  - Tìm được những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của quê hương trong các bài ca dao, bài thơ lục bát. | Nhận xét được những hình ảnh, những câu ca dao biểu thị vẻ đẹp của quê hương. | - Nêu được nội dung, ý nghĩa của các bài thơ.  - Vận dụng hiểu biết về nội dung của các bài ca dao, bài thơ để phân tích, cảm nhận nội dung, nghệ thuật của các bài ca dao, bài thơ lục bát. | - Cảm nhận hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh, các biện pháp tu từ….trong 4 bài thơ lục bát, bài thơ của Nguyễn Đình Thi.  - Trình bày cảm nhận của bản thân về giá trị của các bài ca dao, bài thơ viết về vẻ đẹp quê hương. |
| -*Về bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…”* (Bùi Mạnh Nhi). | Chỉ ra được những hình ảnh đặc sắc của quê hương được khắc họa qua bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhi đã phân tích. | Chỉ ra được những nét độc đáo của bài ca dao mà tác giả bài viết đề cập đến. | Phân tích hiệu quả nghệ thuật của một số chi tiết tiêu biểu trong văn bản thể hiện cảm xúc của tác giả. | Cảm nhận, đánh giá, kiến giải về một trong những vấn đề tác giả đưa ra trong bài viết. |
| -Thực hành tiếng Việt.  - Viết. | - Nắm được đặc điểm thơ lục bát | Chỉ ra đặc điểm của thơ lục bát trong các ví dụ | Làm thơ lục bát: số tiếng, số câu, thanh điệu, vần. | Hoàn chỉnh một bài thơ lục bát có nội dung, cảm xúc và đúng luật. |

**D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Câu hỏi:** Hiểu biết về thơ lục bát: số từ trong câu, cách gieo vần, ngắt nhịp…

**2. Bài tập :** Sơ đồ tư duy về bài học (hoặc 1 vấn đề trong bài học).

**E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thơ lục bát. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | -Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung về thơ lục bát.**  **II. Đọc hiểu văn bản.**  *- Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*.  - *Việt Nam quê hương ta* (Nguyễn Đình Thi).  - *Về bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…”* (Bùi Mạnh Nhị).  -*Hoa bìm* (Nguyễn Đức Mậu)  **III.Đọc mở rộng theo thể loại:** *Hoa bìm*  **IV.Thực hành Tiếng Việt.**  **V.Viết: làm một bài thơ lục bát** | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng** | **N1, V1, V2, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ mở rộng** | **Mở rộng** | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá |

**G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung hoạt động: Một trong các nội dung sau:**

- Đưa các đoạn ca dao, đoạn thơ lục bát về đúng cột Văn học dân gian hoặc Văn học viết. Tìm điểm chung giữa các văn bản về nội dung và hình thức.

- Kể tên các thể thơ mà HS đã biết.

- Quan sát các bức tranh, ảnh về quê hương và nêu cảm nhận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**1. Cách 1:**

**- GV giao nhiệm vụ:** Em hãy quan sát các đoạn văn bản sau và cho biết đoạn văn bản ấy thuộcvăn học dân gian hay văn học viết?. Tìm điểm chung giữa các văn bản về nội dung và hình thức.

*- Ai ơi, bưng bát cơm đầy*

*Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.*

**-** *Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*

*Thương mình rồi mới thương ta*

*Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*

**-** *Anh đi anh nhớ quê nhà,  
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.*

*- Quê hương là một tiếng ve  
Lời ru của mẹ trưa hè à ơi  
 Dòng sông con nước đầy vơi  
Quê hương là một góc trời tuổi thơ*

***-*** *Trong đầm gì đẹp bằng sen,  
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.  
 Nhị vàng bông trắng lá xanh,  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

**-** Vươn mình trong gió tre đu

Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành

Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh

Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm.

**Các câu thơ trên giống nhau ở điểm nào?**

**\* Sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn học dân gian** | **Văn học viết** |
| *- Ai ơi, bưng bát cơm đầy*  *Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần,*  **-** *Anh đi anh nhớ quê nhà, Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.*  ***-****Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.  Nhị vàng bông trắng lá xanh, Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*  *(ca dao)* | **-** *Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương mình rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm…* (Tác giả: Lâm Thị Mỹ Dạ).    **-** Vươn mình trong gió tre đu  Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành  Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh  Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm.  (tác giả: Nguyễn Duy)  *- Quê hương là một tiếng ve Lời ru của mẹ trưa hè à ơi  Dòng sông con nước đầy vơi Quê hương là một góc trời tuổi thơ*  (Tác giả: Nguyễn Đình Huân) |

**- Điểm giống nhau:** Đều viết về vẻ đẹp quê hương và đều sử dụng thể thơ lục bát.

**2. Cách 2:**

**- GV**: Kể tên các thể thơ mà em biết?  
**- HS tham gia trả lời.**  
**\* Sản phẩm**: Thơ lục bát, tự do, song thất lục bát, thơ 4 chữ, 5 chữ..

**- Cách 3:** Quan sát các bức tranh, ảnh và cho biết: 4 bức tranh, ảnh này giống nhau ở điểm gì? Nêu cảm nhận của bản thân.





**- Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**

**- Bước 3: Đánh giá sản phẩm.**

**- Bước 4: Cho điểm hoặc thưởng quà.**



*Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Mỗi người dân Việt Nam đều có tình cảm thiêng liêng gắn bó với quê hương xứ sở của mình. Đối với những con người lao động, nhất là người nông dân, họ đã gắn bó mật thiết với quê hương. Từ lúc cất tiếng khóc chào đời, rồi tuổi thơ đẹp đẽ, những công việc lao động, rồi cuộc sống gia đình, cho tới lúc nhắm mắt xuôi tay, họ đã sống gắn bó với làng quê. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Đến với bài học hôm nay, chúng ta cùng thả hồn theo những vần thơ lục bát viết về quê hương để cùng lắng nghe và suy ngẫm.*

**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**ĐỌC**

1. **Mục tiêu**: **Đ1, Đ2Đ3Đ4GQVĐ**

- HS nắm được những nét cơ bản về thơ lục bát.

- Hiểu được vẻ đẹp nội dung và hình thức của các bài thơ lục bát.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu thơ lục bát: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu…

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

- Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung về thơ lục bát**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***: yêu cầu HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 60 và tái hiện lại kiến thức.  **-** HS đọc **Tri thức đọc hiểu** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  ***Bước 2. HS trình bày cá nhân.***  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **- GV lấy VD và chiếu lên cho HS dễ quan sát.** | **1. Số tiếng:**  + Câu lục: 6 tiếng  + Câu bát: 8 tiếng  - Cách gieo vần: Tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát, tiếng thứ 8 của câu bát hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu lục.  **2. Thanh điệu**: Tiếng 1,3,5,7 phối thanh tự do. Tiếng 2, 4, 6, 8 theo thứ tự: B-T-B-B.  **3. Ngắt nhịp**: Nhịp chẵn.  VD:  *Trăm năm /trong cõi /người* ***ta****.*  ***B T B***  *Chữ tài chữ mệnh/ khéo* ***là*** *ghét* ***nhau****.*  ***B T B B***  *Trải qua/ một cuộc bể* ***dâu****.*  ***B T B***  *Những điều trông thấy/ mà đau đớn*  ***B T B***  *lòng*.  **B**  (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)  **\* Thơ lục bát biến thể:**  **(sgk)**  **Vd:**  *Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng mênh mông bát ngát.*  *Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng bát ngát mênh mông.*  - Số tiếng, thanh điệu, nhịp điệu có sự biến đổi. |

**Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản 1:**

***Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương***

**a. Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ, GT-HT**

(HS hiểu được nội dung và giá trị nghệ thuật của các bài ca dao ca ngợi vẻ đẹp quê hương).

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Chuẩn bị đọc:**

**\* Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi:**

Em hiểu cụm từ “vẻ đẹp quê hương” như thế nào? Em đã học hoặc đã đọc những bài thơ nào ca ngợi vẻ đẹp quê hương?

**- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.**

**\* Trải nghiệm cùng văn bản + Đọc hiểu văn bản**

**(Sử dụng tranh, ảnh, video)**

****

**Bức ảnh dùng cho bài thứ nhất**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***- Bước 1.GV hướng dẫn cách đọc***: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm...  ***- Bước 2. HS đọc.***  ***- Bước 3. Nhận xét cách đọc của HS.***  ***\* Bước 1:*** *GV cho HS quan sát một số bức tranh như hình trên. Trên internet có đủ ảnh của 36 phố phường*(GV mở cho HS quan sát trực tiếp).  **Sau đó giao nhiệm vụ:**  **+** Hình ảnh kinh thành Thăng Long được gợi lên trong bài ca dao này có điểm gì đặc biệt?  + Em hãy viết ra những vẻ đẹp mà em tưởng tượng được về kinh thành Thăng Long?  - **GV có thể mở rộng thêm**: Thực ra con số 36 chỉ là tương đối để chỉ số nhiều. Thực tế, các nhà nghiên cứu đã tìm ra số phố phường của kinh thành Thăng Long nhiều hơn con số 36…  + Cụm từ “phồn hoa thứ nhất Long Thành” gợi lên điều gì?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  + Tâm trạng, cảm xúc của tác giả về đất Long Thành được thể hiện qua từ ngữ nào? Đó là tâm trạng gì?  + Qua đó em đánh giá như thế nào về vẻ đẹp tâm hồn của tác giả dân gian?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.*** | **I. Bài thứ nhất.**  **1. Đọc.**  **2. Bố cục:** 2 phần:  a. Sự giàu có, nhộn nhịp của kinh thành Thăng Long.  b.Tâm trạng tác giả.  **3. Phân tích.**  **a. Sự giàu có, nhộn nhịp của kinh thành Thăng Long.**  **-** Kinh thành Thăng Long được nhắc đến với rất nhiều phố phường (36): phong phú, đa dạng, đông đúc, nhộn nhịp. Mỗi tên phố đều gắn với một sự vật cụ thể: Thau, đồng, cá, cờ, bàn...  **- Tác dụng**: làm nổi bật sự đông đúc, nhộn nhịp của kinh thành Thăng Long và sự gần gũi trong cách gọi tên phố phường của người Hà Nội.  - Sự giầu có, nhộn nhịp: *phố giăng* *mắc cửi, đường quanh bàn cờ*...  Hàm ý miêu tả đường phố Thăng Long dọc ngang, ken dày như các sợi chỉ được mắc trên khung cửi dệt vải, như các ô trên bàn cờ.  **b.Tâm trạng của tác giả**.  - Tự hào về vẻ đẹp, sự giàu sang của kinh thành Thăng Long – trái tim của Tổ quốc.  “Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ”.  - Tâm trạng lưu luyến, nhớ nhung của tác giả khi phải xa Long Thành: *ngẩn ngơ*.  Cách diễn tả nỗi nhớ rất đặc biệt: nhớ kinh thành Thăng Long mà như nhớ người yêu vậy.  Tác giả dân gian thể hiện tình yêu quê hương, đất nước sâu sắc. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:* Hãy thực hiện các nhiệm vụ sau:**  - Gọi 2 HS đọc:  + Nữ đọc lời hỏi  + Nam đọc lời đáp  - Bố cục bài ca có mấy phần?  - Em có nhận xét gì về hình thức thể loại bài ca?  - Hình thức đối đáp này có nhiều trong ca dao dân ca không?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ.***  - Cô gái hỏi về điều gì?  - Câu đố của cô thể hiện điều gì?  - Những danh từ riêng nào được nhắc tới trong lời đối đáp này? Vì sao chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với đặc điểm (của từng địa danh) như vậy để hỏi đáp?  - Nội dung lời đối đáp gợi vẻ đẹp gì của quê hương?  - Qua cách đối đáp như vậy, em hiểu gì về mối quan hệ tình cảm của đôi trai gái đó? Và họ là người như thế nào?  - Cảm xúc của tác giả dân gian về quê hương đất nước được thể hiện như thế nào?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ.***  - HS đọc diễn cảm.  - Tìm bố cục?  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ.***  - Trả lời các câu hỏi:  + Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định được giới thiệu như thế nào?  - Trong bài ca dao, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác dụng của biện pháp tu từ đó?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  Thảo luận cặp đôi.  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  - Cảm xúc của tác giả được thể hiện như thế nào?  - Em hãy chỉ ra đặc điểm thể thơ lục bát qua bài ca dao này?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***Thảo luận cặp đôi***  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:***  - Bài ca dao số 4 viết về vùng miền nào?  - Em hiểu câu thứ nhất (câu lục) như thế nào?  - Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện đặc điểm gì của vùng Tháp Mười?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  **GV hỏi thêm:**  - Em biết những câu ca dao, câu thơ nào viết về Tháp Mười không? Hãy đọc cho cả lớp nghe. | **II. Bài thứ hai:**  **1. Đọc**    **2. Bố cục**: 2 phần  + Phần đầu: Lời người hỏi (cô gái)  + Phần sau: Lời người đáp (chàng trai)  **3**.**Thể loại:** hỏi đáp, thường gặp trong ca dao trữ tình dao duyên cổ truyền VN.  **4. Phân tích.**  **a. Lời người hỏi (**Cô gái)  **-** Hỏi về tên sông, tên núi có độ cao và độ sâu nhất của nước ta.  Cô giá thể hiện sự khéo léo trong cách hỏi.  Sự hiểu biết sâu sắc về những địa danh của quê hương, đất nước.  **b. Lời người đáp**  - Chàng trai nhắc đến những địa danh trong câu trả lời: núi Lam Sơn, sông Bạch Đằng.  - Vì những địa danh này gắn liền với những chiến công lẫy lừng của cha ông ta trong cuộc chiến bảo vệ bờ cõi đất nước ta: ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn chiến thắng giặc Minh. Qua đó, đã thể hiện niềm tự hào và tình yêu với quê hương đất nước.  - Vẻ đẹp truyền thống của những thắng cảnh nổi tiếng gắn liền với ý nghĩa lịch sử sâu sắc của quê hương, đất nước.  **c. Ý nghĩa lời hỏi đáp hỏi đáp:**  + Đây là một hình thức để trai gái thử tài nhau, đo độ hiểu biết về kiến thức địa lí, lịch sử, văn hoá…trong những cuộc hát đối đáp.  + Người hỏi biết chọn những nét tiêu biểu của từng địa danh để hỏi, người đáp hiểu rất rõ và trả lời ý của người hỏi -> Từ đó để thể hiện chia sẻ ,vui chơi, giao lưu tình cảm.  -> Thể hiện sự yêu quí, tự hào về quê hương, đất nước.  - Chàng trai cô gái cùng chung sự hiểu biết, cùng chung tình cảm với quê hương, đất nước. Đó là cơ sở và là cách để họ bày tỏ tình cảm với nhau.  -> Chàng trai, cô gái là những người sâu sắc, tế nhị.  - Hình ảnh chàng trai cô gái chính là sự hóa thân của tác giả dân gian. Tác giả dân gian thể hiện tình yêu quê hương, đất nước thường trực trong tâm hồn, sự tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước (trong đó có sự tự hào về lịch sử giữ nước của cha ông).  **III. Bài thứ 3.**  **1. Đọc.**  **2. Bố cục: 2 phần**  - Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định.  - Tâm trạng của tác giả.  **3. Phân tích.**  **a. Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định:**  + Núi Vọng Phu.  + Đầm Thị Nại.  + Cù lao Xanh.  + Có các món ăn truyền thống như: bí đỏ nấu canh nước dừa.  - Tác giả đã sử dụng phép điệp từ “có” trong câu lục bát “Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh.”  **Tác dụng**: Điệp từ này đã góp phần nhấn mạnh những nét đẹp đặc trưng của Bình Định và thể hiện lòng tự hào của tác giả dân gian về mảnh đất quê hương.  - Biện pháp tu từ liệt kê: *núi Vọng Phu, đầm Thị Nại, cù lao Xanh.*  **Tác dụng**: nhấn mạnh sự phong phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương Bình Định yêu dấu.  **b**. **Tâm trạng tác giả**  - Tự hào khi nói về mảnh đất Bình Định –vùng đất thượng tôn, thượng võ: lịch sử đấu tranh anh hùng (chiến công của nghĩa quân Tây Sơn ở đầm Thị Nại), của lòng chung thuỷ, sắt son của người phụ nữ (núi Vọng Phu), của những món ăn dân dã đặc trưng nơi đây.  **\* Đặc điểm thể lục bát qua bài số 3:**  **-** **Số tiếng**: + Câu lục: 6 tiếng.  **+** Câu bát**:** 8 tiếng.  **- Cách gieo vần:** Tiếng thứ 6 của dòng lục (Phu) vần với tiếng thứ 6 của dòng bát (cù). Tương tự cho cặp lục bát thứ 2.  **- Ngắt nhịp**: Bài ca dao số 3 ngắt nhịp chẵn.  **+ Câu lục 1:** Trắc (Định) – Trắc (núi) – Bằng (Phu). Tuy nhiên câu lục đầu tiên thanh điệu không tuân theo luật bằng –trắc của thể lục bát.  + **Câu bát 1**: Bằng (đầm) – Trắc (Nại) – Bằng (cù) –Bằng (Xanh).  **+ Câu lục 3:** Bằng (về) – Trắc (Định) – Bằng (anh).  + **Câu bát 4**: Bằng (ăn) – Trắc (đỏ) – Bằng (canh) –Bằng (dừa).  - Tiếng ở vị trí 1,3,5,7 phối thanh tự do.  **IV. Bài thứ 4.**  **1. Đọc.**  **2. Đọc hiểu văn bản: Vẻ đẹp vùng Tháp Mười.**  - Câu lục như một tiếng gọi, lời mời mọi người về vùng Đồng Tháp Mười.  - Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng và qua đó thể hiện niềm tự hào về sự giàu có của thiên nhiên vùng Đồng Tháp Mười.  **-** Tháp Mười đẹp nhất bông sen,  Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ. |

**Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của Gv và HS** | **Sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân.**  ***\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:*** Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của chùm câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.*** | **1. Nghệ thuật.**  - Thể thơ lục bát truyền thống.  - Những hình ảnh giầu sức biểu cảm.  - Sử dụng thành công các biện pháp tư từ để làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương, đất nước.  **2. Nội dung.**  - Ca ngợi vẻ đẹp của mọi miền quê hương, từ Bắc tới Nam....  - Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.  - Trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước ngày một giầu đẹp. |

**LUYỆN TẬP SAU TIẾT HỌC**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ** (HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: Chỉ ra được những từ ngữ, hình ảnh độc đáo trong chùm ca dao 4 bài, giải thích…)

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân hoặc nhóm bàn để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Phiếu HT đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hãy hoàn thiện phiếu học tập sau:**

**(Phiếu học tập số 1)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |

**\*Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** | Phồn hoa thứ nhất  Long Thành/ Phố  giăng mắc cửi, đường  quanh bàn cờ | Câu thơ gợi lên hình ảnh kinh thành  Thăng Long đông đúc, nhộn nhịp,  giầu có. |
| **2** | Sâu nhất là sông Bạch  Đằng/ Ba lần giặc đến,  ba lần giặc tan. | Thể hiện được vẻ đẹp và niềm tự hào  về lịch sử quê hương. |
| **3** | Có đầm Thị Nại, có cù  lao Xanh. | Điệp từ “có”, biện pháp liệt kê thể hiện lòng tự hào về những cảnh đẹp quê hương gắn liền với lịch sử. |
| **4** | tôm sẵn bắt, trời sẵn ăn. | Thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên ban tặng người dân Tháp Mười. |

**Văn bản 2:*Việt Nam quê hương ta***

**(Nguyễn Đình Thi)**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu và cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Việt Nam quê hương ta*.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ.**

**Chuẩn bị đọc (khởi động)**

\* GV mời một học sinh hoặc lấy tinh thần xung phong của HS để hát một bài hát về quê hương.

- GV đặt câu hỏi: Trong bài hát em vừa thể hiện, em tích nhất câu nào? Vì sao?

**Trải nghiệm cùng văn bản**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV cùng HS tìm hiểu về nhà thơ Nguyễn Đình Thi.

****

**(Chân dung nhà thơ Nguyễn Đình Thi)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Qua việc chuẩn bị bài ở nhà, em hãy cho biết những nét tiêu biểu về nhà thơ Nguyễn Đình Thi?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** (phát biểu cá nhân).  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **GV mở rộng thêm:**  **-** Ở lĩnh vực nào ông cũng có những đóng góp đáng trân trọng.  **-** Bài thơ được xem là tâm đắc nhất của của nhà thơ Nguyễn Đình Thi, đó là bài "Đất nước", đây là một tác phẩm bất hủ của văn học. Sau này, bài thơ "Đất nước" đã được nhạc sỹ Đặng Hữu Phúc phổ thành bản Giao hưởng - Hợp xướng cùng tên "Đất nước".  **\* GV nhấn mạnh*:*** *Những bài thơ của Nguyễn Đình Thi in đậm hình ảnh đất nước Việt Nam từ trong vất vả, gian lao đã đứng lên quật khởi, kiên cường.*  **\* Bước 1. Giao nhiệm vụ:** Hãy đọc thầm bài thơ trong thời gian 2 phút. Hãy lắng lại trong từng khổ để tự hình dung vẻ đẹp của quê hương, con người Việt Nam trong bài thơ.  **\* Bước 2. HS đọc thầm.**  **\* Bước 3. Chia sẻ hình dung ban đầu về bài thơ**  **\* Bước 4. Cùng lắng cảm xúc ban đầu và tổng hợp các ý kiến.**  **\* GV hỏi:** Theo em, chúng ta nên đọc bài thơ này với giọng như thế nào? Em hãy thể hiện giọng đọc của mình cho cả lớp nghe.  **\* HS đọc và GV nhận xét.**  **\*GV nêu yêu cầu đọc- GV đọc.**  **\* HS đọc tiếp - Lớp nhận xét.**  **\* GV sửa giọng đọc cho HS.**  **\* HS đọc chú thích trang 64.**  **\*Làm việc cá nhân.**  **Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Theo em, bài thơ này có thể chia làm mấy đoạn? Nội dung từng đoạn**?**  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3. Đánh giá sản phẩm cá nhân.**  **Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Tác giả**  - Nhà thơ Nguyễn Đình Thi sinh ngày 20-12-1924 tại Thành phố Luông Pra Băng, nước Lào. Ông sống và làm việc chủ yếu ở Thành phố Hà Nội, nước Việt Nam.  - Nguyễn Đình Thi được xem là một nghệ sĩ đa tài, ông sáng tác nhạc, làm thơ, viết tiểu thuyết, kịch, tiểu luận phê bình.  - Thơ Nguyễn Đình Thi mang một diện mạo mới, độc đáo và hiện đại. Những bài thơ tiêu biểu của ông:   * *Người chiến sỹ* (1958) * *Bài thơ Hắc Hải* (1958) * *Dòng sông trong xanh* (1974) * *Tia nắng* (1985) * *Đất nước* (1948 - 1955) * *Nhớ* * *Lá đỏ*   **2. Tác phẩm**  **a. Đọc:** Giọng đọc vang ngân, tha thiết, tự hào.  **b. Chú thích:**  - Trường Sơn.  - Áo nâu.  (SGK trang 64)  **c. Bố cục: 2 đoạn.**  - Đoạn 1 (4 câu đầu): Phong cảnh đất nước hữu tình.  - Đoạn 2 (đoạn còn lại): Hình ảnh con người Việt Nam. |

**Đọc hiểu chi tiết văn bản.**

**Phiếu học tập (\*a)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Xác định** | **Tác dụng** |
| **Những hình ảnh tiêu biểu** | **……………………..** | **………………………..** |
| **Biện pháp tu từ** | **……………………..** | **…………………………** |

**Phiếu học tập (\*b)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Vẻ đẹp của con người Việt Nam** | **Từ ngữ, hình ảnh thể hiện** | **Tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh ấy** |
| **Vẻ đẹp thứ nhất** |  |  |  |
| **Vẻ đẹp thứ hai** |  |  |  |
| **Vẻ đẹp thứ ba** |  |  |  |
| **….** |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Sử dụng kĩ năng tưởng tượng  **TỔ CHỨC THẢO LUẬN NHÓM.**  **Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- Nhóm 1,2**: Tìm hiểu hình ảnh đất nước trong 4 câu thơ đầu (Khổ 1). Nhận xét? (tưởng tượng về vẻ đẹp đất nước?)  **+ Hoàn thành phiếu học tập số 1**  (phụ lục \*a)  **- Nhóm 3,4**: Tìm hiểu hình ảnh con người Việt Nam trong đoạn thơ còn lại. Nhận xét?  **+ Hoàn thành phiếu học tập số 2**  (phụ lục \*b)  **\* Các nhóm tiến hành thảo luận trong thời gian 7 phút.**  **Một số câu hỏi gợi ý thảo luận:**  - Em hãy chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp của bốn dòng thơ đầu.  - Tìm và nêu tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương, con người Việt Nam?  - Những dòng thơ này gợi cho em nghĩ đến đặc điểm nào của truyền thống dân tộc?  **\* Bước 2. Báo cáo sản phẩm của từng nhóm (mỗi nhóm 3 phút).**  **\* Bước 3. Nhận xét và nhận xét chéo.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- GV hỏi cá nhân** (nếu các nhóm chưa trình bày trong sản phẩm) **về những đặc sắc nghệ thuật của 4 câu thơ đầu? Tác dụng?**  **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **+** Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện trực tiếp tình cảm ấy?  **+** Văn bản gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**  **\* Bước 4. Cùng trải nghiệm cảm xúc.** | **1. Đoạn 1:**  **\* Vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam.**  - Nhà thơ cất tiếng gọi đầy tự hào: *Việt Nam đất nước ta ơi!*  - Trong bốn dòng đầu, tác giả đã chọn những hình ảnh để tái hiện khung cảnh đất nước VN: cánh đồng lúa mênh mông, cánh cò trắng bay lả bay la, đỉnh Trường Sơn bao phủ bởi mây.  Đây là những hình ảnh tiêu biểu, đặc trưng của đất nước VN. Đất nước đi lên từ nền nông nghiệp, luôn mang một vẻ đẹp bình yên, trù phú, ấm no, đáng tự hào và yêu dấu từ bao đời.  -Những cách đồng mênh mông, bát ngát; những cánh cò bay lả rập rờn và đỉnh Trường Sơn mây mờ che phủ như đã được thổi hồn vào làm cho những cảnh vật ấy có sức sống. Đó là vẻ đẹp hùng vĩ, thanh bình, giản dị, mộc mạc của thiên nhiên VN, đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả đối với những vẻ đẹp bình dị, dân dã của đất nước.  **\* Nghệ thuật:**  - Biện pháp tu từ nhân hoá: Việt Nam đất nước ta ơi!  - BPTT so sánh không ngang bằng: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.  - Từ láy: mênh mông, rập rờn  - Cách gieo vần của 4 câu thơ đầu: ơi-trời; hơn-rờn-sơn.  - Cách ngắt nhịp: câu 1 và câu 3 nhịp 2/2/2, câu 2 và câu 4 nhịp 2/2/2/2  **Tác dụng**: Những câu thơ cân xứng, nhịp nhàng. Hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, thân quen, làm tăng mức độ của đất trời Việt Nam không đâu sánh bằng. Từ đó toát lên vẻ đẹp của quê hương đất nước.  **2. Đoạn còn lại: Vẻ đẹp con người Việt Nam.**  - Những vẻ đẹp của con người Việt Nam:  + Sự vất vả, cần cù trong lao động: *vất vả in sâu, áo nâu nhuộm bùn.*  + Sự anh hùng, mạnh mẽ, kiên cường trong chiến đấu (*chịu nhiều đau thương, chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên, đạp quân thù xuống đất đen*) nhưng khi trở về cuộc sống đời thường lại hiền lành, chịu thương chịu khó (*súng gươm vứt bỏ lại hiền hơn xưa).*  + Sự thuỷ chung, khéo léo, chăm chỉ : *yêu ai yêu trọn tấm lòng thuỷ chung, tay người như có phép tiên, trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*  **3. Tình cảm của tác giả với quê hương, đất nước.**  - Tác giả đã thể hiện sự tự hào về quê hương, đất nước qua những khung cảnh thiên nhiên và văn hoá, con người như (*mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn, Quê hương biết mấy thân yêu*), sự đồng cảm với những vất vả, hi sinh của người dân (*bao nhiêu đời đã chịu nhiều đau thương, mặt người vất vả in sâu*). Qua đó thể hiện tình cảm yêu mến, quý trọng với dân tộc.  -Văn bản đã gợi về một đất nước Việt Nam với rất nhiều cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, giàu sức sống và những con người cần cù, chịu khó trong lao động, anh hùng, kiên cường trong chiến đấu và hiền lành, chăm chỉ, thuỷ chung trong cuộc sống đời thường. |

**Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:** hãy hoàn thiện phiếu HT:   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung văn bản** | **Đặc sắc nghệ thuật.** | |  |  |   **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**  **\* Bước 4. Nhận xét sản phẩm.**  **\* Bước 5. Chuẩn kiến thức.** | **1. Nghệ thuật.**  - Thể thơ lục bát.  - Hình ảnh độc đáo.  - Biện pháp tu từ.  **2. Nội dung.**  Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, con người Việt Nam, qua đó thể hiện tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước. |

**Luyện tập sau tiết học**

**Câu 1.** Văn bản “Việt Nam quê hương ta” được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.**Theo em những phẩm chất nào của người dân Việt Nam được tác giả Nguyễn Đình Thi nhắc đến trong bài thơ?

**Câu 3.** Trong bài thơ, em thích nhất câu nào thơ nào? Vì sao?

**Dự kiến sản phẩm:**

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ lục bát.

2. Những phẩm chất đẹp của người Việt Nam được nhắc đến trong đoạn thơ là:

+ Cần cù, chịu thương chịu khó  “Mặt người vất vả in sâu /Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn”.

+ Anh hùng, dũng cảm “Đất nghèo nuôi những anh hùng /Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên”.

+ Thủy chung, nghĩa tình “ Mắt đen cô gái long lanh / Yêu ai yêu trọn tấm tình thuỷ chung.”

3. HS trả lời theo cảm xúc của mình và lí giải.

**Vận dụng sau tiết học.**

**\* Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy quan sát bức tranh sau, sử dụng những kiến thức vừa học, tưởng tượng để thiết kế một bức tranh hoặc một sơ dồ tư duy tái hiện lại vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong bài thơ.



**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm** (nếu không kịp thời gian thì về nhà làm và báo cáo vào tiết học sau)

**\* Bước 4. Nhận xét sản phẩm và ngợi khen, thưởng cho các em** (nếu có điều kiện)

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**VỀ BÀI CA DAO *ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG*…**

*(Bùi Mạnh Nhị)*

***a. Mục tiêu:* Đ3, Đ4,** **N1, GT-HT - GQVĐ**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu và cảm nhận được nội dung, ý nghĩa và những nét mới trong cảm xúc của tác giả Bùi Mạnh Nhị khi viết về một bài ca dao thuộc Văn học dân gian Việt Nam.

- Liên hệ với hai văn bản vừa học để hiểu hơn về chủ đề vẻ đẹp quê hương.

***b. Nội dung hoạt động:*** Làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung, cách thể hiện cảm xúc của tác giả.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập đã hoàn thiện

**Chuẩn bị đọc (khởi động)**

HS nghe và xem trực tiếp một bài ngâm về ca dao trên You tobe, trình bày cảm nhận.

**GV logic bài học:**

*Có câu hát nào đẹp như ca dao dân ca? Ca dao dân ca đã hoà nhập một cách hồn nhiên, kỳ diệu vào tâm hồn tuổi thơ của mỗi người. Ca dao dân ca Việt Nam giàu bản sắc, vô cùng đẹp đẽ và phong phú. Nó là tiếng hát tâm tình nơi bến cũ đò xưa… lưu luyến trong dân gian, phản ánh cuộc sống và ước mơ của nhân dân ta từ bao đời nay. Có những khúc hát ru ngọt ngào chứa chan tình nghĩa. Có những bài hát giao duyên say đắm lòng người. Có những bài ca nói về đất nước quê hương, với nương dâu, ruộng lúa, với hình ảnh duyên say đắm lòng người. Nhiều nhà phê bình gọi ca dao là điệu ví dặm tâm hồn. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhà phê bình Bùi Mạnh Nhị cảm hiểu về vẻ đẹp một bài ca dao:* ***Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng…***

**Trải nghiệm cùng văn bản**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu sơ qua về tác giả Nguyễn Mạnh Nhị.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức hoạt động** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- GV giới thiệu về tác giả Bùi Mạnh Nhị.** | **1. Tác giả.**  https://vanhocsaigon.com/wp-content/uploads/2020/07/Bui-Manh-Nhi-vhsaigon-1a.jpg  PGS-TSKH Bùi Mạnh Nhị - Vụ trưởng vụ tổ chức cán bộ -Bộ Giáo dục và Đào tạo.  - Quê quán: Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định.  - Có nhiều bài viết nghiên cứu về các tác giả, tác phẩm in trên nhiều tạp chí khoa học.  Đa số các công trình nghiên cứu của Bùi Mạnh Nhị đều tập trung vào văn học dân gian. Chứng tỏ ông rất yêu văn hóa, văn học dân gian Việt Nam… |

**Đọc hiểu văn bản.**

**Phiếu học tập (\*)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đoạn** | **Nét độc đáo của bài ca dao qua cảm nhận của tác giả Bùi Mạnh Nhị** |
| 1 | Diễn tả tình yêu quê hương, đất nước một cách bình dị, sâu sắc |
| 2 |  |
| 3 |  |
| 4 |  |
| 5 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân**  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***:  - Em hãy đọc diễn cảm bài ca dao.  - Đọc bài viết của Bùi Mạnh Nhị.  **Thảo luận nhóm.**  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***: Hãy thảo luận theo bàn để hoàn thiện phiếu học tập trên (\*)  ***\* Bước 2. Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm và thu sản phẩm còn lại.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **Một số gợi ý:**  - Theo Bùi Mạnh Nhị, những hình ảnh đặc sắc nào của quê hương đã được khắc họa qua bài ca dao *Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng*?  **Làm việc cá nhân.**  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***:  - Bài viết này đã đề cập đến những nét độc đáo nào về hình thức của bài ca dao?  - Hai câu cuối có gì đặc biệt về hình thức nghệ thuật và cách thức thể hiện?  *Thân em như chẽn lúa đòng đòng*  *Phất phơ giữa ngọn nắng hồng ban mai.*  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **Làm việc cá nhân:**  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***:  *-* Bài viết đã thể hiện cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao? Nêu một số chi tiết trong văn bản làm căn cứ cho ý kiến của em.  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **Làm việc cá nhân:**  ***\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ***: Theo em bài viết thành công ở điểm nào?  ***\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.*** | **1. Nội dung bài viết:**  **a. Cảm nhận về vẻ đẹp của bài ca dao.**  **\* Vẻ đẹp về nội dung.**  - Theo tác giả, hai hình ảnh đặc sắc của quê hương đã được khắc hoạ đó là vẻ đẹp cả cánh đồng lúa bao la, trù phú, tốt tươi, đầy sức sống. Trên nền thiên nhiên đó là vẻ đẹp của người con gái thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống. Hai hình ảnh – cánh đồng và cô gái đã hợp thành bức tranh đồng quê đầy tươi sáng, sinh động.  **\* Vẻ đẹp về hình thức:**  **+** Sử dụng các biện pháp nghệ thuật độc đáo: Hai dòng thơ đầu được kéo dài tới 12 tiếng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như đối xứng, điệp ngữ, điệp từ, ngôn ngữ mang màu sắc địa phương.  + Bài ca dao có nhiều cách hiểu ở hai dòng thơ cuối: câu trên 7 tiếng, câu dưới 8 tiếng (Lục bát biến thể). Hai dòng thơ cuối có thể là lời của cô gái nhưng cũng có thể là lời của chàng trai, từ đó tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau về ý nghĩa của câu ca dao (gợi vẻ đẹp e ấp những cũng có thể gợi số phận…).  **b. Cảm xúc của tác giả.**  **-** Sự yêu mến, trân trọng với vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương (chi tiết tác giả nói về cánh đồng: cánh đồng không chỉ rộng lớn, mênh mông mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống; đó chính là con người, là cô thôn nữ thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống…)  **2. Nét độc đáo của bài viết.**  - Ngôn ngữ bình dị, không cầu kì, chau chuốt.  - Tác giả viết về bài ca dao bằng cảm xúc rất chân thật nên dễ dàng tạo sự đồng điệu với người đọc.  Bài viết là một bài nghị luận văn học chứa đựng cảm xúc và tình yêu văn học dân gian, tình yêu quê hương của tác giả Bùi Mạnh Nhị. |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu: Đ5,N1,V1, GQVĐ.**

(HS biết tận dụng kiến thức về thơ lục bát, ngữ liệu ở phần đọc hiểu văn bản để thực hiện các bài tập Tiếng Việt giáo viên giao)

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thiện các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của cá nhân hoặc nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| **Làm việc cá nhân**  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ*:**  **-** Em hãy cho biết vì sao phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản? Lấy ví dụ minh họa cho sự lựa chọn từ ngữ ?  - Có những thao tác nào để lựa chọn từ ngữ phù hợp? Khi lựa chọn những từ ngữ phù hợp, ta phải chú ý điều gì?  ***\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ****:* Đọc đoạn ca dao sau:  *Phồn hoa thứ nhất Long Thành*  *Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.*  *Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ,*  *Bút hoa xin chép bài thơ lưu**truyền.*  **Và trả lời các câu hỏi:**  a.Từ “phồn hoa” trong dòng thơ thứ nhất nên được hiểu như thế nào? Liệu có thể thay từ “phồn hoa” bằng từ “phồn vinh” được hay không? Hãy lí giải.  b. Tìm và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ”.  c. Xác định và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn ca dao trên.  d. Trong dòng thơ cuối, có thể sử dụng cụm từ “bút đây” thay cho “bút hoa” được không? Sự lựa chọn từ “bút hoa” góp phần thể hiện sắc thái ý nghĩa gì của bài ca dao.  ***\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  Đọc bài ca dao sau:  *Ai ơi về miệt Tháp Mười*  *Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn.*  **Và trả lời các câu hỏi sau:**  a. Từ “sẵn” trong câu “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” có nghĩa là gì? Việc lựa chọn từ “sẵn” trong bài ca dao này có phù hợp với nội dung mà tác giả muốn thể hiện không? Vì sao?  b. Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao trên.  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  **\* Tổ chức trò chơi *Ai nhanh hơn?***  Trong thời gian 5 phút, HS nào nối cột nhanh nhất và số câu đúng nhiều nhất sẽ chiến thắng  ***-*** Tìm từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A.  ***\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 5. Chuẩn kiến thức.***  ***\* GV chiếu lên màn hình các câu hoàn chỉnh và bôi đỏ những từ điền vào chỗ trống cho HS dễ quan sát.***  ***\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  *Bài ca dao, chỉ với bốn dòng ngắn ngủi nhưng đã mở ra một không gian bao la của đồng quê và một thế giới cảm xúc của người dân quê, vừa thiết tha sâu lắng. Bài ca dao cũng cho thấy lời ăn tiếng nói vốn dân dã, mộc mạc của mỗi miền quê, khi đã thành lời ca, điệu hát thì sẽ trở nên tha thiết, ngọt ngào như thế nào. Có cái gì khiến ta bâng khuâng, xao xuyến mãi trong mấy chữ đơn sơ này: “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”.*  Tìm từ láy trong đoạn văn trên. Những từ láy đó có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung của đoạn văn ?.  ***\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 5. Chuẩn kiến thức.*** | **I. Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản.**  **1. Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản.**  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (người viết) muốn thể hiện.  VD: *So với cánh đồng bao la, bát ngát, cô gái quá nhỏ bé, mảnh mai*.  Từ *mảnh mai* sử dụng rất phù hợp với việc miêu tả vẻ đẹp của cô gái: vẻ đẹp ưa nhìn.  **2. Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết.**  - Xác định nội dung cần diễn đạt.  - Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.  - Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ đứng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn văn).  **II.Thực hành.**  **1. Bài tập 1 – SKG trang 67**  a. Từ “phồn hoa” được hiểu là cảnh sống giàu có, xa hoa còn “phồn vinh” được dùng để miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng. Vì vậy, câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.  b. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh *phố - mắc cửi, đường – bàn cờ*  => Tác dụng: giúp người đọc hình dung được tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.  c. Từ láy “ngẩn ngơ” thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.  d. Từ “bút hoa” thể hiện tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.  **2. Bài tập 2 – SGK trang 68.**  a. Từ “sẵn” được hiểu là có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu**.**  Việc lựa chọn từ “sẵn” phù hợp với nội dung bài thơ để nhằm thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên đã ban tặng cho con người vùng đất Tháp Mười.  b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.  **3. Bài 3 – SGK trang 68.**  **Bảng nối cột như sau:**  1 – e (đề xuất).  2 – g (đề cử).  3 – h (biếu)  4 – k (tặng)  5 – i (hoàn chỉnh)  6 – a (hoàn thành)  7 – b (con)  8 – c (chú)  9 – đ (long lanh)  10 – d (lung linh).  1. Để giải quyết vấn đề này, các em nên chủ động đề xuất những phương án giải quyết.  2. Bạn Nga đề cử bạn Nam làm lớp trưởng  3. Bà ơi, mẹ cháu bảo đem sang biếu bà một ít cam ạ!  4. Ngày chia tay mái trương Tiểu học, tôi đã tặng cho người bạn thân nhất của mình một món quà nhỏ để làm kỉ niệm.  5. Một bài văn hoàn chỉnh cần có ba phần: mở bài, thân bài và kết bài.  6. Sau buổi học hôm nay, các em về nhà nhớ hoàn thành những bài tập còn lại nhé!  7. Người thợ săn bị một con hổ tấn công.  8. Chú mèo ấy là món quà đặc biệt mà bà ngoại đã mang từ quê lên cho tôi vào dịp hè năm ngoái.  9. Đôi mắt nó long lanh như hai hòn bi ve.  10. Bóng trăng lung linh trên mặt nước.  **4. Bài tập 4 - SGK trang 68**:  **-** Các từ láy trong đoạn văn trên: dân dã, mộc mạc, tha thiết, thiết tha, bâng khuâng, ngọt ngào, ngắn ngủi, xao xuyến. Các từ láy đó góp phần nhấm mạnh sự chất phác, mộc mạc thôn quê của bài ca dao và giúp người đọc hình dung rõ hơn tâm trạng, cảm xúc của tác giả đối với bài ca dao. |

**VIẾT NGẮN**

**a. Mục tiêu:** HS sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành tiếng Việt để hoàn thiện được một đoạn văn ngắn có nội dung về chủ đề bài học.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về bộ sưu tập ảnh quê hương của mình.

**c. Sản phẩm:** Bộ sưu tập ảnh, đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Hãy tự vẽ hoặc sưu tầm một số hình ảnh về quê hương, đất nước và viết một đoạn văn khoảng 150 – 200 chữ giới thiệu về bộ sưu tập của mình.

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (về nhà).**

**\* Bước 3: Nộp sản phẩm vào tiết học sau.**

**\* Bước 4: Bình chọn sản phẩm chất lượng nhất.**

- Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (kĩ thuật phòng tranh)

**1. Tổ chức bình chọn.**

**+** GV đưa ra tiêu chí bình chọn.

+ Cá nhân hoặc nhóm nhận phiếu tiêu chí và tiến hành bình chọn.

+ Thu phiếu đánh giá.

+ Công bố kết quả bình chọn và trao phần thưởng

**Một số tiêu chí bình chọn sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt/không đạt** |
| **Sự phù hợp của hình ảnh với đề bài** |  |
| **Sự phù hợp của đoạn văn với hình ảnh** |  |
| **Có dẫn nguồn thông tin rõ ràng về các hình ảnh đã sử dụng** |  |

**2. Trò chơi: Tìm về địa điểm du lịch hấp dẫn (chủ đề quê hương)**

**-** Sản phẩm nào được bình chọn cao nhất thì tác giả của sản phẩm đó sẽ đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về địa điểm du lịch này.

- Nêu ấn tượng khi nghe hướng dẫn viên giới thiệu (Nhận xét)

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**Văn bản: HOA BÌM.**

(Nguyễn Đức Mậu).

**a.Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

- HS hiểu nội dung, nghệ thuật của bài thơ nói riêng và thơ lục bát nói chung.

- Có cái nhìn rộng hơn, toàn diện hơn về thơ lục bát.

**b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.**

**c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Chuẩn bị đọc**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Hãy qua sát các bức ảnh sau và trả lời câu hỏi.



***\* Bước 2: HS trả lời một số câu hỏi:***

- Những bức ảnh trên chụp loài hoa gì?

- Theo em, loài hoa này gợi cảm xúc cho nhà thơ Nguyễn Đức Mậu như thế nào?

***\* Bước 3: HS trả lời câu hỏi***

- Hoa bìm bìm (hoa bìm)

- Là một loài hoa mang vẻ đẹp tự nhiên, cánh mỏng manh, nhiều màu sắc, gợi cảm xúc cho nhà thơ Nguyễn Đức Mậu.

***\* Bước 4: Nhận xét.***

**Trải nghiệm cùng văn bản + Đọc hiểu văn bản**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV cùng HS tìm hiểu đôi nét về tác giả Nguyễn Đức Mậu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ*:** Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy cho biết những nét cơ bản về nhà thơ Nguyễn Đức Mậu?  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **GV đọc hoặc chiếu một số đoạn thơ hay của Nguyễn Đức Mậu:**  *- “Một sớm sông Hồng mười bảy tuổi*  *Hoa gạo rơi trong nỗi nhớ nhà”*  **-**“*Qua nhiều dòng suối sâu tôi tìm được một viên đá nhỏ*  *Qua nhiều đêm rừng tôi nhặt về khắc khoải giọng từ quy*  *Qua bãi bom ngổn ngang bới đất sâu tôi tìm được*  *Cái cúc áo người phá bom trong vàng sắc hoa quỳ”.*  *- “Bến quê một nhánh sông gầy*  *Một con đò nhỏ chở ngày và đêm*  *Chở anh về phía không em*  *Bao xa vắng cứ đầy thêm đò chiều”*  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****:*  - Bức tranh quê hiện lên với những hình ảnh nào? Theo em hình ảnh nào là tâm điểm của bức tranh quê?  - Hãy nhận xét về bức tranh quê trong bài thơ?  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:*** tình cảm của tác giả đối với quê hương được thể hiện qua bài thơ như thế nào?  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Bài thơ có những nét nghệ thuật độc đáo nào?  - Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ trên?.  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.*** | **1.Tác giả.**    **C:\Users\TBC\Desktop\unnamed.jpg**  **Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu**  - Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu: sinh năm 1948 tại xã Nam Điền (Nam Trực), Nam Định.  - Trong số các nhà thơ trưởng thành từ kháng chiến chống Mỹ, Nguyễn Đức Mậu có một vị trí đặc biệt với những tác phẩm mang dáng dấp riêng. Thơ ông thiên về tự sự, đầy chất lính và rất giản dị, tình cảm. “Nói thì dễ, nhưng làm thơ đạt đến sự giản dị khó vô cùng, nếu không có sự từng trải và đi đến tận cùng”.    **2. Phân tích.**  **a. Bức tranh quê.**  Những hình ảnh nổi bật:  - *Hoa bìm bìm*  *- Chuồn ớt*  *- Cây hồng trĩu quả*  *- Cánh diều*  *- Bến nước, con thuyền*  *- Cánh bèo*  *- Cào cào*  *- Tiếng dế mèn*  *- Bầy đom đóm*  *- Tiếng cuốc kêu*  Trong đó, hình ảnh hoa bìm là trung tâm, được nhà thơ nhắc đến ở đầu bài thơ và kết thúc bài thơ cũng là hình ảnh loài hoa mỏng manh này.  **\* Nhận xét:** Bức tranh quê với những hình ảnh bình dị, đời thường, gắn với tuổi thơ của tác giả. Đồng thời đánh thức tuổi thơ trong mỗi người con xa quê.  **b. Tâm trạng nhà thơ.**  - Tác giả đã thể hiện tình cảm với quê hương khi gợi nhắc lại những kỉ niệm của tuổi thơ, những hình ảnh giản dị, đời thường gắn với cuộc sống thường ngày. Qua đó thấy được tâm trạng nhớ thương da diết, mong được trở về quê hương yêu dấu và tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ.  **c. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp từ, liệt kê…  **\* Đặc điểm thơ lục bát trong bài thơ:**  **-** Bài thơ gồm các cặp câu lục bát  - Về cách gieo vần:  + Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó: *bìm-tìm, ngư-hờ, sai-vài, dim-chim, gầy-đầy, tơ-nhờ*  + Tiếng thứ tám dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục kế theo: *thơ-ngơ, gai-sai, chim-dim, mây-gầy*  - Về ngắt nhịp: ngắt nhịp chẵn câu lục ngắt nhịp 2/2/2, câu bát ngắt nhịp 4/4  - Về thanh điệu: có sự phối hợp giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát: các tiếng ở vị trí 2,4,6,8 đều tuân thủ chặt chẽ theo quy định: tiếng thứ 2 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thanh trắc, tiếng thứ 6 và 8 là thanh bằng. |

**Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** bài tập đã hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ*:** -Nêu ít nhất một nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ.  ***\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.*** | - Bài thơ được làm bằng thể thơ lục bát, ngôn ngữ bình dị thể hiện nét gần gũi với cuộc sống chốn thôn quê. Tác giả đã sử dụng điệp từ “có” kết hợp với biện pháp liệt kê để gợi nhắc những hình ảnh thân thuộc gắn bó với tuổi thơ: *có con chuồn ớt lơ ngơ, có cây hồng trĩu cành sai, có con mắt lá lim dim, có con thuyền giấy*….. Từ đó, tác giả đã vẽ lên một khung cảnh thiên nhiên thân thuộc, gần gũi, sống động với người đọc và bộc lộ được cảm xúc, nỗi nhớ của mình với quê hương tuổi thơ. |

**LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**a. Mục tiêu: V1 – GQVĐ** (HS hiểu được cách làm thơ lục bát, vận dụng kiến thức lí thuyết đã học để tự sáng tác một bài thơ lục bát).

**b. Nội dung:** Nhắc lại lí thuyết, phân tích đặc điểm thơ lục bát trong một vài ví dụ, tập làm thơ lục bát.

**c. Sản phẩm:** BT đã hoàn thiện của cá nhân**.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***: Hãy đọc SGK trang 70,71 và trả lời câu hỏi?  - Em hiểu thế nào là một bài thơ? Thơ khác văn xuôi ở điểm nào ?  - Khi nào người ta làm thơ? Khi sáng tác thơ cần đảm bảo những yêu cầu gì?  - Nhắc lại thơ lục bát và đặc điểm thơ lục bát?  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu cho rằng: *Không có cảm xúc làm sao có những câu thơ rung động…*  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ*:** Hãy hoàn thiện các bài tập sau:  1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?  2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra cách hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tiếng/  Dòng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | Bát |  |  |  |  |  |  |  |  | | Lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | Bát |  |  |  |  |  |  |  |  |   3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?  4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?  5. Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?  6. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:*** Dựa vào lí thuyết đã học về thơ lục bát, em hãy tự sáng tác một bài hoặc một cặp câu lục bát (chủ đề tùy chọn).  Gợi ý: Em có thể tham khảo đề bài trong SGK trang 72.  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  **(Có thể giao về nhà)**  ***\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.***  ***\* Bước 4. Khen thưởng.*** | **I. Lí thuyết:**  **1. Thơ và yêu cầu khi sáng tác thơ.**  **a.Thơ:** là khái niệm chỉ các loại sáng tác văn học có vần điệu, có đặc điểm ngắn gọn, súc tích, nhiều ý cô đọng…  **b. Sáng tác thơ.**  \* Nội dung:  - Thể hiện được cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị…về cuộc sống.  \* Về nghệ thuật:  - Ngôn ngữ: hàm súc, gợi hình gợi cảm.  - Sử dụng các biện pháp tu từ để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị (nhân hóa, so sánh, ẩn dụ…).  - Sử dụng vần, nhịp một cách hợp lí để làm tang giá trị biểu đạt của ngôn từ.  **2. Thơ lục bát và đặc điểm thơ lục bát (Tri thức đọc hiểu)**  **II. Phân tích kiểu văn bản.**  **1. Ngữ liệu**: Bài thơ *Chăn trâu đốt lửa*  *Chăn trâu đốt lửa trên đồng*  *Rạ rơm thì ít gió đông thì nhiều*  *Mải mê đuổi một con diều*  *Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.*  **2. Phân tích kiểu văn bản.**  a. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: "Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro" khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc bâng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.  b. Cách hiệp vần và phối thanh của thơ lục bát  + Sự hiệp vần: *đồng – đông, nhiều – diều – chiều.*  + Bảng phối thanh:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tiếng/  Dòng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục | B | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | B | T | T | **B** | B | B | | Lục | T | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | T | T | T | **B** | B | B |   **c.** Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: chăn trâu, thả diều, nướng khoai đến những nét tiêu biểu như gió đông hay khoảnh khắc hoàng hôn đến. Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.  **d**.Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nướng khoai, qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông. Tất cả đã hoà quyện để cùng diễn tả cảm xúc của tác giả.  **e**. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật, tác giả sử dụng phép đối giữa ít-nhiều, rạ rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình). Đó còn là sự liên tưởng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.  **f.** Cách làm thơ lục bát về vần, nhịp, thanh điệu: bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ, tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai.  **III. Sáng tác thơ lục bát.**  **Các bước thực hiện:**  **1. Xác định đề tài, đối tượng, mục đích.**  (Gia đình, quê hương, bố mẹ, mái trường, thầy cô, bạn bè….).  **2. Tìm ý tưởng cho bài thơ.**  - Ý tưởng có thể đến bất chợt, cũng có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc đã diễn ra mà mình ấn tượng sâu sắc.  - Suy nghĩ vể ý tưởng mà mình muốn viết (thể hiện).  - Chọn một ý tưởng (sự việc, con người…) mà mình tâm đắc nhất.  **3. Làm bài thơ lục bát.**  - Thể hiện ý tưởng ra bằng từng dòng thơ.  - Lần lượt điền các tiếng của từng dòng thơ vào bảng quy định thanh điệu và hiệp vần của thơ lục bát.(Bảng bên dưới)  - Cần sử dụng các biện pháp tu từ để tăng hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ (ẩn dụ, so sánh, nhân hóa…)  - Chú ý giọng điệu phù hợp với nội dung, cảm xúc mình muốn thể hiện. |

**Bảng quy định về thanh điệu và hiệp vần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng**  **Dòng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Lục** |  | **thanh** |  | **thanh** |  | **thanh:**  **vần** |  |  |
| **Bát** |  |  |  |  |  | **thanh:**  **vần** |  | **thanh:**  **vần:** |
| **Lục** |  | **thanh** |  | **thanh** |  | **thanh:**  **vần** |  |  |
| **Bát** |  |  |  |  |  | **thanh:**  **vần** |  | **thanh:**  **vần** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Sử dụng bảng tự đánh giá (\*) | **II. Sáng tác thơ lục bát (tiếp theo).**  **4. Chỉnh sửa và chia sẻ.**  - Kiểm tra xem tiếng nào, dòng nào chưa chuẩn thì sửa lại.  - Tuy nhiên, thơ không chỉ đúng về luật mà còn cảm xúc. Câu nào chưa thể hiện cảm xúc cũng cần phải sửa (thay đổi).  - Đọc diễn cảm bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó dùng bảng (bên dưới) để điều chỉnh nội dung và hình thức bài thơ.  - Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình hoặc bạn bè để mọi người góp ý giúp. Sau đó lại tiếp tục điều chỉnh cho đến lúc bản thân thấy thật ưng ý. |

**Bảng tự đánh giá hình thức và nội dung bài thơ (\*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Bài thơ gồm các dòng lục (6 tiếng) và các dòng bát (8 tiếng). |  |
|  | Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp chẵn. |  |
|  | Cách hiệp vần: tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát kế nó. |  |
| **Hình thức** | Tiếng thứ 8 của câu bát đó lại vần với tiếng thứ 6 của câu lục kế tiếp. |  |
|  | Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ… |  |
| **Nội dung** | Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống. |  |

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC**

**VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**Chuẩn bị viết (Khởi động)**

**a. Mục tiêu: Kết nối** (HS hào hứng tiếp cận, khám phá kiến thức).

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để nhận xét về một đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Hãy đọc đoạn văn sau (trích từ bài làm của một bạn học sinh) và trả lời câu hỏi:  - Đoạn văn có nội dung gì?  - Nhận xét về cách diễn đạt, cách sử dụng từ ngữ và cách biểu lộ cảm xúc của người viết?  *Tình anh em, yêu thương, hoà thuận, trên kính dưới nhường như tay gắn bó với chân, sự gắn bó bằng đường gân, mạch máu:*  *Anh em như thể tay chân*  *Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần*  *Đây cũng là cách dùng một hình ảnh đối chiếu, so sánh “anh – em” với "tay, chân", mở ra trong suy nghĩ của người nghe nhiều liên tưởng, tưởng tượng. Nói khác đi, ông bà, cha mẹ luôn mong muôn con cái trong một nhà thương yêu, giúp dỡ lẫn nhau, gắn bó với nhau như tay với chân trong một cơ thể. Cái cơ thể ấy chính là gia đình. Người tiêu biểu cho gia đình chính là cha mẹ. Tình cảm anh em nằm trong tình thương yêu của cha mẹ. Vì thế, anh em hoà thuận sẽ đem lại niểm vui, hạnh phúc cho cha mẹ "Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần"*  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Nhận xét lại đoạn văn.*** | - Đoạn văn này chưa có câu chủ đề.  - Đoạn văn chưa trình bày cảm xúc về bài ca dao mà chỉ phân tích ý nghĩa… |

**Trong hoạt động (Trải nghiệm quá trình viết)**

**a. Mục tiêu: N1, V2, GQVĐ** (HS biết cách viết một đoạn văn nói chung và viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát nói riêng.

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để tạo lập một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d.Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  Hãy đọc SGK trang 75 và trả lời các câu hỏi trang 76.  - Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát không?  - Tác giả đoạn văn có sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc không?  Nội dung của từng phần là gì?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***:  Qua phần tìm hiểu ngữ liệu trên, hãy cho biết:  - Thế nào là đoạn văn?  - Cấu trúc một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát gồm mấy phần? Vai trò của từng phần?  - Yêu cầu khi viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát là gì?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Có mấy bước để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.***  - Xác định đề tài bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  + Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì?  + Đoạn văn thuộc kiểu bài gì?  + Độ dài đoạn văn là bao nhiêu?  - Cần tìm những thông tin nào? Tìm thông tin ấy ở đâu?  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3: Nhận xét.**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  Bước này, GV chủ động hướng dẫn lí thuyết để HS biết cách tìm ý.  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Em hãy tìm ý cho bài đã chọn.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý chi tiết.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**    **Viết đoạn văn:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** Em hãy dựa vào dàn ý đã lập để tiến hành viết đoạn văn (từ 150 từ đến 200 từ).  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** | **I. Phân tích ngữ liệu**  Tìm hiểu ngữ liệu SGK trang 75  (Đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài ca dao)  - Đoạn văn trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài ca dao: *Công cha như núi ngất trời*…  - Tác giả đoạn văn sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc về nội dung, nghệ thuật của bài ca dao.  **- Nội dung từng phần:**  **+ Mở đoạn:** Nêu cảm xúc sâu lắng của bản thân khi đọc bài ca dao.  **+ Thân đoạn:** Gồm 5 câu văn (từ câu 2 đến câu 6) trình bày cảm xúc về vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của bài ca dao, nêu cảm xúc khi đọc bài ca dao này. Tác giả đoạn văn đã làm rõ cảm xúc qua việc đưa ra các từ ngữ ,câu văn giàu sắc thái biểu cảm: “núi ngất trời”, “Nước ở ngoài biển Đông”, “núi cao biển rộng”, “cù lao chin chữ”, “ghi lòng”.  **+Kết đoạn:** Nêu ý nghĩa, bài học rút ra từ bài ca dao.  **II. Đoạn văn.**  - Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn.  -Về hình thức: đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.  **III. Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.**  **1. Cấu trúc: 3 phần**  **\* Mở đoạn:** Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  **\* Thân đoạn:** Trình bày cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ trích từ bài thơ.  **\* Kết đoạn:** Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  **2. Yêu cầu khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**.  - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn (cấu trúc).  - Đoạn văn phải thể hiện được cảm xúc của mình về một bài thơ lục bát.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  **IV. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.**  **\* 4 bước**  1.Chuẩn bị trước khi viết  2. Tìm ý và lập dàn ý.  3. Viết đoạn văn.  4. Chỉnh sửa đoạn văn  **\* Cụ thể:**  **1. Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định đề tài:  - Thu thập tư liệu.  **2. Tìm ý và lập dàn ý.**  **a. Tìm ý**  - Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.  - Xác định chủ đề của bài thơ.  - Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.  - Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.  **b. Lập dàn ý.**  Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:  \*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  \* Thân đoạn:  Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  **3. Viết đoạn văn.**  **4. Chỉnh sửa đoạn văn** (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)  - Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.  - Tự đánh giá và rút kinh nghiệm. |

**Bảng kiểm tra đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của đoạn văn** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng |  |
| **Mở đoạn** | Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. |  |
|  | Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ. |  |
| **Thân đoạn** | Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. |  |
|  | Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ. |  |
| **Kết đoạn** | Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa bài thơ với bản thân. |  |
|  | Kết đoạn bằng một dấu câu dùng để ngắt đoạn. |  |

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**a.Mục tiêu: N1** (HS có khả năng trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát (dạng nói).

**b.Nội dung:** HS làm việc cá nhân để hoàn thành tất cả các công đoạn của bài nói (biện pháp động não).

**c. Sản phẩm:** Bài nói (trình bày) của HS trước tập thể lớp với nội dung trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**d.Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Em hãy đọc SGK trang 78, 79 và cho biết: Theo em có mấy bước thực hiện một bài trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát? Đó là những bước nào?  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  **Cụ thể từng bước:**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Em hãy trả lời các câu hỏi sau:**  - Em định trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát nào? Bài thơ đó viết về đề tài gì? (Quê hương, đất nước, mái trường, tình bạn…)  - Đối tượng mà em hướng tới khi trình bày là ai? (bố mẹ, thầy cô, bạn bè…).  - Mục đích bài trình bày là gì?  - Em chọn không gian nào để trình bày? (lớp học hay sân khấu).  - Thời gian trình bày vào lúc nào? (trong tiết học chính khóa hay ngoại khóa về thơ lục bát…).  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****:* (HS tự trả lời các câu hỏi trên, không cần báo cáo).  **Bước 2 ,3: GV chủ động hướng dẫn HS thực hiện.**  **Chọn một trong hai cách luyện tập.**  **Lưu ý: Bài trình bày phải:**  - Giới thiệu rõ tên bài thơ lục bát.  - Đọc diễn cảm bài thơ.  - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những cảm xúc àm bài thơ đã gợi ra cho mình.  - Lấy những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ làm minh chứng điều mình nói.  - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói).  - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc.  - Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày).  - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về bài thơ: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp.  - Tương tác cùng người nghe. | **I. Các bước thực hiện.**  **4 bước:**  -Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.  -Tìm ý và lập dàn ý.  - Luyện tập và trình bày.  - Trao đổi, đánh giá.  **Cụ thể từng bước:**  **\*Bước 1**: **Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.**  **Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý.**  - Sử dụng cá ý đã có sẵn trong bài viết (đoạn văn) đã viết.  - Gạch ra những ý cơ bản cần trình bày dưới dạng gạch đầu dòng hoặc bôi đen những cụm từ chính.  **Bước 3**. **Luyện tập**  - Tự mình tập luyện, tự trình bày (có thể đứng trước gương, ghi âm lại để tự rút kinh nghiệm).  - Trình bày trước một bạn hoặc một nhóm để nhờ họ góp ý.  **4. Bước 4: Trao đổi, đánh giá.**  - Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm.  - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.  - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới)  **II.Trình bày chính thức.** |

**Bảng kiểm tra kĩ năng chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
| Bài chia sẻ có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Trình bày rõ tên bài thơ, tên tác giả và nội dung của bài thơ. |  |
| Thể hiện rõ cảm xúc của người nói về bài thơ. |  |
| Dùng bằng chứng cụ thể trong bài thơ để làm rõ cảm xúc của người nói. |  |
| Sử dụng động tác, ánh mắt (ngôn ngữ phi vật thể) và giọng nói phù hợp để góp phần thể hiện nội dung nói). |  |

**ÔN TẬP**

**Thời lượng: 1 tiết**

**a. Mục tiêu:** HS biết tổng hợp kiến thức đã học của bài học theo các dạng câu hỏi của từng nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, bài tập, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân, của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài 1 –SGK trang 79**

Tổ chức thảo luận theo nhóm bàn**.**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:** Hãy tóm tắt nội dung của các văn bản sau và xác định thể loại của chúng bằng cách điền vào bảng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Nội dung** | **Thể loại** |
| *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương.* |  |  |
| *Việt Nam quê hương ta* |  |  |

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** Thảo luận, hoàn thành phiếu học tập và đại diện nhóm báo cáo sản phẩm(nếu được GV yêu cầu)

***\* Bước 3: Nhận xét và nhận xét chéo.***

***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Nội dung** | **Thể loại** |
| *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương* | Thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đất nước qua vẻ đẹp của thiên nhiên tươi đẹp trù phú, của những địa danh gắn liền với lịch sử đấu tranh anh hùng. | Ca dao |
| *Việt Nam quê hương ta* | Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, của những con người lao động cần cù, chịu khó, truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng chung thuỷ, sự tài hoa của con người Việt Nam. | Thơ lục bát |

**Bài 2 – SGK trang 80**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:** Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài ca dao sau:

*Sông Tô nước chảy trong ngần*

*Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa*

*Thon thon hai mũi chèo hoa*

*Lướt qua lướt lại như là bướm bay.*

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** Thảo luận, hoàn thành phiếu học tập và đại diện nhóm báo cáo sản phẩm(nếu được GV yêu cầu)

***\* Bước 3: Nhận xét và nhận xét chéo.***

***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:* Đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ là:**

**-** Về vần, nhịp, thanh điệu: bài thơ có 4 dòng, hai dòng lục (6 tiếng) và hai dòng bát (8 tiếng). Tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất (ngần – gần) . Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai (xa- hoa -là). Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thanh bằng thanh trắc trong bài thơ.

- Về ngôn ngữ: từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi, diễn tả cảnh thuyền buồm tấp nập trên dòng sông Tô.

- Tác giả còn sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hoá (*thuyền buồm chạy gần chạy xa*), so sánh (*Lướt qua lướt lại như là bướm bay*) khiến cho cảnh vật trở nên gần gũi, thân quen với con người.

**Bài 3 – SGK trang 80**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ* :** Dựa vào gợi ý sau, em hãy nêu những đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương diện** | **Đặc điểm** |
| **Hình thức** | Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ vết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng. |
| **Nội dung** |  |

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu học tập.

***\* Bước 3: Nhận xét sản phẩm.***

***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:*** Đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương diện** | **Đặc điểm** |
| **Hình thức** | Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng. |
| Đoạn văn đảm bảo cấu trúc gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. |
| **Nội dung** | Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát. |
| **Mở đoạn**: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  **Thân đoạn**: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  **Kết đoạn**: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. |

**Bài 4 – SGK trang 80**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:** Nêu hai kinh nghiệm mà em có được khi viết và trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát đã học.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.

***\* Bước 3: Nhận xét sản phẩm.***

***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:*** Hai kinh nghiệm mà em có được khi viết và trình bày cảm xúc về bài thơ lục bát đã học:

- Thứ nhất: trước khi viết hoặc nói, phải xác định mục đích là gì? người đọc, người nghe là những ai? Điều đó giúp định hướng được nội dung bài viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

- Thứ hai, cần tìm những từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc, những biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ. Từ đó, phân tích cái hay, cái đẹp của bài và nêu cảm xúc của mình.

**Bài 5 – SGK trang 80**

**\* Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ:**Hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí mỗi người không giống nhau, đối với nhà thơ Tế Hanh, quê hương là “con sông xanh biếc”, với nhạc sĩ Hoàng Hiệp, quê hương gắn liền với những kỉ niệm trên dòng sông tuổi thơ… Vậy hình ảnh quê hương trong tâm trí em là gì? Quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta? Em có thể làm gì để quê hương ngày càng đẹp hơn.

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân, viết thành một đoạn văn.

**\* Bước 3. GV mời 1, 2 HS trình bày đoạn văn trước lớp**

**\* Bước 4. Nhận xét phần trình bày.**

***Gợi ý:***

Với mỗi người, hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí khác nhau; chốn bình yên, được tự do vui chơi và nô đùa, được đi thả diều trên triền đê, ăn những trái cây chín mọng trong vườn.

Quê hương có ý nghĩa quan trọng với mỗi người bởi đó là đó là nơi chôn rau cắt rốn, có tổ tiên, ông bà, họ hàng để nhắc nhở ta nhớ về cội nguồn của chính mình.

Để quê hương ngày càng đẹp hơn, mỗi người cần có trách nhiệm đóng góp và xây dựng bằng nhiều cách khác nhau: giữ gìn vệ sinh, không đổ rác bừa bãi, trồng thêm cây xanh, tôn tạo các công trình văn hoá như đền chùa, di tích lịch sử… Bên cạnh đó, mỗi người con của quê hương cần phấn đấu học thật giỏi và sau này quay về xây dựng, phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CẢ CHỦ ĐỀ**

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1.GV giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Trong cá văn bản viết về về quê hương vừa học, em thích nhất bài nào?Vì sao?

**+ Nhiệm vụ 2: -** Em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày cảm nhận của mình về vẻ đẹp của quê hương.

- Vẽ tranh về quê hương yêu dấu của mình.

- Thiết kế sơ đồ tư duy bài học theo ý hiểu của mình

**- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** (Nhiệm vụ 2 có thể báo cáo sản phẩm vào tiết học sau)

**- Bước 3. Nhận xét, đánh giá sản phẩm, khen ngợi....**

**- Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**Nhiệm vụ về nhà:**

1. Học thuộc những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương và *Việt Nam quê hương ta* của Nguyễn Đình Thi.
2. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm xúc về sự phát triển của quê hương em.

**BÀI 4:**

**NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI**

**A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc:**

- *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).

- *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).

- *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).

- Thực hành Tiếng Việt.

- *Cô gió mất tên* (Xuân Quỳnh).

**2. Viết:**

Kể lại một trải nghiệm của bản thân (hình thức một bài văn hoặc một đoạn văn).

**3. Nói và nghe.**

Kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**4. Ôn tập.**

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết- KHGD**

1. **Đọc và thực hành tiếng Việt: 8 tiết**

**2. Viết: 2 tiết**

**3. Nói và nghe: 2 tiết**

**4. Ôn tập: 1 tiết**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại: Người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.

- Rút ra được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân sau khi học xong văn bản.

- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Có khả năng thu thập tài liệu liên quan đến truyện đồng thoại nói chung và các văn bản của bài học nói riêng. | **Đ1** |
| **2** | Biết cách tìm và chỉ ra những đặc điểm của nhân vật trong các truyện đồng thoại. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết tiêu biểu, quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được ý nghĩa của các truyện đồng thoại. | **Đ4** |
| **5** | Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **V1** |
| Có khả năng giải quyết các bài tập mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ. |
| **6** | Có khả năng tạo lập một văn bản biểu cảm: cảm nhận của cá nhân về một nhân vật hoặc một vấn đề trong văn bản đã học. | **V2** |
| **7** | Có khả năng trao đổi, thảo luận đưa ra ý kiến của mình về các vấn đề trải nghiệm trong cuộc sống một cách hữu ích nhất. | **N1-NGH** |
| **8** | Kể được một trải nghiệm của bản thân mà mình nhớ nhất. | **N2-NGH** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân). | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI** | | |
| **11** | - Có thái độ nhân ái, khoan dung với người khác.  - Biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.  - Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống khiêm tốn, giản dị, tích cực. | **NA,**  **TN.** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- N-NGH: Nói - Nghe** (1,2: mức độ)

**- V:** Viết (1,2: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.

**- TN:** trách nhiệm.

**- NA:** Nhân ái

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngoại hình Dế Mèn** | **Tính cách Dế Mèn** |
| ............ | ........... |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

**- Phiếu học tập số 2: Lời kể và lời thoại.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế mèn** |
| Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

**Phiếu học tập 3: Sắp xếp các sự việc và lựa chọn sự việc quan trọng trong văn bản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hệ thống sự việc** | **Sắp xếp lại** | **Sự việc quan trọng nhất** |
| 1. Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thằn Lằn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô, hành lí lên vai, chào tạm biệt Thằn Lằn để về quê. |  |  |
| 2. Thằn Lằn thông báo với cụ giáo Cóc về sự xuất hiện của nhà buôn cánh cứng ở xóm Bờ Giậu đêm ấy. |  |  |
| 3.Thằn Lằn đến nhà cụ giáo Cóc kể cho cụ nghe câu chuyện Bọ Dừa mất ngủ. |  |  |
| 4. Bọ Dừa ngủ dưới vòm lá trúc, nửa đêm sương rơi trúng cổ làm Bọ Dừa tỉnh ngủ. |  |  |
| 5. Bọ Dừa ghé đến xóm Bờ Giậu và hỏi thăm Thằn Lằn về một chỗ trọ qua đêm dưới vòm lá trúc. |  |  |

**Phiếu học tập 4. Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mở bài** | Giới thiệu:… |  |  |
|  | Ý 1 |  |  |
| **Thân bài** | Ý 2 |  |  |
|  | Ý 3 |  |  |
|  | …. |  |  |
| **Kết bài** | Ý nghĩa: |  |  |

**………**

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

**3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| - *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).  - *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).  - *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).  - *Cô gió mất tên* (Xuân Quỳnh). | - Đưa ra những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Chỉ ra chủ đề của các truyện đồng thoại trong GSK.  - Nắm được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong các truyện đồng thoại. | Phân tích những đặc điểm về ngoại hình, phẩm chất của nhân vật Dế Mèn, Dế Choắt… | - Kể lại một truyện đồng thoại *Bài học đường đời đầu tiên*.(sử dụng ngôi thứ 3).  - Vận dụng hiểu biết về nội dung của các truyện đồng thoại để phân tích, cảm nhận về ý nghĩa câu chuyện.  - Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  - Trình bày một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | - So sánh tính cachs, lối sống của các nhân vật.  - Trình bày những kiến giải riêng, phát hiện sáng tạo về ý nghĩa của văn bản.  - Biết tự đọc và khám phá các giá trị của truyện đồng thoại.  - Vận dụng kiến thức đã học để viết và trình bày về ý nghĩa lối sống nhân ái, khoan dung, khiêm tốn, giản dị. |
| Thực hành Tiếng Việt. | Phân biệt từ, cụm từ, thành phần chính của câu | Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng các cụm từ. | Chỉ ra tác dụng của cụm danh từ, cụm tính từ trong câu. |  |
| Viết |  | Cách viết bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân. | Lên ý tưởng, tạo dàn ý cho bài viết | Viết hoàn chỉnh một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. |
| Nói- nghe |  | Cách trình bày một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | Lập dàn ý bài thuyết trình. | Trình bày hoàn chỉnh bài văn kể kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. |

**D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Hệ thống câu hỏi về văn bản, kiến thức Tiếng Việt.**

**2.Phiếu học tập.**

**3. Bài tập :** Sơ đồ tư duy về bài học (kết hợp trong hoặc sau tiết học).

**4. Rubric**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế sơ đồ tư duy về các truyện đồng thoại đã học.(4 điểm) | Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung  (1-1,5 điểm) | Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn.  (2-3 điểm) | Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.  (4 điểm) |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về một đoạn văn bản trong các truyện đồng thoại vừa học.  (6 điểm) | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt.  (3 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu .  (4- 5 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (6 điểm) |

**E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài học . | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | -Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung về truyện đồng thoại.**    **II. Đọc hiểu văn bản.**  - *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).  - *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).  - *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).  **III.Đọc mở rộng theo thể loại.**  - *Cô gió mất tên* (Xuân Quỳnh).  **IV.Thực hành Tiếng Việt:** Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ  **V.Viết:** Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  **VI. Nói – nghe**: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng** | **N1, V1, V2, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ mở rộng** | **Mở rộng** | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá. |

**G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**ĐỌC**

- *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).

- *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).

- *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tìm hiểu kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** Quan sát một tình huống và trả lời câu hỏi.

bài viết và nhận xét

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời giải quyết tình huống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Cách thứ nhất:**

1. GV dùng máy chiếu chiếu trực tiếp một tình huống về trải nghiệm cuộc sống:

**Tình huống như sau**: Mẹ nói với An: *30/4 tới đây, con được nghỉ học thì cả nhà mình về thăm ông bà ngoại vì mấy tháng rồi, dịch bệnh chưa về quê được*.

- An: *Không. 30/4 chúng con có dự định đi chơi công viên rồi. Hôm ấy lại là ngày sinh nhật của bạn con*.

- Mẹ: *Công viên lần này con chưa tới thì lần sau con tới, còn việc về thăm ông bà thì bố mẹ đã lên kế hoạch rồi*…

- An: *Con đã bảo con không về quê. Ông bà ngày nào chẳng gọi điện lên nhà mình ạ!*

- Mẹ: (Cúi mặt, khuôn mặt lộ rõ nỗi buồn).

- An:…

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

1. Em có đồng ý với lời nói và suy nghĩ của An không? Trong tình huống này, em sẽ hành động như thế nào?

2.Hãy chia sẻ với bạn về một chuyện đáng nhớ mà em từng trải qua.

**Cách thứ 2:**

- GV cho HS xem video câu chuyện về chú mèo Hello Kitty

Ở nước Nhật, có một câu chuyện cảm động về sự ra đời của chú mèo “Luôn biết lắng nghe” người khác.

- GV đặt câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của cô bé?

+ Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện này?

***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***

***\* Bước 3: Nhận xét.***

***\* Bước 4: Cùng trải nghiệm****,* ***logic vấn đề với bài học mới:***

*Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Có trải nghiệm tạo ra niềm vui, hạnh phúc. Có trải nghiệm mang đến kinh nghiệm. Có trải nghiệm để lại sự nuối tiếc, day dứt. Tất cả đều là bài học quý giá trong hành trình khôn lớn, trưởng thành của chúng ta.*

*Hôm nay, các em sẽ được trải nghiệm về những bài học đáng quý ấy qua những truyện đồng thoại – những bài học giúp chúng ta trưởng thành hơn.*

**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2,Đ3,Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

(HS hiểu truyện đồng thoại, ý nghĩa của từng truyện đồng thoại trong SGK…)

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Tìm hiểu truyện và truyện đồng thoại**

**Phiếu học tập (\*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Truyện cổ tích** | **Truyện đồng thoại** |
| Nội dung phản ánh |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Cốt truyện |  |  |

**(**HS sử dụng phiếu học tập trên để phân biệt truyện cổ tích và truyện đồng thoại)

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Theo em truyện khác thơ chỗ nào?  - Thế nào là truyện đồng thoại? Đối tượng của truyện đồng thoại là ai?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **HĐ nhóm:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Các nhóm bàn hãy thảo luận để hoàn thành phiếu học tập trên (\*)**  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **GV nhấn mạnh:**  - Truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi, các tác giả thường sử dụng “tiếng chim, lời thú” hồn nhiên, ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất phù hợp với tâm lí trẻ em. Đa phần trẻ em đều rất thích đọc truyện đồng thoại.  - Truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc.  - Trong truyện đồng thoại, sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động…tạo nên sức hấp dẫn kì diệu đối với trẻ em. | **1. Truyện.**  Truyện là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  **2.Truyện đồng thoại.**  Là truyện viết cho trẻ em (thiếu nhi), có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.  - Cốt truyện: gồm các sự kiến chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc. |

**Văn bản 1:**

***Bài học đường đời đầu tiên***

(Tô Hoài).

**Chuẩn bị đọc:** Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “bài học đường đời đầu tiên” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

**Trải nghiệm cùng văn bản**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu đôi nét về tác giả Tô Hoài để việc khám phá kiến thức văn bản được hiệu quả hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Hãy đọc SGK trang 89 và qua việc chuẩn bị bài ở nhà, em hãy cho biết những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài và sự nghiệp sáng tác của ông?  - Em biết những tác phẩm nào của Tô Hoài?  **\* *Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **\* Chiếu lên một số tác phẩm của Tô Hoài để HS quan sát**: *Dế Mèn phiêu lưu kí, Đám cưới Chuột, Vợ chồng A Phủ…*  **GV bổ sung**: Bút danh Tô Hoài là kỉ niệm về quê hương của ông: sông Tô Lịch và huyện Hoài Đức.  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết Dế mèn phiêu lưu kí được Tô Hoài sáng tác năm nào? Thuộc loại truyện gì?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **- GV mở rộng**: "Dế Mèn phiêu lưu kí" là một tác phẩm nổi tiếng đầu tay của nhà văn Tô Hoài được sáng tác khi ông 21 tuổi dựa vào những kỉ niệm tuổi thơ vùng Bưởi quê ông. Tác phẩm có 10 chương. Chương đầu kể về lai lịch và bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Hai chương tiếp theo kể chuyện Dế Mèn bị bọn trẻ con đem đi chọi nhau với các con dế khác. Dế Mèn trốn thoát. Trên đường về nhà gặp chị Nhà Trò bị sa vào lưới bọn Nhện độc ác. Dế Mèn đã đánh tan bọn Nhện cứu thoát chị Nhà Trò yếu ớt. Bẩy chương còn lại kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn.  **- GV hướng dẫn cách đọc văn bản:** Đọc to, rõ ràng, giọng đầy kiêu hãnh khi miêu tả về vẻ đẹp của Dế Mèn. Đoạn trêu chị Cốc đọc với giọng hách dịch, khi kể về cái chết của chị Cốc đọc với giọng buồn, hối hận.  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***-*** Đọc phân vai:  + 1HS đọc lời của Dế Mèn  + 1 HS đọc lời Dế Choắt.  + 1 HS đọc lời chị Cốc.  - Em hãy nêu vị trí của đoạn trích trong tác phẩm? - Kể tóm tắt.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét giọng đọc, bổ sung việc tóm tắt**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm *vụ:*** Có thể chia văn bản làm mấy phần?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Tác giả: Tô Hoài**  C:\Users\TBC\Desktop\tải xuống.jpg  **(1920- 2014)**    - Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi  - Sáng tác thiên về diễn tả những sự thật đời thường: *“Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”.*  - Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.  - Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư.  **2. Tác phẩm:**  **C:\Users\TBC\Desktop\tải xuống (1).jpg**  “[**Dế Mèn phiêu lưu ký**](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)” (1941) là truyện đồng thoại dành cho lứa tuổi thiếu nhi, tác phẩm đã được dịch ra 40 thứ tiếng trên thế giới. Trong truyện, nhân vật chính là Dế Mèn, cậu đã trải qua muôn vạn cuộc phiêu lưu thử thách đầy mạo hiểm. Ở chặng đường ấy là những bài học giúp Dế Mèn trưởng thành và trở thành một chàng Dế cao thượng. Chúng ta có thể đúc kết kinh nghiệm từ chính [**nhân vật Dế Mèn**](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)**,** đó là đi một ngày đàng học một sàng khôn.  **3. Đoạn trích: *Bài học đường đời đầu tiên*.**  **a. Vị trí**: Trích chương I của “ Dế Mèn phiêu lưu ký”.  **b. Đọc- kể tóm tắt** (theo ngôi thứ nhất).  **Các sự việc chính:** - Miêu tả Dế Mèn: Tả hình dáng, tả hành động, thói quen. - Kể về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Dế Mèn coi thường Dế Choắt. Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.  **c. Bố cục: 2 phần**  - Phần 1: từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”: Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.  - Phần 2:Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. |

**Đọc hiểu văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **- Phiếu học tập số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Ngoại hình Dế Mèn** | **Tính cách Dế Mèn** | | ............ | ........... | | ...... | ...... | | ..... | ....... |   **- Phiếu học tập số 2: Lời kể và lời thoại.**   |  |  | | --- | --- | | **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế mèn** | | Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | *- Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!*  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) | | ...... | ...... | | ..... | ....... | | |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Mỗi bàn là một nhóm nhỏ để thảo luận**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**Các nhóm hoàn thành phiếu HT số 1 về hình dáng và tính cách của Dế Mèn theo gợi ý sau:  Gợi ý: Tìm những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn. Trên cơ sở đó, nhận xét về tính cách của Dế Mèn.  **\* Bước 2.Các nhóm thực hiện nhiệm vụ và đại diện báo cáo sản phẩm.**  (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **- GV bổ sung**: Vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba.  **\* Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:** Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn như thế nào? (Những chi tiết miêu tả Dế Choắt?)  Thái độ của Dế Mèn khi Dế Choắt nhờ vả ra sao?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  ***GV bổ sung, nhấn mạnh:*** Tự hào về mình bao nhiêu thì Dế Mèn tỏ ra coi thường Dế Choắt bấy nhiêu. Thậm chí, Dế Mèn còn mang Dế Choắt ra làm đối tượng để thỏa mãn tính tự kiêu của mình…  **GV nhấn mạnh:** Việc Dế Choắt muốn đào cái ngách sang nhà nhân vật “tôi” phòng khi có kẻ nào bắt nạt cho thấy Dế Choắt tự được ý thức được sức khoẻ của bản thân và nghĩ rằng Dế Mèn là người hàng xóm tốt bụng, có thể chia sẻ và giúp đỡ được mình khi hoạn nạn  **Thảo luận theo cặp bàn:**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  + Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của?  + Việc Dế Mèn dám gây sự với chị Cốc khỏe hơn mình gấp bội có phải là hành động dũng cảm không? Vì sao?  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  ***\*Bước 1.GV đặt câu hỏi:* Dế Mèn trêu chị Cốc đã gây ra hậu quả gì?**  - Hậu quả của việc trêu chị Cốc là cái chết của Dế Choắt, song Dế Mèn có chịu hậu quả nào không? Nếu có thì là hậu quả gì?  - Tâm trạng của Dế Mèn có sự thay đổi ra sao trước cái chết của Dế Choắt? Sự hối hận bộc lộ qua hành động nào?  ***\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.***  ***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **\* GV đặt tiếp câu hỏi:** Qua hành động của Dế Mèn, em có nhận xét gì về sự thay đổi tâm lí của Dế Mèn? Theo em sự thay đổi đó có hợp lí không? Chính sự ăn năn ấy giúp ta hiểu thêm về tính cách Dế Mèn, đó là tính cách nào?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  \* GV đặt câu hỏi:Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  \*GV yêu cầu HS quan sát văn bản và trả lời câu hỏi:Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung tâm trạng Dế Mèn lúc này?  - Sau tất cả các sự việc trên, nhất là sau khi Choắt chết, Dế Mèn đã tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Theo em, đó là bài học gì? Việc tác giả để cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy?  **- GV nhấn mạnh:** Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời**.**  - Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái.  Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế Mèn. | 1. **Nhân vật Dế Mèn.**   **a. Bức chân dung tự họa**  - Ngoại hình Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.  - Hành động của Dế Mèn:  *+ Nhai ngoàm ngoạm.*  + *Co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ;*  *+ Đi đứng oai vệ;*  *+ Quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ; thỉnh thoảng, ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*  - Ngôn ngữ của Dế Mèn: gọi Dế Choắt là “chú mày” với giọng điệu khinh khỉnh..  - Thái độ của Dế Mèn: hãnh hiện, tự hào cho là mình đẹp, cường tráng và giỏi.  => Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.  **=> Nghệ thuật:**  + Kể chuyện kết hợp miêu tả;  + So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)  + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)  + Giọng văn sôi nổi.  **b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.**  **\* Dế Choắt trong cái nhìn của Dế Mèn.**  - Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).  - Ngoại hình:  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  - Tính cách:  + Dại dột, có lớn mà không có khôn.  + Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.  - Cách xưng hô: “chú mày”.  - Khi Dế Choắt nhờ giúp đỡ (đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.  - Thái độ của Dế Mèn: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng.  Ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.  **\* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.**  - Diễn biễn hành động và tâm lí của Dế Mèn:  + Lúc đầu thì huênh hoang trước Dế Choắt.  + Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.  + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.  hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  - Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.  - Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi  **2**. **Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**  - Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).  - Với Dế Mèn:  + Mất bạn láng giềng.  + Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời.  + Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.  - Tâm trạng của Dế Mèn:  + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.  + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận.  + Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  **\* Nhận xét:**  - Sự thay đổi đó bất ngờ song hợp lý bởi cái chết của Dế Choắt đã tác động mạnh mẽ tới suy nghĩ của Dế Mèn, vì Dế Mèn sốc nổi song không ác ý.  Ở đây có sự biến đổi tâm lý: từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận.  Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.  - Sự hối hận của Dế mèn là cần thiết vì kẻ biết lỗi sẽ tránh được lỗi.  - Có thể tha thứ vì tình cảm của Dế Mèn rất chân thành.  - Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn cay đắng vì lỗi lầm của mình, xót thương Dế Choắt, mong Dế Choắt sống lại, nghĩ đến việc thay đổi cách sống của mình.  - Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.  - Bài học về tình thân ái, chan hòa.  - Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.  - Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua. |

**Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi:  +Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của tác phẩm? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  + Em học tập được gì từ nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của Tô Hoài trong văn bản này?  **\* GV hỏi thêm:** Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Bài học đường đời đầu tiên* là truyện đồng thoại?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Nội dung:**  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...  **2. Nghệ thuật:**  - Kể chuyện kết hợp với miêu tả.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.  - Các phép tu từ .  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại:  + Nhân vật là các loài vật đã được nhân hoá: trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* có các nhân vật là Dế Mèn, Dế Choắt, Chị Cốc, chị Cào Cào.  + Thể hiện đặc điểm sinh hoạt của loài vật:  + Ngoại hình của Dế Mèn được miêu tả bằng những chi tiết đặc trưng cho loài dế: râu, đôi càng, đôi cánh, đầu, cái răng đen.  + Hành động của Dế Mèn như đạp phanh phách lên ngọn cỏ, đào hang… |

**LUYỆN TẬP SAU TIẾT HỌC**

**a. Mục tiêu: Đ4, N1** (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1**. Dựa vào gợi ý trong bảng dưới đây, em hãy tìm một vài câu thể hiện lời kể của Dế mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. (Phiếu học tập số 2)

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

**\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| - Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm.  - Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết ai nghe, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không. | - Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.  - Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ, chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  - Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?  (Lời của Dế Mèn với Dế Choắt) |

**Nhiệm vụ 2**. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Rung chuông vàng (game mini) thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

\* Bước 1: GV phổ biến luật chơi.

- Mỗi người sẽ có 4 tấm thẻ (Mỗi tấm thẻ 1 màu)

+ Xanh: Đáp án A.

+ Đỏ: Đáp án B.

+ Tím: Đáp án C.

+ Vàng: Đáp án D

**\* Bước 2.** GV đọc từng câu hỏi.

**\* Bước 3.** HS chọn đáp án bằng cách giơ tấm thẻ có màu tương ứng đã quy ước.

**\* Bước 4.** Công bố kết quả

- Nếu chọn sai đáp án thì ngồi xuống và vĩnh viễn mất quyền chơi.

- Người thắng cuộc là người ngồi xuống sau cùng.

**Các câu hỏi như sau:**

Câu 1: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

Câu 2: Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I

B. Chương III

C. Chương VI

D. Chương X

Câu 3: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.

B. Dế Mèn và chị Cốc.

C. Dế Mèn và Dế Choắt.

D. Chị Cốc và Dế Choắt.

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 5: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời

A. Dế Mèn.

B. Chị Cốc.

C. Dế Choắt.

D. Tác giả.

Câu 6: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ốm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 7: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 8: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

**VẬN DỤNG SAU TIẾT HỌC**

**a.Mục tiêu: N1, V1 - GQVĐ** (phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Cách 1:**

**\* Bước 1. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**: Hiện nay, trong cuộc sống, đặc biệt là trong lớp học vẫn còn hiện tượng " Dế Mèn". Giả sử em gặp những hiện này, em sẽ nói với bạn như thế nào? Em rút ra được bài học ứng xử như thế nào cho bản thân qua câu chuyện Dế Mèn?

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**Cách 2**:

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, em hiểu thêm điều gì về lỗi lầm của những người ở tuổi mới lớn và về thái độ cần có trước những lỗi lầm có thể mắc phải trong cuộc sống?

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**\* Gợi ý:**

Qua câu chuyện của Dế Mèn khiến em hiểu vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba của mình, có thái độ kiêu căng, tự phụ, xốc nổi. Đây cũng là những lỗi lầm dễ mắc phải ở những người tuổi mới lớn.

Thái độ cần có trước những lỗi lầm: chúng ta phải biết nhận ra và sửa chữa những sai lầm mà mình mắc phải, phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu xót của mình.

**Văn bản 2: GIỌT SƯƠNG ĐÊM**

**(Trần Đức Tiến)**

**a.Mục tiêu: Đ1,Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

(HS hiểu ý nghĩa của truyện đồng thoại *Giọt sương đêm*)

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Chuẩn bị đọc**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Đã bao giờ có một sự việc bất ngờ xảy ra khiến em thay đổi quyết định của mình? Em hãy chia sẻ với các bạn về trải nghiệm ấy.**

**- Em đã từng thấy bọ dừa chưa? Em đã biết gì về tập tính của bọ dừa? Nếu chưa biết gì về bọ dừa, em hãy hỏi người khác hoặc tìm hiểu thông tin từ sách và Internet.**

**\*Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Cùng trải nghiệm.**

**\* Bước 4. Vào bài mới.**

**Trải nghiệm cùng văn bản**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu đôi nét về tác giả Trần Đức Tiến để việc khám phá kiến thức hiệu quả hơn!

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Qua việc chuẩn bị bài và tham khảo tài liệu, em hãy cho biết những nét cơ bản về tác giả Trần Đức Tiến?**  **- Hãy kể những tác phẩm viết về thiếu nhi của Trần Đức Tiến mà em biết?**  **\* Bước 2. HS trả lời.**  **\* Bước 3. GV nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Truyện đồng thoại *Giọt sương đêm* trích trong tập truyện nào?**  **- Truyện kể theo ngôi thứ mấy? Truyện gồm những nhân vật nào? Hãy tóm tắt những ý cơ bản?**  **- Hãy đọc tác phẩm với giọng rõ ràng, mạch lạc.**  **\* Bước 2. HS trả lời trực tiếp hoặc ghi ra giấy.**  **\* Bước 3. GV nhận xét.**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | 1. **Tác giả: Trần Đức Tiến**   https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/3/3c/Tran_Duc_Tien.jpg/220px-Tran_Duc_Tien.jpg  **- Nhà văn Trần Đức Tiến sinh ngày 2 tháng 5 năm 1953 tại làng Cao Đà, xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông từng học ở trường làng rồi vào học chuyên Văn ở ngôi trường chuyên danh tiếng của thành phố Nam Định - Trường Lê Hồng Phong . Quãng thời gian còn đi học, ông từng là học sinh giỏi môn Văn của tỉnh và toàn miền Bắc. Sau đó, ông lên Hà Nội học đại học. Sau khi tốt nghiệp đại học, ông làm trong ngành thống kê đến năm 1989 thì chuyển sang công tác ở Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**  **- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1996.**  **- Trần Đức Tiến viết nhiều tác phẩm cho thiếu nhi. Trong đó có 3 truyện đồng thoại: Dế mùa thu, Làm mèo, Xóm Bờ Giậu. Ông viết bằng tâm thế của một đứa trẻ nên truyện đồng thoại của ông mang nét tinh tế, hồn nhiên.**  **\*Sáng tác cho thiếu nhi:**  **- *Vương quốc vắng nụ cười* (tập truyện thiếu nhi, 1993)**  **- *Dế mùa thu* (tập truyện thiếu nhi, 1997)**  **- *Thằng Cúp* (tập truyện thiếu nhi, 2001)**  **- *Làm mèo* (truyện vừa thiếu nhi, 2003)**  **- *Trăng vùi trong cỏ* (tập truyện thiếu nhi, 2006)**  **- Trần Đức Tiến - Những truyện hay viết cho thiếu nhi (2013)**  **- *Trên đôi cánh chuồn chuồn* (tập truyện thiếu nhi, 2015).**  **- *Xóm Bờ Giậu* (tập truyện thiếu nhi 2018 - tái bản năm 2020)**  **2. Tác phẩm.**  https://nxbkimdong.com.vn/sites/default/files/styles/158_auto/public/xom-bo-giau_bia-2020-1_0.jpg?itok=9IGKnp_m  **a. Xuất xứ và ngôi kể**  **- Trích trong tập truyện *Xóm Bờ Giậu.***  **- Ngôi kể: ngôi thứ 3.**  **b. Đọc và tóm tắt.**  **Những nội dung chính:**  **- Bọ Dừa đến xóm Bờ Giậu xin nghỉ trọ.**  **- Bọ Dừa muốn nằm nghỉ dưới tán lá trúc.**  **- Thằn Lằn đến báo cụ giáo Cóc về việc có vị khách đến trọ trong xóm Bờ Giậu.**  **- Đêm đến, giọt sương rơi xuống cổ của Bọ Dừa khiến Bọ Dừa không chợp mắt vì nhớ quê.**  **- Sáng hôm sau, Bọ Dừa đến chào Thằn Lằn và lên đường về thăm quê sau nhiều năm xa cách.** |

**Đọc hiểu văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Bọ Dừa đến trọ xóm Bờ Giậu vào thời gian nào?  - Những lời nói, hành động của Bọ Dừa với Thằn Lằn cho thấy Bọ Dừa là người như thế nào?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: HS khác nhận xét, GV nhận xét**  **\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Khi đang ngủ dưới vòm lá trúc, điều gì đã xảy ra với Bọ Dừa.  - Cảm xúc lúc đó của Bọ Dừa là gì?  - Giọt sương đêm có ý nghĩa gì?  **\* Bước 2: Các cặp thực hiện nhiệm vụ, báo cáo sản phẩm nếu được GV yêu cầu.**  **\* Bước 3: Nhận xét và nhận xét chéo.**  **\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Bọ Dừa nhanh chóng đưa ra quyết định gì?  - Theo em quyết định đó có vội vã không? Nó nói lên điều gì?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: GV nhận xét.**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hãy tìm hiểu những hành động của Thằn Lằn và cho biết Thằn Lằn là nhân vật như thế nào?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Cụ Cóc có vai trò gì trong xóm Bờ Giậu?  Em hãy tìm hiểu những lời nói của cụ Cóc và cho biết cụ Cóc là nhân vật như thế nào?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: GV nhận xét và đánh giá sản phẩm.**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trải nghiệm mà Bọ Dừa có được trong đêm ấy là gì? Qua đó, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: GV nhận xét sản phẩm.**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.** | **1. Nhân vật Bọ Dừa.**  **a. Bọ Dừa đến trọ xóm Bờ Giậu**.  - Thời gian: Trời chạng vạng tối.  - Lời nói của Bọ Dừa nói với Thằn Lằn:  + *Xin chào. Bác làm ơn chỉ giùm tôi một chỗ trọ trong xóm.*  + *Tôi chỉ cần một chỗ trọ xoàng xĩnh*.  + *Tôi ngủ tạm dưới vòm trúc kia cũng ổn*.  Nhận xét:  - Lời nói khiêm tốn, nhã nhặn.  - Là nhà buôn nhưng không cần chỗ nghỉ ngơi cao sang.  Bọ Dừa là người giản dị, khiêm tốn.  **b. Giọt sương đêm.**  - Không gian yên tĩnh đến mức Bọ Dừa cảm nhận rõ mọi âm thanh dù là nhỏ nhất của thế giới xung quanh.  - Giọt sương rơi bộp xuống cổ Bọ Dừa bất chợt trong đêm.  - Bọ Dừa bất ngờ và cảm nhận rất rõ cái lạnh của giọt sương.  - Giọt sương khiến Bọ Dừa không thể chợp mắt ngủ được vì nỗi nhớ quê.  \*Ý nghĩa của giọt sương đêm:  - Đánh thức nỗi nhớ quê, sự trăn trở trong tâm hồn người con xa quê.  **c. Quyết định của Bọ Dừa.**  Lí do khiến Bọ Dừa quyết định về quê sau một đêm mất ngủ:  Trong đêm thanh vắng, Bọ Dừa lắng nghe rõ được những âm thanh quen thuộc. Đặc biệt là khi giọt sương rơi xuống cổ khiến Bọ Dừa sực nhớ quê nhà. Những âm thanh, hình ảnh đó đã gợi nhắc về hình ảnh quê hương mà bao lâu nay Bọ Dừa đã bỏ quên.  - Không đi tiếp và cũng không ở lại xóm Bờ Giậu, Bọ Dừa quyết định lên đường về thăm quê.  Bọ Dừa rất yêu quê hương.  **2. Nhân vật Thằn Lằn.**  - Thằn Lằn rất gần gũi, chân tình và chu đáo:  + Thừa nhận sự nghèo khó của xóm mình – xóm Bờ Giậu: Chỗ nghỉ xoàng xĩnh cũng không có chứ đừng nói khách sạn với nhà nghỉ.  + Mời ông khách (Bọ Dừa) vào nhà mình nghỉ dù nhà Thằn Lằn chỉ là một cái bình trật trội.  + Chạy đến báo cáo với trưởng thôn là cụ giáo Cóc về sự việc vừa xảy ra. Rất tôn trọng người có vai vế trong xóm.  + Đồng cảm với tâm trạng của Bọ Dừa: nhìn theo ngơ ngẩn khi Bọ Dừa ra đi.  **3. Nhân vật cụ giáo Cóc.**  - Là vị trưởng thôn rất am hiểu về thế giới xung quanh.  Khi giải thích cho Thằn Lằn nghe, cụ Cóc đã liệt kê rất nhiều tên tuổi của họ cánh cứng: *Bọ Dừa, Bọ Ngà, Cánh Cam, Xiến Tóc*….*Anh sống trên cây. Anh đào hang dưới đất. Anh lặn xuống nước sâu. Anh béo tốt nhẵn nhụi. Anh gầy còm mảnh mai, Anh trọc đầu không râu. Anh ria dài như hai sợi ăng ten vắt vẻo. Anh hiền lành nhút nhát. Anh ngổ ngáo mọc sừng.*  - Là người có nội tâm sâu sắc.  Cụ hiểu rằng giọt sương đêm có ý nghĩa thức tỉnh nổi nhớ quê trong sâu thẳm tâm hồn Bọ Dừa cũng như tất cả mọi loài. Câu nói ngắn gọn của cụ “Có khi người ta thức trắng đêm chỉ vì một giọt sương” có ý nghĩa sâu sắc: vì một giọt sương đã khiến người ta thức trắng đêm, vì một kỉ niệm trong quá khứ ùa về khiến Bọ Dừa sực tỉnh, giật mình, suy nghĩ về những điều đã bỏ quên từ lâu, đó chính là nỗi nhớ quê nhà.  **4. Bài học trải nghiệm.**  - Trải nghiệm của Bọ Dừa trong đêm ấy là ông đã ngủ ngoài trời và ông đã có cơ hội được ngắm nhìn trời mây, lắng nghe âm thanh của lá cây, côn trùng, tiếng gió, tiếng sương rơi.  - Thông điệp: đôi khi vì cuộc sống bận rộn khiến chúng ta quên đi những điều thân thuộc, gần gũi với chính mình. Vì vậy hãy biết trân trọng những giá trị của cuộc sống. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ:** hãy chỉ ra những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật của truyện đồng thoại này?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm. \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Ví dụ: “**Anh sống trên cây. Anh đào hang dưới đất. Anh lặn xuống nước sâu. Anh béo tốt nhẵn nhụi. Anh gầy còm mảnh mai, Anh trọc đầu không râu. Anh ria dài như hai sợi ăng ten vắt vẻo. Anh hiền lành nhút nhát. Anh ngổ ngáo mọc sừng”. | 1. **Nội dung.**   - Nỗi nhớ quê trong lòng những người con xa xứ.  - Tình yêu quê hương trong tâm hồn mỗi con người.  - Trân trọng những giá trị trong cuộc sống, dù là những điều nhỏ nhất.  **2. Nghệ thuật.**  - Ngôi kể: ngôi thứ 3:  “Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo dài trườn qua chiếc lá rụng” (Lời người kể chuyện)  - Nghệ thuật liệt kê.  - Nghệ thuật so sánh.  - Nghệ thuật nhân hóa.  **-** Đặc trưng của truyện đồng thoại là thể hiện đặc điểm sinh hoạt của các loài vật. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP SAU ĐỌC HIỂU VB**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1** (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa khám phá từ kĩ năng Đọc.).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ:** Sắp xếp các sự việc sau theo đúng trật tự được kể trong truyện.

a. Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thằn Lằn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô hành lí lên vai, chào tạm biệt Thằn Lằn để về quê.

b. Thằn Lằn thông báo với cụ giáo Cóc về sự xuất hiện của nhà buôn Cánh Cứng ở xóm Bờ Giậu đêm ấy.

c. Thằn Lằn đến nhà cụ giáo Cóc kể cho cụ nghe câu chuyện Bò Dừa mất ngủ.

d. Bọ Dừa ngủ dưới vòm lá trúc, nửa đêm, sương rơi trúng cổ làm Bọ Dừa tỉnh ngủ.

e. Bọ Dừa ghé đến xóm Bờ Giậu và hỏi thăm Thằn Lằn về một chỗ trọ qua đêm dưới vòm lá trúc.

Trong những sự việc nêu trên, theo em sự việc là quan trọng nhất? Vì sao?

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

**\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm.  
\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

-Sắp xếp các sự việc: e – b – d – a - c

- Yêu cầu 2, HS có thể lựa chọn sự việc mà mình cho là quan trọng nhất. Lí giải?

Gợi ý: Sự việc a: “Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thằn Lằn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô hành lí lên vai, chào tạm biệt Thằn Lằn để về quê” là quan trọng nhất. Vì sự việc này có ý nghĩa sâu sắc, sau một đêm mất ngủ, Bọ Dừa nhận ra chính mình, quay trở về quê hương sau bao năm xa cách, quên lãng.

**VẬN DỤNG SAU ĐỌC HIỂU VB**

**(Có thể kết hợp Vận dụng cho cả 2 văn bản)**

**a. Mục tiêu: N1, V1 - GQVĐ** (phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhận xét về cách kết thúc câu chuyện của tác giả. Nếu là em, em sẽ kết thúc câu chuyện này như thế nào?

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3: Nhận xét sản phẩm.  
\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:**

**- Ý 1:** Truyện có kết thúc mở. Cách kết thúc đó của tác giả để mỗi người đọc sẽ tự cảm nhận, tự suy nghĩ và chiêm nghiệm về lời nói của cụ giáo.

**- Ý 2:** HS tự nghĩ ra cách kết thúc và lí giải cho sự lựa chọn cách kết thúc của mình.

**\*Câu hỏi chung :** Qua 2 văn bản đồng thoại vừa học, em rút ra kinh nghiệm gì khi tìm hiểu những tác phẩm thuộc văn bản đồng thoại?

**- HS trả lời cá nhân.**

**- GV nhận xét và lưu ý chung:** Khi tìm hiểu văn bản theo thể loại truyện đồng thoại, các em cần lưu ý:

+ Đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại: Cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

+ Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất hay người kể chuyện ngôi thứ 3.

+ Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.

**Đọc kết nối chủ điểm:**

**Văn bản: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ.**

**(Nguyễn Ngọc Thuần)**

1. **Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện trong văn bản.

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của mình qua việc học văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Bài học đường đời đầu tiên* và *Giọt sương đêm* để hiểu hơn về chủ điểm: *Những trải nghiệm trong đời.*

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Chuẩn bị đọc**

**\* Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Trong vườn nhà em thường trồng những loài hoa gì? Loài hoa nào em thích nhất?

- Em hãy quan sát những bông hoa sau và thử đoán đó là hoa gì nhé!

-Trong số các loài hoa trên, loài hoa nào đã nhắc đến trong các bài vừa học? Loài hoa nào sẽ xuất hiện trong bài học của chúng ta hôm nay?  
- Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Chuẩn kiến thức:**

+ Hoa bìm trong bài thơ cùng tên của Nguyễn Đức Mậu.  
 + Hoa hồng, hoa mào gà xuất hiện trong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.

**\* Kết nối văn bản:** Các em ạ! Mỗi loài hoa đều có vẻ đẹp riêng của nó nhưng nếu yêu thích hoa thì chúng ta sẽ thấy mỗi loại hoa không chỉ đẹp mà còn có hương thơm, có ý nghĩa riêng. Nó là món quà mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu “ý nghĩa đưa đường” của các loài hoa để thấy “thế giới” thật gần gũi và thân thuộc với con người như thế nào nhé!

**Trải nghiệm cùng văn bản**

**- Trước hoạt động:** Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

**- Trong hoạt động:** Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm qua những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Ngọc Thuần để việc khám phá kiến thức hiệu quả hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Qua việc tìm hiểu tài liệu và chuẩn bị bài, em hãy cho biết những điều em biết về tác giả Nguyễn Ngọc Thuần và nét riêng trong sáng tác của nhà văn này?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: Nhận xét và bổ sung.**  **\* Chuẩn kiến thức cơ bản.**  **GV nhấn mạnh:** Cả tập truyện *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* là tự sự của một cậu bé mười tuổi, sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của người khổng lồ internet ghé ngang. Điều hấp dẫn rất riêng của truyện là những câu thoại ngô nghê trong sáng, lại rất dí dỏm và ấm áp. | 1. **Tác giả**     **Nguyễn Ngọc Thuần**  - Sinh năm 1972 quê ở Tân Thiện- Hàm Tân – Bình Thuận.  - Là một nhà văn trẻ đầy triển vọng ở thể loại văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.  -Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần được sáng tác bằng cái nhìn hồn nhiên và ngạc nhiên của trẻ thơ, bằng những nắm bắt tinh tế, những phát hiện ngộ nghĩnh nhưng có sức gợi lớn. Qua ngòi bút của Nguyễn Ngọc Thuần, thế giới quen thuộc bỗng hiện lên mới mẻ, tinh khôi như mới sinh thành.  - Những trang viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần trong trẻo, thân thương, tươi sáng, ấm áp và đầy chất thơ.  **2. Tác phẩm.**  **C:\Users\TBC\Desktop\tải xuống (5).jpg a. Xuất xứ**: Đoạn trích rút từ tập truyện: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, xuất bản 2004.   1. **Tóm tắt.**   **Các chi tiết chính:**  - Hàng ngày, người cha dẫn con ra vườn hoa với nhiều loại hoa và hai cha con cùng nhau tưới hoa.  - Người cha đố con về tên các loài hoa, nhắm mắt ngửi hoa, sờ hoa mà nói đúng tên hoa và cùng nhau chơi các trò trốn tìm, đoán món quà…  Người con dần quen và hiểu rõ từng loài hoa trong vườn đến mức nhắm mắt, đóng của sổ mà vẫn cảm nhận hương hoa đang lan tỏa như thế nào. |

**Đọc hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Công việc hàng ngày mà người cha làm với con là gì?  - Tại sao người cha lại muốn con cùng tưới hoa, nhắm mắt đi trong vườn và nhắm mắt ngửi hoa, đoán tên loài hoa?  - Những việc mà người bố làm cùng con có ý nghĩa gì?  - Em hãy nhận xét tình cảm của người cha dành cho con?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Món quà mà Tý tặng cho bố của nhân vật tôi là món quà gì?  - Thái độ của người bố trước món quà này ra sao?  **- Em hiểu thế nào về câu nói của nhân vật bố: “Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”?**  **- Em có đồng tình với thái độ của người bố khi nhận món quà của Tý không? Vì sao? Qua đó, em rút ra được bài học gì về cách ứng xử trong cuộc sống?**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** Thái độ của người con như thế nào khi người bố thường xuyên dẫn ra vườn với những công việc: tưới hoa, nhắm mắt đi trong vườn và đoán các loài hoa, chơi trốn tìm, đoán đồ vật…?  - Em đánh giá như thế nào về cách cảm nhận thế giới tự nhiên của nhân vật tôi trong câu chuyện? Theo em, cách cảm nhận ấy đem lại ý nghĩa gì cho cuộc sống của chúng ta?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Nhân vật người cha (người bố).**  **a. Công việc người cha làm cùng con:**  - Dẫn con ra vườn hoa, làm đồ dùng cho con tưới cây cùng cha.  - Đố con nhắm mắt lại, chạm vào hoa và đoán tên các loài hoa. Khen con mỗi lần con đoán đúng.  - Cùng con chơi trò chơi trốn tìm, đoán đò vật một cách vui vẻ, hướng con đến những niềm vui, giá trị của cuộc sống.  Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.  **-** Người cha đã thể hiện tình yêu thương với đứa con thông qua những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình.  **b. Thái độ của người bố trước món quà của Tý.**  - Món quà là những trái ổi.  - Người bố vốn không thích ăn ổi nhưng vẫn đón nhận những trái ổi mà Tý tặng một cách trân trọng.  - Món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp và có ý nghĩa. Cách chúng ta nhận và trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình.  - Thái độ trân trọng, nâng niu, biết ơn của người bố khi nhận món quà của Tý vì Tý luôn dành những trái ổi ngon nhất để dành tặng nên người bố dù không thích ăn nhưng vì Tý mà vẫn ăn.  Từ đó, mỗi người đều rút ra được bài học cho mình trong cách ứng xử: cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình. Dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta.   1. **Nhân vật người con.**   - Luôn tỏ ra hào hứng, thích thú.  - Cách cảm nhận của nhân vật người con trong câu chuyện đã dần dần thay đổi: ban đầu, cậu bé không thể đoán được tên loài hoa, dần dần đã thuộc tên và rồi khi nhắm mắt lại, ngửi mùi hoa cũng có thể đoán đúng tên. Như vậy, người con đã cảm nhận thế giới tự nhiên bằng nhiều giác quan và khi càng hiểu, người con ấy càng trân trọng và thêm yêu mến thiên nhiên quanh mình.  Ý nghĩa: Đó là cách cảm nhận sâu sắc. Khi ta cảm nhận bằng cả tâm hồn và tình yêu thương, ta sẽ phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.  **3. Bài học trải nghiệm.**  - Trân trọng, yêu thương thế giới tự nhiên: thân thuộc, gần gũi với chính mình (“những bông hoa chính là người đưa đường”).  - Trân trọng, biết ơn những món quà người khác ban tặng cho mình, dù là món quà lớn hay nhỏ.  - Trân trọng, biết ơn công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. |

**Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Em hãy chỉ ra ý nghĩa nội dung của văn bản?  - Những nét nghệ thuật độc đáo của văn bản này?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | 1. **Nội dung:**   -“Vừa nhắm mắt, vừa mở cửa sổ” là một bức tranh đồng quê dung dị, trong trẻo, sống động, đầy chất thơ, lại chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu sắc. Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần đã mang lại cho tuổi thơ một món quà quý báu, và cho cả những người đã bước qua tuổi thơ một khoảng vườn suy ngẫm: hãy nhắm mắt và mở lòng - mở cánh cửa của chính mình - hãy nhìn cuộc sống bằng tất cả các giác quan để cảm nhận, để thấu hiểu, để yêu thương, để quan tâm và để nhớ  **2. Nghệ thuật**  - Ngôi kể:ngôi thứ nhất.  - Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành.  Dễ đi vào chiều sâu tâm hồn con người, đặc biệt là trẻ thơ. |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu: TV - GQVĐ**

- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**b. Nội dung**: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bàn để hoàn thiện nhiệm vụ về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  
**c. Sản phẩm**: câu trả lời cá nhân và phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d**.**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Xác định chủ ngữ trong các cặp câu sau đây (VD1), (VD2)?  - Thế nào là cụm từ?  - So sánh hai câu để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ ở mỗi câu bổ sung thêm thông tin như thế nào ?  **\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ và trả lời.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\*Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả.**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Xác định danh từ trung tâm ở cụm danh từ?  - Liệt kê những từ có thể đứng trước danh từ trung tâm, những từ đó bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa gì?  - Chỉ ra những từ đứng sau trước danh từ trung tâm, những từ đó bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa gì?  -Từ ví dụ trên, em rút ra cấu tạo của cụm danh từ gồm mấy phần? Phần nào là phần bắt buộc phải có trong cụm danh từ?  **\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ**  **\*Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả.**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Xác định động từ trung tâm ở cụm danh từ?  - Liệt kê những từ có thể đứng trước động từ trung tâm?  - Chỉ ra những từ đứng sau trước động từ trung tâm?  -Từ ví dụ trên, em rút ra cấu tạo của cụm động từ gồm mấy phần? Phần nào là phần bắt buộc phải có trong cụm danh từ?  **\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ**  **\*Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả.**  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức**  **Tương tự tìm hiểu về cụm tính từ**  **Phân thực hành áp dụng kĩ thuật Khăn trải bàn:**  **- Cá nhân suy nghĩ**  **- Tập hợp nhóm để thảo luận, thống nhất sản phẩm**  **LÀM VIỆC CÁ NHÂN:**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Mỗi HS hãy đọc trước yêu cầu của các bài tập để có thể biết cách làm và nhận xét được sản phẩm của bạn (nhóm bạn khác).  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm. \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **THẢO LUẬN NHÓM**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Nhóm 1: Bài tập 1, 2.**  **Nhóm 2: Bài tập 3.**  **Nhóm 3: Bài tập 4.**  **Nhóm 4: Bài tập 5, 6**  **\* Bước 2.**  **- Các nhóm thảo luận**  **- Các nhóm đổi chéo sản phẩm để bước đầu đánh giá sản phẩm của nhóm bạn.**  + Nhóm 1 – Nhóm 2 và ngược lại  + Nhóm 3 – Nhóm 4 và ngược lại  **\* Bước 3: Trả sản phẩm về nhóm tác giả và báo cáo trước lớp.**  **\* Bước 4. Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **I.Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.**  **1. Cụm từ**  **a. Ví dụ:**  VD 1:  *(1) Em bé/ lang thang.*  *(2) Em bé đáng thương, bụng đói rét/ vẫn lang thang trên đường.*  Trong câu (1): chủ ngữ của câu chỉ có một từ (em bé).  Trong câu (2): Chủ ngữ là một cụm từ. Chủ ngữ *em bé đáng thương, bụng đói rét* cụ thể hơn *em bé* vì có thêm thông tin về tình cảm của người kể và về hoàn cảnh của em bé.  VD 2:  *(1) Tuyết/ rơi.*  *(2) Tuyết trắng/ rơi đầy đường.*  Trong câu (1): Chủ ngữ chỉ có một từ (tuyết)  Trong câu (2): Chủ ngữ là một cụm từ. Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thêm thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết.Vị ngữ *rơi đầy đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ đặc điểm của *tuyết*.  **b. Kết luận:**  -Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.  - Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (DT, ĐT, TT) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm.  -Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.   1. **Cụm danh từ:**   **a.Ví dụ:** *Hai cái răng đen nhánh.*  - Danh từ trung tâm: ***Cái răng***  - Phần đứng trước danh từ trung tâm: ***Hai*** chỉ số lượng sự vật mà danh từ trung tâm thể hiện. Gọi là phần phụ trước.  - Phần đứng sau danh từ trung tâm: ***đen nhánh*** chỉ đặc điểm của sự vật... mà danh từ trung tâm thể hiện. Gọi là phần phụ sau.  **b. Kết luận:**  -Khái niệm: Cụm danh từ là một tổ hợp từ do một danh từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm danh từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần danh từ trung tâm, phần phụ sau.  **3. Cụm động từ**  **a.Ví dụ:** *thường dẫn tôi ra vườn*  - Động từ trung tâm: ***dẫn***  - Phần đứng trước động từ trung tâm: ***thường.*** Gọi là phần phụ trước.  - Phần đứng sau động từ trung tâm: ***tôi, ra vườn.*** Gọi là phần phụ sau.  **b. Kết luận:**  -Khái niệm: Cụm động từ là một tổ hợp từ do một động từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm động từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần động từ trung tâm, phần phụ sau.  **4. Cụm tính từ**  **a.Ví dụ:** *rất chăm chỉ*  - Tính từ trung tâm: ***chăm chỉ***  - Phần đứng trước tính từ trung tâm: ***rất.*** Gọi là phần phụ trước.  **b. Kết luận:**  -Khái niệm: Cụm tính từ là một tổ hợp từ do một tính từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm động từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần động từ trung tâm, phần phụ sau.  **II.Thực hành .**  **1.Bài tập 1 – GSK trang 96**  - Câu a chủ ngữ là “Vuốt” (chỉ là 1 từ)  Không thể hiện rõ được ở vị trí nào mà chỉ nêu chung chung.  - Câu b “Những cái vuốt ở chân, ở kheo” (cụm từ) làm chủ ngữ  Thông tin ở chủ ngữ trở nên rõ ràng hơn, cụ thể hơn và dễ hình dung hơn là chỉ có 1 danh từ “Vuốt”.   1. **Bài tập 2 – SGK trang 96**   a. So với cách dùng vị ngữ “bò lên” thì cách diễn đạt “mon men bò lên” giúp ta hình dung rõ hơn thái độ của Dế Mèn đó là rón rén, sợ sệt, từ từ bò lên sau khi biết chị Cốc đã bỏ đi.  b. So với cách dùng vị ngữ “khóc” thì cụm tính từ “khóc thảm thiết” diễn tả kĩ hơn mức độ khóc lóc vô cùng thương tâm, đau xót.  c. So với cách diễn đạt “nóng”, cụm từ “nóng hầm hập” giúp ta hình dung mức độ nóng đạt tới đỉnh điểm, vô cùng oi bức, khó chịu.    Khi dùng các cụm tính từ làm vị ngữ giúp chúng ta hình dung rõ hơn mức độ, tính chất của sự việc, sự vật được nói đến trong chủ ngữ.  **3.Bài tập 3 – SGK trang 97.**  \* Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài):  -*Tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống*. Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  - *Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên*. Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  \* Văn bản *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến)  - *Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn*. Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  - *Thằn Lằn vừa chui ra khỏi bình gốm vỡ, chưa kịp vươn vai tập mấy động tác thể dục, đã thấy ông khách quần áo chỉnh tề đứng chờ*. Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.   1. **Bài tập 4 – SGK trang 97.**   ***\* Xác định chủ ngữ và vị ngữ:***  a. Khách/ giật mình  b. Lá cây/ xào xạc.  c. Trời /rét.  ***\* Mở rộng thành phần câu:***  a. Vị khách đó/ giật mình.  b. Những chiếc lá cây bàng/ rơi xào xạc  c. Trời/ rét buốt.  Những câu mở rộng thành phần câu giúp thể hiện chi tiết, rõ ràng hơn so với các câu chưa mở rộng.  **5. Bài tập 5 – SGK trang 97**  a. Các từ láy: *phanh phách, hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh*.  Các từ láy góp phần diễn tả rõ ràng, chi tiết hơn vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh của chú Dế Mèn.  b.Những câu văn sử dụng phép so sánh: Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.  Tác dụng : Miêu tả những chiếc vuốt của Dế Mèn rất sắc nhọn, diễn tả sức mạnh của Dế Mèn.  **6. Bài tập 6 – SGK trang 97.**  a. Nghĩa của từ *tợn:*  - Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì , lộ rõ vẻ thách thức.  - Chỉ sự khác thường ở một mức độ cao (rét tợn)  b. từ “tợn” trong đoạn văn trên được sử dụng với nghĩa  hiểu: Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì , lộ rõ vẻ thách thức.  Cơ sở để xác định là dựa vào nội dung những câu văn sau đó: *Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại*. |

**VIẾT NGẮN**

**a. Mục tiêu:** HS sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành tiếng Việt để hoàn thiện được một đoạn văn ngắn có nội dung về chủ đề bài học.

**b. Nội dung:** Đóng vai Dế Mèn, viết đoạn văn ngắn về bài học đường đời đầu tiên…

**c. Sản phẩm: Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Em hãy đóng vai Dế Mèn, viết một đoạn văn khoảng 150 – 200 chữ nói về bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn “đứng lặng hồi lâu, suy nghĩ…” trước nấm mộ của Dế Choắt. Trong đoạn văn sử dụng ít nhất 2 câu mở rộng thành phần chính bừng cụm từ.

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (về nhà).**

**\* Bước 3: Nộp sản phẩm vào tiết học sau.**

**\* Bước 4: Bình chọn sản phẩm chất lượng nhất.**

- Tất cả các sản phẩm đều nộp về cho GV. GV chia sản phẩm cho từng thành viên để đánh giá chéo nhau cho khách quan.

- GV tập hợp 4 bài có lượt đánh giá cao nhất để bình chọn 2 sản phẩm chất lượng nhất.

- Đọc 2 bài đó trước lớp.

**1.Tổ chức bình chọn.**

**+** GV đưa ra tiêu chí bình chọn.

+ Cá nhân hoặc nhóm nhận phiếu tiêu chí và tiến hành bình chọn.

+ Thu phiếu đánh giá.

+ Công bố kết quả bình chọn và trao phần thưởng

**Một số tiêu chí bình chọn sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt/không đạt** |
| Đóng vai Dế Mèn để viết. |  |
| Sự phù hợp của đoạn văn với hình ảnh. |  |
| Sự phù hợp bài học trải nghiệm với nội dung văn bản *Bài học đường đời đầu tiên.* |  |
| Sử dụng ít nhất 2 câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ. |  |
| Đoạn văn giới hạn trong 150-200 chữ |  |
| Diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc… |  |

***Đoạn văn tham khảo***

  Tôi đứng lặng trước nấm mồ chôn Dế Choắt giữa đồng cỏ xanh um tùm. Người bạn hàng xóm ấy đã không còn. Tâm trí tôi ngập tràn sự ân hận và xót xa. Giá như tôi đồng ý cho Dế Choắt đào một cái ngách thông sang nhà tôi, giá như tôi không trêu chọc chị Cốc để người bạn ốm yếu của tôi phải chịu hậu quả đau xót như vậy. Chính tính cách kiêu căng, tự phụ, coi thường và thích trêu chọc người khác của tôi đã làm hại Dế Choắt. Trước nấm mồ của bạn, tôi cũng đã tự hứa sẽ thay đổi cách sống: cần sống hoà đồng, biết sẻ chia và giúp đỡ những người bạn xung quanh mình.  Không những vậy, tôi cần phải suy nghĩ thấu đáo về mọi việc trước khi làm để không gây ra những sự việc đau lòng như vậy.

***Các câu mở rộng thành phần chính:***

- Tôi đứng lặng trước nấm mồ chôn Dế Choắt giữa đồng cỏ xanh um tùm.

- Người bạn hàng xóm ấy/ đã không còn.

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**Văn bản: CÔ GIÓ MẤT TÊN**

(Xuân Quỳnh)

**a.Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

- Nhận biết được chủ đề của văn bản.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

- Tóm tắt được văn văn một cách ngắn gọn.

**b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.**

**c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Thực hành đọc**

Trước khi tiến hành thực hành đọc, GV cùng HS điểm qua vài nét về tác giả để HS có cái nhìn toàn diện hơn về văn bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Hãy nêu ngắn gọn những hiểu biết của em về nhà thơ Xuân Quỳnh? - Em biết những tác phẩm nào của Xuân Quỳnh? Đặc biệt là những tác phẩm viết cho thiếu nhi?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức một cách ngắn gọn.**  **HS đọc văn bản ở nhà. Đến lớp chỉ tóm tắt một cách ngắn gọn.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Văn bản *Cô gió mất tên* kể về điều gì?  - Cô Gió là nhân vật như thế nào?  - Thái độ, tình cảm muôn loài dành cho cô Gió như thế nào?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc qua văn bản này là gì?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Chỉ ra những đặc điểm của thể loại đồng thoại được thể hiện trong văn bản *Cô gió mất tên.*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  CÂU HỎI THÊM: Hãy kể về một lần em đã giúp đỡ người khác một cách thầm lặng?  - Cảm xúc của em khi làm việc đó như nào? | **I.Tác giả**  https://img-cache.coccoc.com/image?url=https://upload.wikimedia.org/wikipedia/vi/8/80/Xuan_Quynh.jpg&f=w  **Xuân Quỳnh (1942-1988)**  - Xuân Quỳnh, tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, là một nữ sĩ nổi tiếng của thơ ca hiện đại Việt Nam với nhiều bài thơ làm say đắm lòng người: *Thuyền và biển, Sóng, Thơ tình cuối mùa thu, Tiếng gà trưa*,... Bà được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Nhà nước và Giải thưởng Hồ Chí Minh vì những thành tựu cho nền văn học nước nhà.  - Xuân Quỳnh còn có duyên trong những sáng tác viết cho thiếu nhi với những tác phẩm vừa giản dị, gần gũi với cuộc sống, vừa sâu sắc, chan chứa tình người: *Cánh đồng mùa xuân, Cô gió mất tên, Lời ru của trăng.*  **II. Tác phẩm**  **1. Nhân vật cô Gió**  - Cô Gió không có hình hài, vóc dáng  - Cô đi đứng rất nhanh.  - Cô Gió ân cần, thân thiện, đi khắp mọi nơi, giúp đỡ mọi người, mọi vật.  - Niềm vui của muôn loài khi có sự hiện hữu của cô, muôn loài gọi tên cô Gió một cách thân mật nhất.    **3. Bài học trải nghiệm.**     Dù Gió không có dáng hình, chẳng ai nhìn thấy nhưng mọi người vẫn nhận ra cô vì cô luôn giúp đỡ người khác, mang lại niềm vui và tiếng cười cho mọi người.  Chúng ta cũng như vậy, những việc làm tốt có thể không ai nhìn thấy nhưng chỉ cần chúng ta luôn biết quan tâm, giúp đỡ, mang lại niềm vui và tiếng cười cho người khác thì mọi người sẽ yêu thương và quý trọng mình  **3. Nghệ thuật xây dựng văn bản**  - *Cô Gió mất tên* mang những đặc điểm của thể loại đồng thoại:  - Nhân vật là các loài vật, đồ vật đã được nhân hoá: cô Gió, hoa tầm xuân, chị Hũ, bạn ngô, bác lau sậy, chú Ong vàng có lời nói, cử chỉ như con người.  - Thể hiện đặc điểm sinh hoạt của sự vật như các chi tiết: cô Gió vừa vội vã bay đi, cô dừng lại một vài giây rồi từ từ thổi hơi mát vào giường bà…  => Qua những đặc điểm đó cũng thể hiện đặc điểm tính cách của con người: sự quan tâm, chăm sóc dành cho mọi người. |

**VIẾT**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN**

**a.Mục tiêu: V1, V2, GQVĐ**

- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết, tìm ý và lập dàn ý, xem lại bài viết và chỉnh sửa, rút kinhn nghiệm.

- Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân: dùng ngôi kể thứ nhất và bài viết thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

**b. Nội dung: HS làm việc cá nhân.**

**c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Phiếu học tâp (\*)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm kiểu bài** | ***Bài học đường đời đầu tiên*** |
| Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ lại trải nghiệm của bản thân, thể hiện cảm xúc trước sự việc. |  |
| Sắp xếp các sự việc theo trình tự hợp lí |  |
| Kết hợp kể và tả, thể hiện cảm xúc trước sự kiện. |  |
| Rút ra bài học kinh nghiệm về câu chuyện đã trải qua. |  |

**I.Tri thức về kiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **THẢO LUẬN NHÓM THEO CẶP.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Các nhóm hãy hoàn thiện phiếu học tập trên (\*).  **\* Bước 2. Thảo luận và hoàn thiện phiếu học tập.**  **- Báo cáo sản phẩm.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **LÀM VIỆC CÁ NHÂN.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Từ kết quả của phiếu học tập, hãy cho biết thế nào là bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân?  - Kiểu bài này có những đặc điểm nào?  - Bố cục gồm mấy phần?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức về kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.** | **1. Kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân (SGK trang 102)**  **2.Đặc điểm kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.**  - Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ lại trải nghiệm của bản thân, thể hiện cảm xúc trước sự việc.  - Sắp xếp các sự việc theo trình tự hợp lí.  - Kết hợp kể và tả, thể hiện cảm xúc trước sự kiện.  - Rút ra bài học kinh nghiệm về câu chuyện đã trải qua.  **3. Bố cục:** 3 phần  **- Mở bài:** Giới thiệu trải nghiệm.  **- Thân bài:** Trình bày diễn biến của sự việc.  **- Kết bài:** Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân (người viết) |

**II.Phân tích kiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **THẢO LUẬN NHÓM: 4 nhóm**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy đọc bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân trong SGK trang 103 và trả lời các câu hỏi:  - Câu chuyện trên kể bằng ngôi thứ mấy?  - Trải nghiệm của nhân vật “tôi”  được kể lại với những sự việc chính nào?  **-** Chỉ ra những chi tiết nhân vật “tôi” sử dụng yếu tố miêu tả khi kể lại trải nghiệm. Việc sử dụng những yếu tố đó có tác dụng gì?  - Nhân vật “tôi” đã nhận ra ý nghĩa gì của trải nghiệm? Vì sao ý nghĩa được trình bày trong đoạn cuối của bài văn?  **\* Bước 2. Thảo luận và hoàn thiện phiếu học tập.**  **- Báo cáo sản phẩm.**  **\* Bước 3. Nhận xét chéo.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Làm việc cá nhân:** Từ việc phân tích văn bản, em rút ra kinh nghiệm gì khi kể lại một trải nghiệm của bản thân?  **- HS trả lời .** | **1. Phân tích bài văn kể về trải nghiệm của bản thân (SGK trang 103):**  - Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất: Tôi  **-** Các sự việc chính:  + Làng tôi có con sông êm đầu chảy qua làng, chúng tôi thường rủ nhau tắm sông.  + Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng, đám trẻ rủ nhau ra sông tắm và nảy ra ý định tổ chức cuộc thi bơi giữa đám trẻ trong và ngoài làng.  + Tôi  nhận lời thách đấu, đã bơi nhanh và khi nhận ra đã bơi khá xa bờ.  + Bỗng bắp chân bị chuột rút và đau đớn, tôi sợ hãi tột độ.  + Một người làng đi câu cá gần đấy đã nghe tiếng kêu, nhanh chóng bơi ra và đưa tôi vào bờ.  + Tôi rút ra bài học chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.  - Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả:  + Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội, trêu đùa rộn rã cả một góc sông.  + Trận đấu diễn ra vô cùng căng thẳng, gay cấn, quyết liệt.  + Tôi cố ngôi lên mặt nước để kêu cứu nhưng càng vùng vẫy tôi lại càng chìm nhanh hơn và không thể thở được.  + Việc sử dụng yếu tố miêu tả giúp cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn, cuốn hút người đọc.  **2. Một số lưu ý khi viết bài kể lại một trải nghiệm của bản thân:**  - Dùng ngôi thứ nhất để kể  - Kết hợp kể và miêu tả  - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí  - Nêu ý nghĩa của trai nghiệm đối với bản thân.  - Bài văn phải đảm bảo bố cục 3 phần. |

1. **Viết theo quy trình.**

**Nội dung này sẽ sử dụng kĩ thuật THINK + PAIR + SHARE**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| **GV đã giao đề trước 1 tuần (khi học xong bài 3).**  **- HS thành thạo quy trình làm bài.**  **- HS đã có sổ tay ghi chép những bài học trải nghiệm, chọn trải nghiệm nào ấn tượng nhất, nhớ nhất để kể.**  **- Tìm kiếm thông tin.**  **\* Bước 1. GV chiếu mô hình lên bảng phụ như sau:** | **I. Quy trình:**  - Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc.  - Tìm ý tưởng, thông tin.  - Lập dàn ý.  - Viết bản thảo.  - Chỉnh sửa và chia sẻ.  **II. Thực hành viết theo quy trình.**  **1. Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc.** |
| **Mô hình**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đề tài** | **Mục đích viết** | **Người đọc** | | **Xác định nội dung, cách thức giao tiếp:**  - Tôi muốn viết về cái gì hoặc nội dung mà đề tài yêu cầu là gì?  - Phạm vi đề tài của bài viết này là gì?  - Kiểu loại là gì: nghị luận, tả cảnh, kể chuyện…? | **Xác định mục đích giao tiếp:**  **-** Viết để thông báo thông tin?  - Viết để thuyết phục người khác?  - Viết để miêu tả sự việc, hiện tượng?  - Viết để kể một câu chuyện bản thân đã trải qua?  - …. | **Xác định đối tượng giao tiếp:**  - Người đọc của tôi có thể là ai?  - Họ đã biết gì về vấn đề tôi định viết?  - Điều gì có thể làm họ hứng thú? Họ muốn biết thêm những gì? | | |
| **\* Bước 2. HS căn cứ vào bảng mô hình này và tự ghi ra phiếu những gì mình biết.**  **\* Bước 3. GV gọi một vài học sinh trình bày những gì mình vừa viết.**  **\* Bước 4. Dựa vào bảng mẫu mô hình để nhận xét.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Dựa vào sổ ghi chép đã chuẩn bị ở nhà, hãy phác thảo ý tưởng theo bảng gợi ý sau: | **2.Tìm ý, lập dàn ý.**  **a.Tìm ý** |
| **Phiếu ghi chép: Câu chuyện trải nghiệm của tôi.**  -Tôi muốn kể câu chuyện gì? Kể cho ai nghe?  ……………………………………  - Chuyện xảy ra khi nào? ở đâu?  ………………………………………  - Cảm xúc, suy nghĩ của tôi lúc đó như nào?  …………………………………….  - Sự việc đã xảy ra có ý nghĩa gì với tôi?  ……………………………………………… |  |
| - HS có những ý tưởng riêng, câu chuyện trải nghiệm riêng (giấu đồ của bạn, bỏ học đi đá bóng…)  **\* Bước 2. GV gọi một vài HS đọc ý tưởng, phân tích phần phác thảo ý tưởng của cá nhân.**  **\* Bước 3. Nhận xét cách phác thảo ý tưởng theo bảng.**  **\*Bước 4. Lập dàn ý.**  **-** HS dựa vào sơ đồ GV trình chiếu để điền các ý theo mẫu thành 1 dàn bài.  **- Trao đổi sản phẩm (dàn ý) với các bạn trong nhóm để góp ý cho nhau.**  **- Thời gian viết bài: 30 phút. Nếu không có thời gian viết tại lớp thì Gv giao cho HS về nhà viết.**  **Tổ chức chỉnh sửa và chia sẻ:**  **Sử dụng kĩ thuật THINK + PAIR + SHARE**  **\* Bước 1. Cá nhân tự chỉnh sửa theo bảng GV đã cung cấp** (HĐ Think)  **\* Bước 2. Trao đổi sản phẩm giữa 2 cá nhân để góp ý chỉnh sửa cho nhau (**Pair**)**  **\* Bước 3. Trình bày sản phẩm trước nhóm. (**Share lần thứ nhất).  **- Trình bày sản phẩm trước lớp (**Share lần thứ hai).  GV dùng vòng xoay khảo bài để gọi 1 số học sinh bất kì .  **C:\Users\TBC\Desktop\192707898_377468043848086_2514084077068524346_n.jpg**  **\* Bước 4. Nhận xét và góp ý trực tiếp.**  **LÀM VIỆC CÁ NHÂN.**  **\* Bước 1. Giao nhiệm vụ:** Qua bài viết và nhận xét góp ý của các bạn, em rút ra kinh nghiệm gì về cách viết bài kể lại một trải nghiệm của bản thân?  **\* Bước 2. HS trả lời.**  **\* Bước 3. Nhận xét.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **b. Lập dàn ý.**  **- Sắp xếp ý.**  **- Thể hiện ý tưởng thành dàn bài theo sơ đồ sau:**  **\* Mở bài:**  + Giới thiệu về thời gian, không gian.  + Cảm xúc.  **\* Thân bài:**  + Địa điểm và thời điểm xảy ra câu chuyện, nhận vật…  + Sự kiện thứ nhất…cảm xúc…  + Sự kiện thứ hai…cảm xúc…  + Sự kiện thứ ba…cảm xúc…  **\* Kết bài:**  + Ý nghĩa của trải nghiệm.  + Bài học kinh nghiệm.  **3. Viết bài.**  Hoàn thiện bài viết của cá nhân.  **4. Chỉnh sửa và chia sẻ**  **a. Chỉnh sửa: Theo bảng dưới (\*)**  **b. Trao đổi sản phẩm để góp ý chỉnh sửa cho nhau.**  **c. Trình bày trước nhóm, trước lớp.**    **d. Rút kinh nghiệm về cách viết bài kể lại một trải nghiệm của bản thân:**  - Bài viết phải đủ bố cục 3 phần.  - Các phần phải có ý rõ ràng.  - Bài viết phải thể hiện cảm xúc chân thành của người viết. |

**Bảng kiểm tra bài viết kể lại một trải nghiệm của bản thân (\*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của bài văn** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Mở bài bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng |  |
| **Mở bài** | Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về trải nghiệm của bản thân. |  |
|  | Cảm xúc của người viết. |  |
| **Thân bài** | - Thân bài bắt đầu bằng chữ in hoa viết lùi vào đầu dòng.  - Thời gian, không gian diễn ra sự việc (câu chuyện), nhân vật. |  |
|  | Các sự kiện và cảm xúc:  + Sự kiện thứ nhất…cảm xúc…  + Sự kiện thứ hai…cảm xúc…  + Sự kiện thứ ba…cảm xúc… |  |
| **Kết bài** | Kết bài bắt đầu bằng chữ in hoa viết lùi vào đầu dòng và một dấu chấm câu dùng để kết thúc. |  |
|  | Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của trải nghiệm.  - bài học kinh nghiệm. |  |

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**a.Mục tiêu: N1** (HS có khả năng trình bày (kể) về một trải nghiệm của bản thân.

**b.Nội dung:** HS làm việc cá nhân để hoàn thành tất cả các công đoạn của bài nói (biện pháp động não).

**c. Sản phẩm:** Bài nói (trình bày) của HS trước tập thể lớp với nội dung trình bày về một trải nghiệm của bản thân.

**d.Tổ chức thực hiện.**

**Sử dụng kĩ thuật KWL**

**để hiểu cách thức trình bày một trải nghiệm của bản thân:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K** | **W** | **L** |
| **Yêu cầu cần có của một bài kể về trải nghiệm.** | **Những điều muốn biết về cách kể một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.** |  |
| **Cách thức thể hiện một bài nói dạng kể chuyện** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Theo em, việc kể chuyện trong cuộc sống có những tác dụng tích cực như thế nào?  **\* Bước 2. HS trả lời.**  **\* Bước 3. Nhận xét.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy đọc SGK và cho biết: Theo em có mấy bước thực hiện một bài trình bày kể về một trải nghiệm của bản thân? Đó là những bước nào?  **\* Bước 2. HS trả lời.**  **\* Bước 3. Nhận xét. \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Cụ thể từng bước:**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Em hãy trả lời các câu hỏi sau:**  - Em định trình bày về trải nghiệm nào (đề tài) của bản thân? (WHAT)  - Đối tượng mà em hướng tới khi trình bày là ai? thầy cô, bạn bè…. (WHO)  - Mục đích bài trình bày là gì? (WHY)  - Em chọn không gian nào để trình bày? (lớp học hay sân khấu) (WHERE)  - Thời gian trình bày vào lúc nào? (trong tiết học chính khóa hay ngoại khóa về vấn đề trải nghiệm…) (WHEN)  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****:* (HS tự trả lời các câu hỏi trên, không cần báo cáo).  **Bước 2 ,3: GV chủ động hướng dẫn HS thực hiện.**  **Chọn một trong hai cách luyện tập.**  **Lưu ý: Bài trình bày phải:**  - Giới thiệu về trải nghiệm của bản thân là trải nghiệm gì?  - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những vấn đề, nội dung….  - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói).  - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc.  - Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày).  - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về nội dung bài nói: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp.  - Tương tác cùng người nghe. | **I. Tầm quan trọng của việc kể chuyện trong cuộc sống.**  - Gắn kết tình cảm  - Hình thành kỹ năng nghe – nói – đọc  hiểu biết hơn và rèn luyện tính logic  - Hỗ trợ kĩ năng giao tiếp.  - Học tập những bài học bổ ích.  **II.Các bước thực hiện.**   1. bước:   -Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.  -Tìm ý và lập dàn ý.  - Luyện tập và trình bày.  - Trao đổi, đánh giá.  **Cụ thể từng bước:**  **1.Bước 1**: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.  **Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý.**  - Sử dụng các ý đã có sẵn trong bài viết đã viết.  - Gạch ra những ý cơ bản cần trình bày dưới dạng gạch đầu dòng hoặc bôi đen những cụm từ chính.  **Bước 3**. **Luyện tập**  - Tự mình tập luyện, tự trình bày (có thể đứng trước gương, ghi âm lại để tự rút kinh nghiệm).  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Kể về trải nghiệm theo dàn ý. |  | | - Sử dụng những từ ngữ thể hiện được trình tự thời gian hoặc diễn biến của sự việc; những từ phù hợp để tả các chi tiết về sự vật, hành động;... |  | | - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, hình ảnh (nếu có sử dụng). Đảm bảo thời gian quy định. |  | | - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). |  |   \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được nội dung chính của trải nghiệm mà bạn kể; |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn kể chuyện |  |   **4. Bước 4: Trao đổi, đánh giá.**  - Mình nói (trình bày) cho người khác nghe và tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm.  - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.  - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới \*1).  - Đánh giá, góp ý bài trình bày của bạn (bảng dưới \*2)  **II.Trình bày chính thức.** |

**Bảng kiểm tra kĩ năng trình bày (kể) một trải nghiệm của bản thân**

**(\*1)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
| Bài chia sẻ có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc (Mở bài, thân bài, kết luận) |  |
| Trình bày rõ nội dung, nhân vật…trong câu chuyện. |  |
| Thể hiện rõ cảm xúc của người nói về trải nghiệm của bản thân. |  |
| Sử dụng động tác, ánh mắt (ngôn ngữ phi vật thể) và giọng nói phù hợp để góp phần thể hiện nội dung nói). |  |

**Bảng đánh giá cho bài kể của người khác (\*2)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Đề xuất** |
| **Ưu điểm 1** | **Hạn chế 1** | **1.** |
| **Ưu điểm 2** | **Hạn chế 2** | **2** |
| **Ưu điểm 3** | **…. (nếu có)** | **…. (nếu có)** |
| **… (nếu có)** |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Trình bày trước lớp**

- GV lắng nghe, theo dõi và nhận xét, góp ý.

**Nhiệm vụ về nhà:** Hãy kể cho ông bà, bố mẹ nghe về một trải nghiệm của em (có thể dùng luôn bài đã hoàn thành)

**ÔN TẬP**

**a.Mục tiêu: Tổng hợp, GQVĐ, GT-HT**

(HS biết tổng hợp kiến thức đã học của bài học theo các dạng câu hỏi của từng nội dung bài học).

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, bài tập, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân, của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài 1 –SGK trang 109**

Tổ chức thảo luận theo nhóm bàn**.**

***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ*:** Hãy tóm tắt nội dung của các văn bản sau bằng cách điền vào bảng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản** | **Nội dung chính** |
| *Bài học đường đời đầu tiên* |  |
| *Giọt sương đêm* |  |
| *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* |  |

***\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:*** Thảo luận, hoàn thành phiếu học tập và đại diện nhóm báo cáo sản phẩm(nếu được GV yêu cầu)

***\* Bước 3. Nhận xét và nhận xét chéo.***

***\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.***

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản** | **Nội dung chính** |
| *Bài học đường đời đầu tiên* | Văn bản miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính cách kiêu căng xốc nổi đã gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học  cho mình. |
| *Giọt sương đêm* | Văn bản kể về Bọ Dừa đến xóm Bờ Giậu để tìm một chỗ trọ. Bọ Dừa đã quyết định ngủ tạm ngoài vòm trúc và trong đêm ấy ông đã cảm nhận được những âm thanh, hình ảnh quen thuộc và đặc biệt là giọt sương đêm rơi khiến ông tỉnh giấc, sực nhớ quê nhà. Sáng hôm sau ông đã quyết định trở về quê. |
| *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* | Truyện kể về nhân vật tôi đã được người cha hướng dẫn những cách cảm nhận về cuộc sống, nhắm mắt sờ từng bông hoa rồi tập đoán, ngửi mùi hương và đoán tên hoa, những món quà… Qua đó thấy được tình yêu thương người cha dành cho đứa con. |

**Bài 2 – SGK trang 109**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:** Cách cảm nhận cuộc sống của các nhân vật trong ba văn bản trên có gì giống và khác nhau?

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***: làm việc cá nhân

***\* Bước 3: Nhận xét***

***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức***

- Giống nhau: các nhân vật đều có những trải nghiệm từ cuộc sống và qua các trải nghiệm đó, mỗi nhân vật đều rút ra được cho bản thân những bài học quý giá.

- Khác nhau:

+ *Bài học đường đời đầu tiên*: nhân vật đã trải qua vấp ngã, sai lầm khiến bản thân phải ân hận. Từ đó rút ra được bài học cho chính mình.

+ *Giọt sương đêm*: nhân vật đã trải qua một đêm thức trắng và sực tỉnh, nhận ra điều mình lãng quên từ lâu.

+ *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*: nhân vật đã có những cảm nhận sâu sắc về cuộc sống thông qua những trải nghiệm từ thiên nhiên, con người xung quanh mình.

**Bài 4 – SGK trang 109**

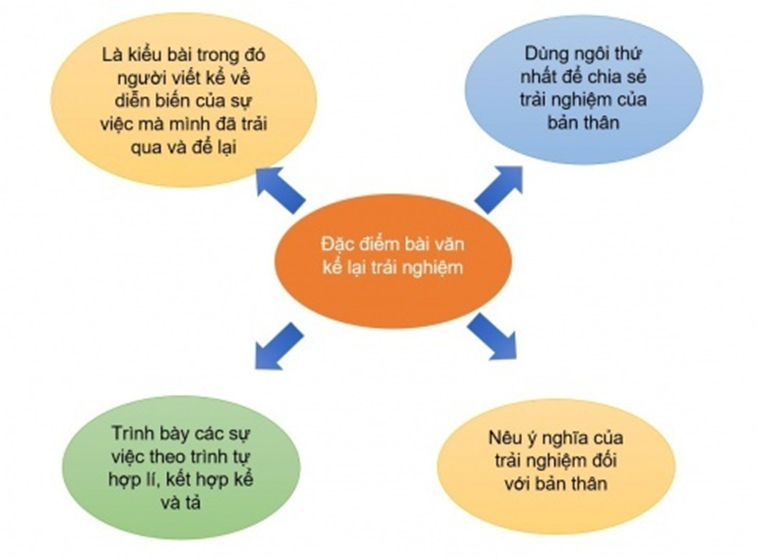
***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:** Vẽ sơ đồ sau vào vở và điền vào những đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ và điền nội dung vào từng ô.

***\* Bước 3: Nhận xét sản phẩm.***

***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:***

**Sơ đồ**



**Bài 5 – SGK trang 109**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**Em rút ra bài học kinh nghiệm gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi

**\* Bước 3. GV mời 1, 2 HS trình bày kinh nghiệm.**

**\* Bước 4. Nhận xét phần trình bày.**

**Chuẩn kiến thức:**

**-** Xác định đề tài và lựa chọn trải nghiệm của bản thân kỉ niệm sâu sắc, ý nghĩa.

- Nhớ lại những sự việc và sắp xếp các ý theo trình tự câu chuyện hợp lí.

- Bài văn kể về trải nghiệm bản thân phải thể hiện cảm xúc chân thật.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CẢ CHỦ ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học trong suốt chủ đề để giải quyết một vấn đề nâng cao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1.GV giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Trong các bài học trải nghiệm của các nhân vật ở những văn bản vừa học, em thấm thía nhất với bài học trải nghiệm nào? Vì sao?

**+ Nhiệm vụ 2:**

**-** Qua những gì đã học trong bài này, em nghĩ gì về ý nghĩa của trải nghiệm đối với cuộc sống của chúng ta.

**-** Thiết kế sơ đồ tư duy bài học theo ý hiểu của mình

**- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ** (Nhiệm vụ 2 có thể báo cáo sản phẩm vào tiết học sau)

**- Bước 3. Nhận xét, đánh giá sản phẩm, khen ngợi....**

**- Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**Rút kinh nghiệm sau bài học:**